

TÊ XUYÊN

GƯƠNG
NGƯỜI
XUA





Tên sách : GƯƠNG NGƯỜI XƯA

Tác giả : TẾ XUYÊN

Nhà xuất bản : ĐẠI NAM

Năm xuất bản : 1959

Nguồn sách : tusachtiengviet.com

Đánh máy : Rosie Nguyễn

Kiểm tra chính tả : Nguyễn Văn Phẩm, Trần Thị Thùy Trâm,
Trần Lê Nam, Kim Thoa, Lê Hữu Đức, Phạm Kiều Quyên,
Hoàng Vương Huy, Vũ Hà Phương, Nguyễn Tuấn Anh

Biên tập ebook : Thư Võ

Ngày hoàn thành : 26/04/2018

**Ebook này được thực hiện theo dự án phi lợi nhuận « SỐ HÓA 1000
QUYỂN SÁCH VIỆT MỘT THỜI VANG BÓNG » của diễn đàn TVE-
4U.ORG**

**Cảm ơn tác giả TẾ XUYÊN và nhà xuất bản ĐẠI NAM đã chia sẻ với
bạn đọc những kiến thức quý giá.**

MỤC LỤC

1. MỘT VÕ SINH VIỆT-NAM HẠ MỘT GIA TƯỚNG LỪNG DANH CỦA LƯU-VĨNH-PHÚC
2. BỮA TIỆC ĐẦU LÂU THẾT NGUYỄN-BIỂU
3. LƯỠI ĐAO NHỌN TRONG ĐÒN BÁNH TẾT
4. MÁU ANH HÙNG NHUỘM ĐỎ TÒA ÁN THỰC DÂN
5. ĐỐC SỎI : ĐẤT THIÊN KHÍ HÙNG
6. ĐỐC BINH « THỜI LỜI »
7. MATA-HARI VIỆT NAM
8. TIẾNG SÚNG KHỞI NGHĨA ĐẦU TIÊN
9. MỘT ĐIỆP VIÊN VÀO « HỎA LÒ » KHÁM PHÁ « BÍ MẬT PHÒNG SỐ 13 »
10. GIAI THOẠI VỀ NGUYỄN THÁI HỌC
11. MỘT ĐỒNG CHÍ CỦA KÝ CON « BỊ » PHÁP THƯỜNG HUY CHƯƠNG
12. HAI CHA CON HAI LẦN MỨC
13. NGUYỄN VĂN SÂM : CHỦ BÁO, KHÂM SAI, LÃNH TỰ CHÁNH TRỊ, ĐI XE BUÝT, ĐỂ BỊ ÁM SÁT
14. THI SĨ VIỆT CHÂU « TẠM GÁC THI VĂN KHOÁC CHIẾN BÀO »
15. CẬU HỌC SINH « CHIÊU HỒN NƯỚC » TRƯỚC MẮT THỰC DÂN

Đây là vài trang hùng sử để tặng các bạn thanh thiếu niên.

Tác giả sưu tầm tài liệu trong kho dã sử Việt-Nam và trong các giai thoại về vài nhà cách mạng chân chánh theo lời thuật lại của người đương thời – mà viết ra tập truyện bi hùng tráng này, bên lề lịch sử mong có thể là món quà tiêu khiển cho các bạn thanh thiếu niên nặng bầu nhiệt huyết vì Tổ quốc vì dân tộc.

TÁC-GIẢ

1. MỘT VÕ SINH VIỆT-NAM HẠ MỘT GIA TƯỚNG LÙNG DANH CỦA LƯU-VĨNH-PHÚC

Tại dinh khâm sai, một tiệc khai xuân được tổ chức để khoản đãi Lưu Vĩnh Phúc và các thuộc hạ thân tín của y trong số có Lý Bá Tân, một gia tướng võ nghệ cao cường mà Lưu rất tin dụng, coi như người số 1 trong bọn tướng chân tay.

Khâm sai Hoàng kế Viêm đem hết các món sơn hào hải vị để thết khách quý.

Vua Tự Đức đang lâm vào một tình cảnh bê bối ở miền Bắc : giặc Cờ Đen mà tướng soái là Lưu Vĩnh Phúc đã xâm chiếm các tỉnh Lạng Sơn, Cao Bằng, Thái Nguyên, Tuyên Quang, cướp bóc nhân dân, ai ai cũng ta thán. Đến khi vua Tự Đức sai sứ sang Trung Quốc để yêu cầu gửi binh sang dẹp giặc thì Trung quốc gửi tướng Bình Trung Nguyên qua Việt Nam, tướng này lại a tòng với Lưu Vĩnh Phúc mà thao túng cho giặc cướp bóc nhân dân hơn nữa. Bởi vậy Khâm sai Hoàng Kế Viêm mà triều đình phái ra Bắc dẹp giặc Cờ Đen, phải khôn khéo lắm : một mặt mua chuộc lòng các tướng lãnh của giặc, một mặt huy động binh sĩ tiêu trừ các nhóm Cờ Đen rải rác ở thượng du coi như chúng không còn liên hệ gì đến các tướng lãnh của chúng nữa.

Vì đó, Lưu Vĩnh Phúc thường lui tới dinh Khâm sai như một người không còn điều khiển giặc Cờ Đen nữa. Một mặt Lưu dung thứ cho đám đàn em của mình cướp bóc, hoành hành, một mặt lại giao du thân mật với Khâm sai Hoàng Kế Viêm để hưởng những sự ưu đãi của triều đình. Và lại Lưu Vĩnh Phúc lúc nắm tay với tướng Bình Trung Nguyên của Trung quốc phái qua Việt Nam dẹp giặc, đã đương nhiên như một vị tướng của Trung quốc và bề ngoài làm ra vẻ như đã giải tán binh lính của mình, chỉ còn một số tàn quân sống về cướp bóc.

Lưu đến dự tiệc khai xuân do Hoàng Kế Viêm mời, đem theo cả Lý Bá Tân nữa. Người Việt Nam thường gọi Lý là Chú Xìn sau khi đã nghe danh của y, hay được chứng kiến tận mắt các cuộc biểu diễn võ nghệ của y trên võ đài. Chú Xìn mới 24 tuổi, tính kiêu ngạo, hách dịch. Nhằm lúc vui xuân, y đã nhấp vài ly Bồ Đào mỹ tửu, cao hứng lên, nói với Hoàng Kế Viêm rằng :

- Nước ông muốn yêu cầu nước tôi giúp sức dẹp giặc thì các ông phải có người tài giỏi trước đã. Tôi nghe nói ông nuôi một số võ sinh hầu cận dưới trướng hẳn là người tinh thông võ nghệ lắm. Ông hãy cho một cậu nào ra thí võ với tôi vài hiệp cho vui gọi là thưởng mùa Xuân mới. Tôi chỉ dùng một cây kích còn võ sinh của ông muốn dùng khí giới gì cũng được ; không nói gì đến việc thắng tôi, riêng chỉ đụng được đến chiếc lông bào gắn ở đầu ngọn kích cũng được coi là tài giỏi rồi.

Khâm sai Hoàng Kế Viêm đang muốn lấy lòng các tướng Tàu, cố giữ khiêm tốn, tìm lời khôn khéo từ khước cuộc thí võ.

Chú Xìn bèn cả cười, nhấp thêm ly rượu nữa, rồi cầm cây kích bá chiến bá thắng của y ra giữa sân khoe tài. Các đường kích của y thật là kín, vùn vụt như thổi, nhẹ nhàng như tên bay, che kín cả bốn phía, trông rất ngoạn mục. Lưu Vĩnh Phúc ngả lưng trên sập gụ khảm xà cừ, hút vài điếu thuốc phiện, sau khi đã mãn tiệc rượu. Y lim dim cặp mắt, hỏi Hoàng Kế Viêm :

- Tướng quân có người nào đủ sức địch được với tên gia tướng của tôi không ? Xin đừng nề hà gì, cứ cho ra thử sức.

Hoàng Kế Viêm vẫn kiêu lời khiêm tốn để chối từ.

Múa xong vài đường kích, Chú Xìn đi đứng ngạo nghễ, bước tới bàn vị Khâm sai mà hất hàm hỏi cách kiêu căng :

- Thế nào ? Đã có ai chưa ?

Các võ sinh hầu cận Khâm sai tức lắm. Rồi bỗng một cậu nhảy xuống sàn ; Hoàng Kế Viêm đưa mắt ngăn cản không kịp. Lý Bá Tân (tức Chú Xìn) ngấm thẳng vào mặt võ sinh ấy, nhìn từ đầu đến chân mà mỉm cười :

- Anh dám thí võ cùng ta à ?

- Tôi đâu dám. Chẳng qua tướng quân rộng lượng muốn cho tiểu sinh này lên võ đài để mua vui và học thêm võ nghệ của tướng quân nên tiểu sinh chẳng quản tài bèn sức mọn, chỉ cầu giúp vui trong ngày đầu xuân.

Việc đã dĩ lỡ, không ngăn cản được, Hoàng Kế Viêm phải ưng thuận cho lập võ đài. Lưu Vĩnh Phúc vuốt râu, cười ha hả :

- Được lắm ! Vui xuân thì ta đừng nên quá rụt rè, e ngại. Lý tướng quân tuy võ nghệ cao cường nhưng sẽ nương tay với những người còn non nớt, để cho các em có dịp học tập thêm...

*

Ba hồi chuông đổ, báo hiệu hai đối thủ thượng đài. Họ Lý dùng ngọn kích sở trường của y, còn võ sinh Việt Nam xin lựa món côn.

Một tiếng chiêng nổi lên ngân ra 4 hướng : cuộc thí võ bắt đầu. Lý Bá Tân múa cây kích chỉ trong vài phút rồi đâm thẳng vào đối thủ Việt Nam toan kết thúc mau lẹ để khiêu khích thêm vài người nữa thượng đài. Y đã dự tính phải hạ được ít lắm là 5 mạng để gây thêm uy tín.

Ngọn kích của Lý phóng ra mau như chớp nhưng võ sinh Việt Nam cũng lanh mắt, né kịp. Lý đã thấy khó mà chiến thắng dễ dàng ; còn bên đối thủ Việt Nam thì chỉ giữ thế thủ, cố né tránh mấy đường kích hiểm độc kế tiếp của họ Lý, lần nào cũng tránh trôi lọt.

Lý tức lắm, bắt đầu nổi nóng, dờ đến ngón kích cuối cùng mà y tin rằng đối thủ đỡ không kịp. Hai tiếng « Sát ! Sát ! » y vừa hét lên như sét đánh, với một niềm tin vững chắc là đâm chết được anh võ sinh Việt Nam, nhưng y có ngờ đâu chỉ trong nháy mắt cây côn của đối thủ đã giáng xuống

đầu y như một cái búa ngàn cân. Lý Bá Tân nằm sõng sượt bất tỉnh, máu và óc ra lênh láng một vũng.

Hoàng Kế Viêm kinh hoảng vì biết rằng trận thắng này sẽ làm mất mặt Lưu Vĩnh Phúc. Song họ Lưu lanh trí, chữa thẹn :

- Tiểu tướng của tôi mấy hôm nay không được khỏe vì thời tiết âm thấp.

Cuộc thí võ kết liễu bằng một mạng danh tướng trên võ đài, vậy mà bên phía các võ sinh Việt Nam và các gia tướng của vị Khâm sai, không ai dám thốt ra nửa tiếng hoan hô cuộc thắng lợi của mình, vì ai cũng thông cảm sự thắc mắc của chủ soái.

Vụ này, Hoàng Kế Viêm cấm không cho tiết lộ trong dân gian, để khỏi gây khó khăn trong việc giao thiệp và việc thuyết phục tướng giặc Cờ Đen. Cho đến danh tánh võ sinh Việt Nam đã thâu được thắng lợi vẻ vang lấy lòng đáng nêu gương, danh tánh võ sinh ấy cũng không được công bố, cốt sao khỏi làm bẽ mặt Lưu Vĩnh Phúc.

Vì vậy hậu thế, không ai biết rõ võ sinh ấy là ai.

2. BỮA TIỆC ĐẦU LÂU THIỆT NGUYỄN-BIỂU

Sáng hôm nay cụ Nguyễn Biểu vâng lệnh vua Trần Trung Quang đến dinh Nguyên soái Trương Phụ để xin nước Tàu phong cho vua.

Trương Phụ được lệnh đem binh sang nước Nam để trừng phạt Hồ Quý Ly bị tố cáo là phản nghịch vì đã chiếm đoạt ngôi vua. Lấy danh nghĩa giúp nhà Trần khôi phục ngai vàng, Trương Phụ muốn trấn tĩnh nhân tâm để lo tính mưu kế xâm lăng nước Nam. Thật sự y đến đâu cũng áp bức dân chúng, cướp đoạt tiền tài, tổ chức quận huyện đặt quan cai trị của y. Trong khi ấy cha con ông Hồ Quý Ly đã bị bắt, vua Trần Trung Quang đã lên ngôi mà Trương Phụ không chịu biết đến. Y làm thịnh xúc tiến việc củng cố vị trí đóng quân khắp các nơi hiểm yếu.

Dòng dõi nhà Trần còn có hai người tôn thất là Quý Khoáng và Giản Định thì Quý Khoáng bị quân Tàu bắt mất, Giản Định thoát tay chúng, được một số người cũ còn trung thành bảo vệ, mới lên ngôi vua.

Theo tục lệ thì mỗi khi có một vua mới là lại xin nước Tàu sắc phong. Nhưng sau khi nhà Hồ thất bại, nước Nam lâm vào cảnh bị xâm lăng thật sự. Về quân lực, nhà vua không có bao nhiêu, chỉ tự vệ chống với kẻ thù trong nước, đâu có sức đánh đuổi quân ngoại xâm.

Nước ta lúc này sống những giờ bi thảm, nhân dân đau khổ. Vận nước như treo trên sợi chỉ mảnh.

Bởi vậy cụ Nguyễn Biểu lãnh sứ mạng của vua, đến dinh Trương-Phụ, thật là đã làm một điều quá sức. Vào tới dinh của Nguyên soái nước Tàu, cụ cố giữ gìn quốc thể, không để cho bị nhục. Bận y phục Điện tiền ngự sử, mũ áo cân đai uy nghi, cụ trình với Trương-Phụ bức quốc thư của vua Trần.

Trương-Phụ muốn làm nhục bắt cụ phải quỳ để thi lễ như kẻ dưới đối với người trên. Cụ nhất định không quỳ, nhìn thẳng vào Trương Phụ mà đồng dục nói :

- Tôi thay mặt vua nước tôi, không thể nào làm ô danh quốc thể mà quỳ lạy một vị nguyên soái của Trung quốc. Dù có mất đầu tôi cũng không quỳ, tánh mạng tôi hiện nay ở trong tay tướng quân, vậy tướng quân muốn làm sao thì làm.

Thấy lời lẽ khẳng khái của người khâm mạng triều đình nước Nam, tên tướng Tàu không dám giết vì y cho rằng sẽ thất nhân tâm. Và lại, thế lực của y chưa xây dựng vững vàng cho lắm, y cần phải tạm ra về thân dân trong lúc này.

Y bèn mời cụ Nguyễn-Biểu ngồi, rồi sau đó mở tiệc khoản đãi.

Khi tiệc dọn lên thì trên mâm rượu có đúng một cái đầu lâu người mới bị chém, máu me còn lai láng, hai mắt trợn trừng rất là ghê sợ. Đó là món ăn duy nhất để đãi khách với một nậm rượu cùng để trên mâm. Trương Phụ giơ tay mời : « Thỉnh tiên sinh ».

Y để ý xem cụ Nguyễn Biểu có sợ hãi chẳng trước cái đầu lâu cảnh cáo cụ hãy coi chừng mất đầu lúc nào không biết.

Cụ Điền tiền ngự sử cảm thấy lúc này cụ lãnh một sứ mạng quan trọng lắm ; ở con người bé nhỏ, gầy còm của cụ không những có sự đại diện cho nhà vua mà còn cả một cái gì cao cả, vô giá hơn nữa : cái đó là sự đại diện cho Quốc-gia, Dân-tộc. Nghĩ vậy, cụ điềm đạm không hề biến sắc mặt trước mâm tiệc đầu lâu ấy ; cụ ngồi vào bàn tiệc với thái độ thản nhiên. Nguyên soái Trương Phụ để ý nhận xét từng cử chỉ cùng nét mặt của cụ.

Vị đại diện nhà vua rót rượu, cầm đũa, rồi nói với viên tướng xâm lăng :

- Chẳng mấy khi một kẻ tì tiện ở nước Nam như tôi được ăn đầu lâu của người Trung quốc. Tướng quân đã có lòng khoản đãi, tôi đâu dám từ chối.

Nói xong, cụ móc hai mắt của cái đầu lâu rồi nuốt trửng ; cụ nhâm nhi uống rượu như trong các tiệc yến lớn. Trương Phụ nghe thông ngôn dịch lại câu nói của cụ Nguyễn Biểu, biết dụng ý sâu sắc của vị quan đại triều muốn xỏ xiên mình, nói đá động đến « cái đầu Trung quốc ». Y cảm tức nhưng thấy khí phách hiên ngang của cụ Nguyễn Biểu, y cho rằng cụ không phải người thường. Các tướng tá của y thấy cụ can đảm quá, cũng rùng rợn cho rằng dân nước Nam không phải là tầm thường, dám ăn gan uống mật quân thù lắm. Chúng ngấm ngầm khen phục.

Sau bữa tiệc đầu lâu, – bữa rượu độc ẩm này, – cụ Nguyễn Biểu đứng lên ra về. Trương Phụ không cầm giữ.

Cụ vừa ra khỏi dinh, thì dưới trướng của nguyên soái Trung quốc, có ba bốn người đứng ra, tranh nhau nói tiếng Việt Nam cho thông ngôn dịch lại để Trương Phụ nghe :

- Dạ dạ ! Kính bẩm Tướng quân tha cho Nguyễn Biểu về thì chẳng khác nào thả cọp về rừng. Nó là một kẻ có thể lực lắm. Nó âm mưu xúi giục nhà vua không thần phục quý quốc, đi cổ võ nhân dân nổi lên giết hại quân sĩ của Tướng quân đó. Nếu Tướng quân không bắt giam nó thì hậu họa không biết sẽ lớn chừng nào.

Trương Phụ nói :

- Nhưng ta sợ chém nó thì thất nhân tâm.

- Không sao, Tướng quân cứ đem trăm hà, rồi phao tin rằng nó chết đuối là êm chuyện.

Trương Phụ cả cười khen là diệu kế, y liền sai quân chạy theo cụ Nguyễn Biểu « mời trở lại để nói chuyện ».

Chẳng cần nói rõ, chắc bạn đọc cũng hiểu ba bốn người Việt bàn mưu lập kế cho Trương Phụ là hạng người nào rồi.

Nguyễn Biểu được mời trở lại nói chuyện, cụ vô tình tưởng là Trương Phụ muốn hỏi thêm điều gì, nên không để ý.

Cụ vào dinh Trương Phụ thì bị quân sĩ bắt trói lại, Trương Phụ cười ha hả nói lớn :

- Nhà ngươi đã can đảm ăn đầu lâu người Trung quốc thì nhà ngươi thử can đảm đi thăm vua Thủy xem sao.

Lúc này đã xế chiều, bọn quân Tàu bàn tính đem cụ Nguyễn Biểu ra cột chân cầu Rú Thành (thuộc tỉnh Thanh Hóa tại Châu Hoan là nơi Trương Phụ đóng quân). Nước Thủy triều đang dâng lên rất mau, cụ Nguyễn Biểu sẽ chết ngộp, còn hơn là thả cụ xuống sông, nước sẽ trôi cụ đi nơi khác cụ có thể được người ta vớt lên, giúp thoát chết.

Mưu kế quyết định rồi chúng thi hành.

Biết mình sắp chết, cụ Nguyễn Biểu điềm nhiên cho kẻ thù thấy rõ can trường của dân tộc, cụ ung dung chịu đi theo quân sĩ Tàu dẫn ra dưới chân cầu Rú Thành.

Nước dâng lên, tràn ngập đến đầu gối, đến bụng, đến ngực, đến cổ, đến mồm, đến mũi. Cụ Nguyễn Biểu chờ từng phút đến cái chết lạnh lùng đến với cụ. Cụ mỉm cười lần cuối cùng rồi nhắm mắt vì biết rằng cụ được chết vì quốc gia, dân tộc.

3. LƯỠI DAO NHỌN TRONG ĐÒN BÁNH TẾT

Khám đường An giang vô cùng buồn thảm.

Trời tối đen như đau thương sắp phải chứng kiến một tấn bi kịch. Cảnh tượng lại càng bi đát hơn, khi chuyển mưa, sấm sét vang động.

*Bốn phương mây kéo tối sầm
Ô ! hay ! Trời cũng âm thầm vì ta !*

Cậu Trần Văn Chái nghiêm nét mặt, trầm ngâm, vì cậu sắp phải quyết định một việc quan trọng : sống hay chết ? Sống để tiếp tục nối chí cha, phục thù nước. Chánh đáng lắm rồi ! Nhưng liệu có sống nổi không ? Huống chi quân lính của Pháp canh gác cẩn mật, một mình nằm trong phòng giam, hai chân bị cùm, mong gì tháo cũi sổ lồng nữa. Hùm thiêng đã lỡ bước sa cơ, khó an toàn được tánh mạng.

Vậy chỉ còn cái chết. Chết đi để cho khỏi phải bị chém dưới tay của kẻ thù và để lại tấm gương khí khái cho đồng bào và ghi lại một vết son cho người khác noi theo mà tiếp tục kháng chiến giành độc lập cho đất nước. Sau nữa chết là để cho người Pháp biết rằng con trai nhà anh hùng Bảy Thưa không phải là một con người ham muốn trong khi phụ thân đã đền nợ nước ở chiến trường.

Cậu Chái, lấy con dao của mẫu thân gởi vào, con dao nhọn sáng quắc dài chỉ bằng ngón tay út, để trong ruột đòn bánh tét và bao gọn trong bức thơ viết vẫn tắt có mấy chữ : « Con liệu mà xử sự ; nếu khó thoát khỏi pháp trường thì nên chết bằng lưỡi dao hùng tráng này ».

Bà mẹ khảng khái đã từng theo thân phụ cậu vào tử ra sanh, nay lo cả đến cái chết của con cho không bị hoen ố.

Trần Văn Chái quay đầu về hướng Nam, trầm tư nhớ đến mẹ lần chót rồi ăn hết đòn bánh tét, món quà cuối cùng của mẹ. Cậu lẩm nhẩm khẩn

thăm : « Kính thưa mẹ, Tây nó dụ con hàng để an dân và xây vững nền thống trị của nó. Con đâu dám làm nhục vong hồn cha. Không giúp tay cho Pháp thì chắc là tánh mạng không còn. Vậy con xin nghe theo lời mẹ. »

Cậu Chái vượt quần áo cho ngay thẳng rồi nằm xuống, cầm con dao bén, đâm thẳng vào cuống họng.

Trời thăm đất sâu. Bên ngoài cơn mưa trút xuống như tin đổ.

Thế là rồi cả một dòng họ nhà ái quốc Trần văn Thành. Quê mà người đương thời hồi ấy chỉ dám gọi là « Đức Cố Quản » chớ không dám động đến tục danh.

Tại sao gọi là « Đức Cố Quản » ?

Nguyên là ông Trần văn Thành. Quê làm quản binh, trông nom một cơ binh, ở biên giới An Giang – Cao Miên, chống giữ bờ cõi, dựng được lắm chiến công oanh liệt nên người đương thời không dám gọi là ông Quản mà gọi là Cố, tâng lên hàng « Cố ». Khi đối thoại với ông và ở ngoài dân chúng thì gọi thêm là « Đức Cố Quản » cũng như Đức Vua, Đức Ngài, v.v...

Sanh trưởng trong một gia đình trung nông, có lẽ vì vậy mới có tòng Thành Quế, – ông là người làng Bình Thạnh Đông quận Châu Phú hạ, tỉnh Châu Đốc. Hồi ấy là cuối thế kỷ 19, quân Pháp đang hoàn bị cuộc chinh phục xứ Nam kỳ. Vua nước ta phải nhường cho thực dân hết tỉnh nọ đến tỉnh kia. Tại miền Nam, có những phong trào khởi nghĩa chống Pháp nổi lên dưới mấy danh nghĩa : « Cần vương », « Bình Tây – Sát tả », « Dân chúng Tự vệ »... Bốn vị anh hùng cầm đầu các phong trào ấy còn ghi danh lịch sử là : Trương công Định, Nguyễn trung Trực, Võ duy Dương và Nguyễn hữu Huân.

Khi thất bại, các nhà ái quốc ấy sức cùng lực cạn, không còn đương đầu được với súng đồng, tàu chiến của quân xâm lăng nữa, cho đến năm 1873 mới tạm ngưng.

Cuộc khởi nghĩa Bảy Thưa có thể gọi là cuộc khởi nghĩa chót của đất Đồng Nai.

Pháp đã buộc triều đình Huế nhượng nốt ba tỉnh miền Tây là Vĩnh Long, An Giang và Hà Tiên cho họ.

Lâm vào một tình cảnh một người dân mất nước, ông Quán Cơ không cam chịu cúi đầu mà khuyên binh sĩ của ông rút về vùng Láng Linh, sát rừng Bảy Thưa để chờ cơ hội. Láng Linh phía bắc giáp núi Sam, đông giáp sông Hậu giang, tây giáp Thất sơn, nam là rừng Bảy Thưa, thật là lợi địa cho công cuộc kháng chiến.

Các binh sĩ cũ của ông về đây khai hoang, lập ruộng sống một cuộc đời chờ đợi.

Tuy là một nhà ái quốc luôn luôn nghĩ đến việc giải thoát non sông bằng võ lực, ông Cố Quán thức thời, thấy dân chúng còn mê tín dị đoan nên phải liệu gió phất cờ, lợi dụng tín ngưỡng của dân để hướng về chánh nghĩa.

Vì thế ông lên núi để thọ giáo với đức Phật Thầy Tây An và được Phật Thầy coi như tín đồ số 1 sẽ nối chí Ngài sau này truyền giáo trong nhân dân.

Uy tín của ông Cố Quán càng tăng lên nữa,

Trong đời hành đạo của ông có hai việc được truyền tụng khắp dân gian, làm cho người đời thêm tin ông có phép thuật màu nhiệm. Có lẽ ông phải dùng mách lới này để gây một lòng tin mãnh liệt trong đám nông dân. Đây hai việc được truyền khẩu trong dân chúng :

Trong làng ông có một người dân tranh nhau đất cát với một người Cao Miên rồi bị tên này thư cho lớn bụng. Theo khẩu truyền thì phép thư là một tà thuật mà người Miên hồi đó thường sử dụng để làm hại kẻ thù : họ hóa phép cho một vật biến thể nhỏ lại hột mè, rồi đổ vào đồ ăn cho kẻ thù vô

tình ăn phải : thế là ít lâu, bụng chướng lên vì món vật bị thur vào bao tử, lần lần hiện nguyên hình. Có khi họ thur con gà vào bụng, có khi thur tảng đá.

Người nông dân nói trên đây bị thur lớn bụng, phải đến cầu cứu ông Cố Quán giải thur cho. Ông bèn viết mấy chữ nhỏ vào tờ giấy bản (giấy mỏng) đốt ra tro, hòa nước cho anh uống. Kết quả anh đi tiêu không biết bao nhiêu nùi tóc rối, hết nùi nọ đến nùi kia. Bụng anh xẹp lại, anh hết bịnh.

Tên Thổ cảm tức lắm vì Đức Cố Quán đã thắng tà thuật của y.

Y quyết trả thù ở ngay chính ông, lợi dụng hôm mồng một đầu tháng, thiện nam tín nữ lên núi Sam cúng Phật và nghe Đức Cố Quán thuyết pháp. Y cũng đi theo và thur vào bình trà của ông một thỏi sắt. Thỏi sắt này đã biến thành một hạt nhỏ xíu, mắt người không thấy được.

Đức Cố Quán thản nhiên uống trà thuyết pháp.

Vài hôm sau, tên Cao Miên đến dò tin tức thì được gia nhân Cố Quán cho hay rằng ông đi tiêu ra cả một thỏi sắt. Tên Thổ không thể hại ông đau ruột, đành phải đến tạ tội và xin tòng phục để học đạo với ông.

Nó đã cải tà quy chánh từ đó.

Hai câu chuyện trên đây là hoang đường khó tin, nhưng biết đâu đó chỉ là một đòn chiến tranh tâm lý mà ông Cố Quán cho truyền khẩu đi khắp nơi để gây niềm tin trong đám quần chúng còn nặng óc dị đoan.

Biết đâu ông Cố Quán chẳng là một người rành tâm lý, đã xếp đặt hai vụ « đấu phép » để quy phục nhân dân, tăng thêm binh số, chờ ngày khởi nghĩa.

Binh ngũ hàng hoàng, ông Cố Quán đã lập doanh trại trong rừng Bảy Thưa rồi tuyên bố đặt tên quân đội là « Binh Gia Nghị ».

Sau 3 năm im hơi lặng tiếng, nhân dân An Giang lại được nghe danh « Đức Cố Quán ».

Rừng « Bảy Thưa » có 6 cây số chẳng biết có phải do tay người uốn nắn không mà bên trên xòe hình tròn như sáu cái lọng. Có lẽ ông Cố Quản muốn cho dân chúng tin là điềm trời báo trước sẽ khôi phục giang sơn đất nước, sáu cái lọng tượng trưng cho uy quyền nhà vua dân Nam Kỳ đã thành dân thuộc địa Pháp nhưng còn nặng óc tôn quân.

Dân chúng kính cẩn gọi rừng này là « Bảy Thưa Sáu Lọng » với cả một hoài vọng rằng triều đình Huế sẽ khắc phục được 6 tỉnh đã mất.

Cuộc kháng chiến của « Binh Gia Nghị » thật là mãnh liệt và gây cho quân Pháp những tổn thất nặng nề. Pháp đem tiền bạc ra mua chuộc dân chúng để đưa đường chỉ lối cho họ vào tới rừng « Bảy Thưa » nhưng vô hiệu quả, không ai ham tiền mà cho Pháp biết doanh trại của « Đức Cố Quản ». Hết bị tập kích ở Tỉnh Biên, đến bị bao vây ở đồn cây Mít, Pháp quân xính vính nhiều phen.

Một hôm quân lính bắt được một tên thổ chạy vào rừng Bảy Thưa, nghi nó làm nội công cho Pháp bèn đưa ra tra tấn. Y khai tên Nguồn và nói rằng vì đi săn bắn đuổi theo một con hươu bị trúng tên, y không biết đường mới lạc vào nơi cấm địa.

Việc này được đưa lên ông Cố Quản phân xử. Ông nhìn hình dáng Thổ Nguồn, tin là y lạc đường thật nên trả tự do cho y.

Ông có ngờ đâu hậu họa sẽ xảy đến vì tên Thổ trả thù.

Thổ Nguồn khúm núm lạy tạ, nhưng đã phác họa trong đầu cả một mưu mô làm phản. Y lấy một cây lác khô, bẻ nhỏ, rải trên đường từ rừng Bảy Thưa ra, để sau này dễ nhận đường.

Ra tới tỉnh lỵ, y đến đồn binh Pháp xin làm người dẫn đường cho quân Pháp tiến vào rừng Bảy Thưa.

Một trận quyết liệt được chuẩn bị, Pháp đã tìm ra đường lối vào tận doanh trại của Đức Cố Quản. Họ huy động súng đồng, tàu chiến đủ cỡ, kéo

từ Saigon xuống An Giang. Từ tỉnh lỵ, đại đội binh mã được chở đến rừng Bảy Thưa.

Trận chiến vô cùng mãnh liệt. Quân sĩ của « Binh Gia Nghị » bị đánh bất ngờ, trở tay không kịp, tổn thất nặng nề. Suốt mấy ngày sùng thần công đại bác khạc tứ tung bất phân biệt quân và dân.

Sau trận này, Pháp được tin ông Cố Quản đền nợ nước. Con trai ông là cậu Trần Văn Chái bị bắt với một vết thương nơi cánh tay.

Tân binh của ta rút đi nơi khác, bỏ lại một khu rừng âm u hiểm trở.

Quân Pháp đổ xăng vào doanh trại đốt hết khu rừng rậm. Bị hỏa thiêu một phần, nơi đây chỉ còn lại những thân cây xơ xác cháy đen.

Bà cố được hung tin trong khi bà cùng gia quyến đã tản cư ra khỏi miền Láng Linh từ tháng trước. Bà đau đớn vô cùng. Một bạn cũ của ông Cố Quản biết chỗ ở của bà, xin với quân Pháp để cho mình làm trung gian đến dụ hàng. Ông muốn bà khuyên cậu Chái, con của ông Cố Quản, ra cộng tác với Pháp, kêu gọi dân chúng chấm dứt cuộc đê kháng.

Nhưng bà hiền mẫu tiếp ông bạn cũ của chồng với những lời khẳng khái :

- Tôn huynh hãy nhớ chuyện bà từ mẫu Từ Thứ chứ !

- Dạ có biết. Nhưng đó là chuyện đời xưa. Còn ngày nay không giống ngày xưa, ta sống phải theo thời và tùy thời.

- Từ Thứ quy Tào thì bà Từ Mẫu đã thắt cổ. Tôi không muốn con trai tôi làm lỡ như Từ Thứ

Ông bạn cũ biết không thể nào xoay chuyển được lòng cương quyết của một phụ nữ quả cảm, nặng lòng yêu nước. Ông gọi đến tình gia tộc :

- Tẩu tẩu đừng quên rằng tôn huynh có một đứa con trai để nối dõi tông đường. Tẩu tẩu không sợ nếu rủi ro cho thằng cháu thì tôn huynh tuyệt

tự sao ?

- Ô ! Nghĩa gia đình nặng thật ! Nhưng còn nợ nước không thể coi nhẹ bằng lông.

Bà cố chùi nước mắt, lui vào trong. Khách cũng cáo từ ra về.

Bà làm một việc tầy trời : đòn bánh tét của bà gói vào cho con trong khám đường là món quà chót của bà mẹ và con dao bén sẽ dùng cắt đứt cuộc đời của nhà ái quốc trẻ tuổi.

Con dao anh dũng ấy cắt luôn cả dòng họ Đức Cố Quản.

4. MÁU ANH HÙNG NHUỘM ĐỎ TÒA ÁN THỰC DÂN

Tại thành cửa Bắc, hôm 14-4-1887, một vụ tự sát rừng rợn và bi đát đã diễn ra trước phiên tòa án quân sự do Thống sứ Bi-Hua (Bi-hourd) chủ tọa. Vụ này các cụ già người Bắc còn nhớ mãi và thường gọi nôm na là vụ « móc mắt moi gan » hay có khi thanh nhã hơn thì gọi là vụ « Tán Cao ».

Hỏi người già, ai cũng nhớ vụ ấy, song mỗi người kể một cách khác, vì là một vụ án xử kín, tòa nhóm trong trại lính, để mấy ai được chứng kiến. Họ chẳng chỉ còn những sử liệu của người Pháp đương thời chép để lại cho hậu lai biết vụ « Tán Cao » là vụ gì ? Các cụ già kể lại cho con cháu chỉ biết đại khái ông Tán Cao đã bị xử trảm, bêu đầu nơi công cộng, vì theo đảng Văn Thân đánh Pháp. Có thể thôi...

Bị cáo như là Ông Nguyễn Cao làm chức Tán lý Quân Vụ dưới thời Hàm Nghi, nên người ta gọi là Tán Cao, cũng như ông Tán Thuật mà tên chính là Nguyễn Thiện Thuật.

Hai ông Tán Thuật và Tán Cao đã là đồng chí với nhau, cùng gây ra cuộc kháng chiến chống Pháp ở Bãi Sậy (Hà Nội). Người Việt Nam hồi Pháp thuộc được nghe sơ cái danh từ « Giặc Bãi Sậy ».

Hai người cùng tham gia cuộc khởi nghĩa này, dưới hiệu cờ Cần Vương năm 1885-1886. Khi bị thất bại, ông Tán Thuật đang ở mạn ngược (miền thượng du Bắc Việt) vượt biên giới qua Tàu rồi bôn ba nơi đất người. Còn ông Tán Cao bị bắt.

Tại sao lại còn danh từ vụ án « móc mắt moi gan » mà một nhà nho cảm khái vịnh thành bài thơ bát cú, chúng tôi chỉ còn hai câu sau :

*« Móc mắt luống căm phờng cướp nước
Moi gan cho thấu giống hùng anh. »*

Có danh từ nói trên là vì ông Tán Cao đã dám móc mắt moi gan trước phiên tòa, làm cho Thống sứ Bihourd và các võ quan ngồi xử đều xanh máu mặt và ngạc nhiên thấy dân tộc Việt Nam gan dạ có thua kém gì dân tộc Nhật Bản đã nổi tiếng về tục Ha ra Ki ri.

Trước khi nói đến phiên tòa « đẫm máu » ấy, xin bạn đọc hãy biết qua thân thế Ông Tán Cao.

Người có can đảm tự móc mắt moi gan ấy lại có một bà mẹ cũng ghi tên trong trang sử liệt nữ vì bà đã có một cử chỉ bi tráng không kém : cắt vú trước bàn thờ chồng để cho khỏi lọt vào tay một nhà quyền thế.

Chánh sử không chép tên bà, song đã sử nói đến « thân mẫu của Ông Tán Cao ». Bà là người làng Cát Bì tỉnh Bắc Ninh, lấy chồng người cùng làng, vốn là một nho sĩ thanh bạch. Khi bà có thai sắp đến ngày sanh nở, thì chồng bà từ trần.

Sẵn nhan sắc, bà lọt vào mắt xanh một người giàu, có thần thế trong làng. Ông nhà giàu cho người dụ dỗ bà làm vợ bé. Bà biết rằng không thuận, thế nào tên gian ác kia cũng hãm hại, nên dùng kế hườn binh, xin phép cho mãn tang chồng bà sẽ về làm vợ bé nhà phú hộ.

Ba năm sau, ngày cúng mãn tang được cử hành trọng thể. (Nhà phú hộ khắp khởi mừng thầm sẽ được thỏa mãn).

Người quả phụ mặc đồ tang, khăn vái trước bàn thờ, khóc lóc một hồi rồi rút con dao bầu ra (dao giết heo) cởi phanh áo, cắt cả cặp vú. Máu chảy ra lênh láng, bà ngã khuỵu trước bàn thờ và một lúc sau đi theo hồn chồng về bên kia thế giới.

Dưới chế độ phong kiến, người mẹ cô đơn muốn trọn tiết đã đành bỏ lại đứa con mới trên ba tuổi, vừa thôi bú.

Người trong họ phải nuôi đứa nhỏ ấy lớn khôn.

Nguyễn Cao mồ côi cha mẹ, sống nhờ bà con họ hàng.

Đi thi đậu tới thủ khoa, thanh niên ấy mang một hoài bão lớn, muốn có võ nghệ cao cường để phò dân giúp nước. Lúc ấy Pháp đã chiếm đất Nam Kỳ và chờ ngày tiến ra Trung, Bắc. Hơn nữa, ở ngay đất Bắc, giặc nổi lên tứ tung, nào Cờ Đen, Cờ Vàng, Cờ Trắng, đều là dư đảng của bọn Thái Bình Thiên Quốc thất bại ở bên Tàu, tràn qua biên giới, hùng chiếm mỗi nhóm một vùng trên mạn ngược.

Nguyễn Cao không đếm xỉa gì tới chức thủ khoa của mình mà chỉ nghĩ đến nhiệm vụ trai thời loạn, lắng tai nghe tiếng gọi của Tổ Quốc. Học võ khá giỏi rồi, ông được Tổng Đốc Hà Ninh Vũ Trọng Bình để ý. (Hồi ấy hai tỉnh Hà Nội và Bắc Ninh đặt dưới quyền một vị Tổng Đốc). Vị quan này được triều đình cử ra dẹp giặc và được binh quyền rộng rãi đến tận vùng Tuyên Thái Lạng (Tuyên Quang, Thái Nguyên, Lạng Sơn).

Nghe danh Nguyễn Cao, ông mời Cao đến và xin vua phong cho chức Thương Tá đặc trách quân vụ.

Năm sau, chỉ một năm thôi, ông Nguyễn Cao đã tổ chức xong bộ máy quân sự, điều binh khiển tướng, cùng ông Ích Khiêm phát ra trận đánh lớn giết được tướng Ngô Côn là lãnh tụ bọn giặc Tàu, dư đảng Thái Bình Thiên Quốc.

Sau chỉ còn nhóm Cờ Vàng của Hoàng Sùng Anh còn mạnh thế ở Thượng Du ; giặc Cờ Đen thì hàng đầu ; giặc Cờ Trắng tan nát, còn những tốp lẻ tẻ, cướp bóc nhân dân mà người là gọi là giặc « Cỏ ».

Tôn thất Thuyết và Hoàng Kế Viêm được triều đình phái ra Bắc quét nốt bọn Hoàng Sùng Anh và tổ chức lại việc cai trị miền Thượng Du cho vững chắc. Thuyết dẹp giặc xong, nhờ công Nguyễn Cao, xin vua cử ông này làm Án Sát tỉnh Thái Nguyên, có rộng quyền diệt Giặc Cỏ khắp vùng Thượng Du.

Năm ấy là Quý Mùi (1883)

Năm sau, (1884) bọn triều thần nhu nhược, cầu an, xúi vua ký Hiệp ước Bảo hộ cho quân đội pháp ra chiếm đóng Bắc kỳ và bảo hộ cho dân chúng Bắc ; còn Nam Kỳ đã thành thuộc địa Pháp.

Đảng Cần Vương nổi lên khắp nơi.

Ngoài Bắc, các nhóm Văn Thân không chịu chế độ bảo hộ, kéo nhau tới Hải Dương, làng Xuân Dục, nơi đây có ông Nguyễn thiện Thuật, tức Tán Thuật, dựng cờ Cần Vương chống Pháp. Ông Nguyễn Cao đang làm Án sát tỉnh Thái Nguyên, cũng bỏ hết chức tước, một mình một ngựa phóng về Hải Dương, tìm ông Tán Thuật.

Chiêu tụ được đông Văn Thân rồi, ông Tán Thuật được tôn lên làm Minh Chủ, với chức nguyên soái điều khiển quân sĩ. Còn ông Tán Cao được cử lên chức Phó nguyên soái phụ tá ông Thuật.

Tổng hành dinh lúc đầu đặt ở Hải Dương, song các Văn Thân thấy tỉnh này ở vùng Trung Châu, gần Hà Nội quá, khó mà chống Pháp có hiệu lực, nhứt lại còn phải đề phòng thất bại, có đất lui binh.

Ông Tán Thuật bàn nên dời lên vùng thượng du có núi non hiểm trở, rừng rậm bao la có thể là đất thích nghi nhứt cho việc dụng binh. Ai cũng tán thành ý kiến ấy.

Tổng hành dinh dời lên Thái Nguyên là nơi ông Nguyễn Cao đã từng điều khiển quân mã, biết rõ địa hình và thổ dân... Ông nói rõ hết cho Chủ soái biết cách thức hành quân ở vùng này. Rồi ông xin mở mặt trận ở ngay Hà Nội, đánh vào những đồn binh Pháp. Các nhân vật trong bộ tham mưu tán thành và giao trọn quyền điều động binh mã cho ông.

Nguyễn Cao trở về Hà Nội, lựa Bãi Sậy làm nơi xuất binh.

Dân chúng nghe danh ông Tán Cao khởi nghĩa, ùn ùn kéo nhau tới xin đầu quân. Những binh sĩ cũ đã từng xông pha mặt trận, dưới quyền chỉ huy

của ông đánh giặc Ngô Côn, biết ông là tướng giỏi nên kiếm đến xin đi theo chống Pháp.

Đủ lực lượng hùng mạnh rồi, Ông cho lệnh đánh phá các đồn Pháp.

Nhưng quân Bãi Sậy võ khí thô sơ, chỉ có súng hỏa mai trong khi Pháp sử dụng thần công đại bác ; lòng ái quốc dầu có hăng hái nồng nàn đến đâu cũng khó đem sức trứng chọi với đá được.

Trong một trận giao phong, ông Nguyễn Cao trúng đạn suýt chết. Bằng bó xong vết thương, ông không chịu nghỉ ngơi, bắt các người phụ tá để ông nằm trên cái chõng tre khiêng ra mặt trận, ông hô hào binh sĩ hăng say đánh giặc.

Các quân nhân thấy ông hy sinh, can đảm như vậy, lòng càng phấn khởi, quyết tiến không lùi.

Than ôi ! Trứng chọi với đá, chẳng bao lâu quân Bãi Sậy bị đánh tan rã. Bãi Sậy chỉ còn là bãi đất hoang đầy dẫy xác chết, lênh láng máu đào.

Ông Tán Thuật ở mạn ngược cũng không chống cự nổi, phải lánh sang Tàu.

Một đồng chí của Ông là Đốc Tích ra đầu hàng Pháp để vinh thân phì gia.

Còn ông Tán Cao ở đâu ? Ông đã tử trận chăng ? Hay ông trốn thoát lên mạn ngược ? Không biết tông tích ông đâu nữa.

Quân Pháp cho người nhận dạng các tử thi ở Bãi Sậy, không có tử sĩ nào giống Nguyễn Cao. Tra hỏi các tù binh, cũng không biết ông đâu mất.

Hồi đó có tên lãnh Nhung là một cánh tay đắc lực của Pháp và đã có công đánh Bãi Sậy. Anh ta tên Nhung, chẳng biết họ gì, chỉ biết có công nên được Pháp đặc cách cho lên chức lãnh binh.

Dân chúng gọi là ông Lãnh hoặc kêu trống là « Lãnh Nhung ».

Lãnh Nhung bảo người Pháp treo giải thưởng rất lớn cho ai bắt sống hoặc lấy được thủ cấp Tán Cao, nhưng lòng ái quốc của dân Việt Nam không dễ gì mua chuộc. Một năm sau, vào mùa thu năm Đinh Hợi (1887) mới có một tia sáng chiếu vào vụ Tán Cao.

Một bộ hạ của Lãnh Nhung ở Hà Đông báo tin cho y biết rằng tại một căn nhà lá làng Kim Giảng, Phủ Đình, thường có người lạ ra vào. Đây là nhà thầy Đồ Hoàng rất hay chữ, có nhiều môn đệ tới học. Hồi đó, vùng Hà-Đông thuộc về Hà-Nội, các người sắp đi thi đều vào tận làng Kim Giảng, xin thầy Hoàng giảng văn sách cho.

Thầy đồ được môn đệ các nơi thọ giáo rất đông.

Được tin mật báo có người khả nghi lui tới nhà thầy đồ, Lãnh Nhung bèn cho bắt một người đem về Hà-Nội tra khảo. Thì ra thầy đồ họ Hoàng là ông Tán Cao.

Ngay đêm hôm ấy, Lãnh Nhung được Thống sứ Pháp cấp cho một tiểu đội lính kỵ mã, hỏa tốc kéo vào Hà Đông, vây căn nhà lá của thầy đồ.

Nguyễn Cao ở trong nhà biết rằng chỗ mình ở đã bị bại lộ không còn chỗ nào thoát thân. Bên ngoài có tiếng loa nói vang dậy : « Bớ này Tán Cao, hãy mau đầu hàng ta sẽ cho an toàn tánh mạng ». Ông Nguyễn Cao khăn áo chỉnh tề, điềm nhiên như đi dự một đại lễ, ra mở cửa hỏi :

- Thằng Lãnh Nhung đâu ?

Không có tiếng đáp. Song nhà ái quốc họ Nguyễn đã nhận diện một người ngồi trên lưng ngựa, đeo súng trên vai :

- À ra mày tới bắt tao ! Lãnh Nhung à ! Mày muốn lấy đầu tao về nộp cho chủ soái để lấy thưởng thì đây cắt đầu ta đi. Mày muốn bắt sống ta chẳng ? Đây cùng tao đi.

Do một hiệu lệnh của Lãnh Nhung, bốn tên lính lực lưỡng ập lại trói Nguyễn Cao, dẫn về Hà Nội liền đêm hôm ấy.

Một đêm tăm tối u ám, đất thấm trời sâu.

Hôm 14 tháng 4, tòa án quân sự Pháp nhóm để xử Nguyễn Cao. Vị anh hùng Bãi Sậy ung dung nhìn thẳng vào Thống sứ Bi-hua là chánh án.

Bi-hua nói :

- Anh biết nước Đại Pháp là một nước lớn, lại có lượng khoan hồng, anh khai hết đồng đảng, Đại pháp sẽ tha tội cho anh.

Bị can lạnh lùng không đáp.

- Tán Thuật hiện nay ở đâu ?

- Ở ngay trong dân chúng. Mỗi người là một ông Tán Thuật. Có bắt thì bắt hết đi.

Biết là không mua chuộc được bị can nữa, Thống sứ Bi hua mau kết liễu vụ án và tuyên án tử hình : bị can sẽ bị trảm tại Hà Nội và bêu đầu cho công chúng lấy đó làm gương.

Chưa kịp dứt lời, chánh án đã rùng mình phải chứng kiến một cảnh ghê rợn :

Bị can đứng thẳng người nói « Chúng mày coi đây ! Ta đâu sợ chết ! »

Rồi Nguyễn Cao lẹ như chớp, chuyển hết sức mạnh của một võ tướng vào 10 ngón tay, phanh da bụng, moi ruột ra lòng thòng, không biết đau đớn là gì. Ông còn đứng vững lại, dùng hai bàn tay đấm máu mà đưa lên mặt móc hai con mắt ra. Ông bất tỉnh té xuống đất, trào máu miệng, vì Ông cắn lưỡi để kết thúc hơi thở cuối cùng. Hôm Ông chết cũng là hôm con trai duy nhất của Ông bị giết trong Hà Đông.

Ai giết ?

Lãnh Nhung chăng ? Không phải.

Người giết cậu con trai trên 20 tuổi của ông lại là những đồng chí của ông và do mạng lệnh đã ban ra trước khi Ông bị bắt.

Nguyên là cậu này rượu chè cờ bạc, chơi bời lêu lổng, có manh tâm muốn hàng quân Pháp. Ông lo con Ông là hậu họa cho công cuộc chống Pháp mà Ông còn đang tái tổ chức dưới lớp áo của thầy đồ dạy học, nên Ông sai người tìm cậu con để giết đi cho rồi.

Thật là ba cái chết bi đát của một gia đình.

Thân mẫu Ông Nguyễn Cao cắt vú để thủ tiết với chồng.

Ông moi gan móc mắt để tỏ lòng can đảm của dân tộc.

Còn con Ông chết, một cái chết không vinh quang gì, song cũng là cái chết bi đát vì chết bởi tay cha.

5. ĐỐC SỎI : ĐẤT THIÊNNG KHÍ HÙNG

Dốc sỏi : một địa danh còn ghi lại trong lịch sử Biên Hùng.

Nơi đây, một buổi sáng tinh sương, người ta thấy 9 cái cọc đã trồng từ hôm trước, mỗi cọc cột một tử tội, 7 người bận quần áo xanh còn 2 người bộ bà ba màu nâu.

Một tốp lính « khố xanh » tất cả 12 người, bồng súng chĩa vào 9 tử tội ngạo nghễ nhìn thẳng vào họ trong giờ phút cuối cùng của cuộc đời. Lính « khố xanh » là danh từ lính Việt trong quân đội thuộc địa Pháp hồi bấy giờ. Họ bận quần áo kaki vàng, thắt dây lưng vải xanh, trước bụng có miếng vải vuông màu trắng, nên mới gọi là lính « khố xanh ».

Phút chót của 9 tử tội đã đến. Viên « ách » (thượng sĩ) người Pháp chỉ huy tốp lính giơ tay lên cho lệnh bằng một tiếng : « Phơ ». Cánh tay của y hạ xuống thì 12 phát súng nổ đều ở 12 họng súng. 12 viên đạn ghim vào thân của 12 tử tội từ phút này đã thành những tử thi gục đầu xuống ủ rũ, đẫm máu.

Viên « ách » cầm súng lục đi tới gần đám tử thi bắn vào màng tang (thái dương) mỗi người một phát cuối cùng cho chết hẳn.

Xong xuôi, một đám tù nhơn được lệnh đến cời trói cho tử thi, bỏ chiếu từng người chôn xuống 9 cái hố đã đào sẵn gần đó.

Đám tù này từ khám đường Biên Hòa đã được dẫn tới Dốc Sỏi từ chiều hôm trước để chặt cây cối cho quang đãng, trồng 9 cái trụ thật vững và đào 9 cái hố.

Dốc Sỏi ở ven một khu rừng, cây cối xanh tươi, hoang vu, vắng vẻ. Dốc Sỏi đã được sửa sang cho thành pháp trường.

Khi ấy vào đầu năm 1916, chín tử tội kia là chín nhà ái quốc Việt Nam ở đất Biên Hùng, đã đổ máu đào đền nợ nước sau khi mưu toan việc lớn

không thành. Cuộc khởi nghĩa của chín nhà ái quốc đầu thất bại song đến ngày nay còn ghi lại 2 câu về nhắc nhở hậu thế nhớ mãi chín liệt sĩ của giống nòi :

*Ai về Bến Cá, Tân Uyên
Nhớ rằng Dốc Sỏi đất thiêng khí hùng.*

Nằm về phía Bắc tỉnh lỵ Biên-Hòa, do đường Phan-Đình-Phùng ngày nay đưa tới, vùng Dốc Sỏi ở sát ranh với phi trường của tỉnh lỵ.

Hồi 1916, vùng này còn là rừng già, ít người lui tới vì cộp beo thường bắt gia súc làng lân cận mà đem về đây ăn thịt. Sau này thực dân Pháp khai phá vùng Dốc Sỏi nhưng cũng còn vắng vẻ âm u. Cho đến khi nước nhà độc lập, nơi đây mới thành một vùng làm ăn trù mật. Hai tiếng Dốc Sỏi chỉ còn phảng phất trong tâm trí người dân địa phương.

Các ông già bả cả của thế hệ trước có nhớ tên của chín nhà ái quốc đã tạo ra « khí hùng cho đất thiêng Dốc Sỏi ». Đó là : ông Năm Hi, ông Ba Hầu, ông Hai Lựu, ông Tư Lào, ông Năm Lệt, ông Hai Sô, ông Ba Vận, ông Bảy Phát, ông Hai Danh.

Các cụ kể vanh vách từng tên một vì nhớ năm lòng. Còn họ của chín liệt sĩ, thì không cụ nào biết, vì lúc sanh thời thuở trước người ta ít chú ý đến họ, chỉ thường gọi nhau bằng tên thữ và tên tộc chỉ ít người được biết mà có khi biết sai lệch là khác. Tiếc thay không còn hồ sơ vụ án 9 liệt sĩ Biên Hùng nên không đủ danh tánh ghi trong sử sách.

Trong 9 liệt sĩ ấy có ông Năm Hi là một nhà túc nho, am thông kinh Dịch ; lúc bị bắt vào tay Pháp, ông đã xin duy trì cái áo dà của tu sĩ mà ông thường bận hàng ngày. Cái áo ấy ông bận ra tới pháp trường và mang theo xuống lòng đất mẹ.

Các cụ kể rằng ông Năm Hi là người được uy tín nhất trong đảng cách mạng ở Tân Uyên (Biên Hùng) và các đồng chí đều nghe theo quyết định của ông. Khi các bạn ông bị bắt gần hết, ông còn ở ngoài, xét không thể

hoạt động được nữa, bèn ra mặt để cho Pháp bắt vào khám đường cùng anh em trọn hai chữ thủy chung, sống chết có nhau.

Ông Năm Hi được coi như Khổng Minh của đảng hay vị tham mưu trưởng, theo danh từ ngày nay.

Việc điều khiển binh sĩ thì có ông Ba-Hầu hồi ấy làm hương hào nên có người gọi là Hương-Hầu. Võ nghệ cao cường ông được anh em thán phục, tuân theo mệnh lệnh răm rắp.

Hồi ấy là năm 1916, nước Pháp đang nguy khốn với Đức trong cuộc đại chiến 1914-1918 sự bại trận của Pháp có thể xảy ra bất thần. Các nhà ái quốc V.N. bên ba hải ngoại cho rằng giờ giải phóng đất nước đã đến.

Mặc dầu thực dân Pháp với chánh sách nịnh dân của Toàn quyền Xa Lộ (Sarraut) song một số người Việt Nam thức thời ở trong nước cũng không để cho bị đầu độc, ru ngủ...

Trong các làng khắp Trung Nam Bắc có những người giác ngộ, chỉ chờ cơ hội tốt là nổi lên phất cờ khởi nghĩa.

Vùng Tân Uyên có nhiều tay võ giỏi, môn sinh của phái Tân Khánh nổi tiếng thời bấy giờ. Họ đưa các bậc đàn anh lên để mưu toan việc giành độc lập. Họ là 9 nhà ái quốc nói trên mà hai người cầm đầu cùng trong số này là ông Năm Hi và ông Hương Hầu.

Họ lấy trại Lâm Trung làm căn điểm tụ tập quân sĩ. Do đó sau này có người gọi phong trào này là cuộc khởi nghĩa của « Lâm Trung trại ».

Các đảng viên, ngoài những tráng niên võ giỏi, sức mạnh, hăng say với bầu máu nóng, còn có những nhà giàu ủng hộ bằng tiền gạo nữa. Chẳng bao lâu « Lâm Trung trại » đã có gần 300 đảng viên với 300 khẩu súng mua của lính « săn đá » – (lính Pháp) – hay do đảng viên mua từ Xiêm tải về bằng đường rừng.

Chín yếu nham của đảng lấy núi Gò Mọi làm nơi luyện tập binh sĩ và tin rằng nơi đây rừng núi hiểm trở, quân Pháp không thể biết được. Kế hoạch của các ông là đánh lấy đồn lính ở Biên Hòa trước rồi tất nhiên các tỉnh khác sẽ nổi lên hưởng ứng sau. Biên Hòa là căn cứ quan trọng nhất của Pháp ở Nam Kỳ. Chiếm được Biên Hòa là nắm được then chốt của miền Nam.

Ông Ba Hầu làm hương hào, nhà giàu có lớn, lại không ham phú quý, cầu an, nên gương sáng của ông được nhiều thanh niên ái quốc noi theo.

Cuộc khởi nghĩa bắt đầu bằng cuộc tấn công các trại tân binh ở Tân Uyên, nơi mà thực dân Pháp bắt lính Việt, sắp chở qua Pháp đánh với Đức.

Các tân binh được giải thoát liền gia nhập cuộc khởi nghĩa.

Bước đầu thắng lợi, chưa kịp khai thác thì có hai tên phản đảng là Nghĩa và Mạnh, hai tên đã đi lính cho Pháp đến chức « quản » nên tiếc địa vị mà lén trốn khỏi Tân Uyên, lên cấp báo cho đồn lính. Ở Biên Hòa chưa hề hay biết gì cuộc khởi nghĩa ở Tân Uyên. (Đường giao thông hồi ấy chưa thuận tiện).

Pháp bèn huy động chủ lực, chia làm sáu cánh quân kéo tới Tân Uyên.

Đảng cách mạng không dè có sự phản phúc của hai tên Nghĩa và Mạnh ; yếu tố « bất thần » chưa kịp khai thác đã bị quân Pháp sử dụng mà quật lại mình.

Ông Ba Hầu cấp tốc hỏi ý kiến bộ tham mưu thì ai cũng đòi « quyết chiến ».

Tân Uyên đã bị quân Pháp bao vây. Chưa tiện hy sinh toàn lực trong một cuộc xáp chiến mà sự thất bại nghiêng hẳn về phía mình, ông Ba Hầu cho lệnh tản binh vào rừng. Xong xuôi rồi, bộ tham mưu còn 9 liệt sĩ rút qua một ruộng mía, tính tìm nơi hiểm trở để tổ chức kháng pháp. Lại một lần nữa có cuộc nội phản, quân Pháp biết khu ruộng mía mà 9 ông đang rút lui :

chúng phóng một trận hỏa công, đốt cháy ruộng mía, tính giết chết 9 ông. Nhưng kỳ thay một phép lạ đã xảy đến ; ngọn lửa đang bốc lên dữ dội thì có trận gió lớn thổi mạnh ngược lại về phía quân Pháp. Thế là 9 nhà ái quốc V.N. thoát nạn.

Nhưng chẳng bao lâu, quân Pháp lùng bắt lần lần hết những yếu nơn trong đảng « Lâm Trung trại ». Cuộc khởi nghĩa kéo dài được đúng một tháng và từ Tân Uyên đã kết liễu ở Dốc Sỏi với chín tử thi : 9 nhà ái quốc đã mỉm cười khinh cuộc thất bại, ngạo nghễ như để lại cho đời sau một bốn di chúc : « Dân tộc V.N. phải trường tồn » :

*Ai về Bến Cá, Tân Uyên
Nhớ rằng Dốc Sỏi đất thiêng, khí hùng.*

6. ĐỐC BINH « THÒI LÒI »

Vào một buổi sáng mùa thu ảm đạm, dân Cao Lãnh vui vẻ buôn bán ; chợ bắt đầu nhóm, người qua kẻ lại tấp nập.

Bỗng nhiên có những tiếng la như thất thanh, kêu cứu inh ỏi ; dân chúng hùa nhau chạy tán loạn như ong vỡ tổ. Các tiệm chạp phô vội vàng đóng cửa vì ai cũng vừa hay tin rằng quân lính của Quản Khanh từ đâu kéo tới sắp xáp chiến với Đốc binh « Thòi lòi ».

Quản Khanh tên thật là Phạm Công Khanh, nhờ Tôn thọ Tường lúc ấy làm tri huyện giới thiệu với Pháp nên được lãnh chức Quản đạo và được Pháp giao cho sử dụng hai khẩu súng « cò máy đá ». Chỉ hai cây súng này thôi cũng đủ làm mưa làm gió vì là thứ vũ khí có thể giết người từ một nơi xa, trong khi dân V.N. chỉ có giáo mác làm vũ khí.

Súng « cò máy đá » là thứ súng thô sơ cách đây một thế kỷ, hồi Pháp mới chiếm xứ Nam kỳ ; mỗi khi muốn bắn súng ấy phải bấm cò cho nó nổ xuống một viên đá lửa ; lửa sẽ nháng ra bắn qua bì đạn làm cho đạn nổ. Hồi ấy bắn một phát súng là một sự khó khăn mất thì giờ. Tuy nhiên hai khẩu súng « cò máy đá » cũng làm cho nông dân sợ Quản Khanh như thần linh, ôn dịch.

Quản Khanh hôm nay từ phương xa đem lính tới Cao Lãnh quyết bắt sống Đốc binh Thòi Lòi, không thì cũng lấy thủ cấp, đem về nộp cho Tây lãnh thưởng. Phong trào Cần Vương chống Pháp đã thất bại nặng nề ; hàng sĩ phu trong nước chỉ còn lác đác các nơi, ngấm ngầm lo tính việc quốc gia.

Cụ Thủ khoa Huân được triều đình Huế phong Đề đốc ; cụ Thiên Hộ Dương tức Võ di Dương được làm Lãnh binh, cụ Trương công Định lãnh chức Bình Tây Đại nguyên soái. Triều đình Huế muốn duy trì một phong trào chống Pháp ở trong Nam.

Đốc binh Thòi Lòi là bộ hạ của cụ Thiên hộ Dương, hùng chiếm một vùng Cao Lãnh, lấy sức trượng chọi với đá, nhưng vẫn tin tưởng ở hậu thuẫn nhân dân, để chống cự lại quân Pháp.

Chẳng biết tên họ ông là gì, dân chúng thấy ông có hai con mắt rất lớn nên gọi ông là « Đốc binh Thòi Lòi ». Hai mắt như ốc nhồi hay hai con mắt của đầu lân, ông lại có sức khỏe địch được trăm người, võ nghệ cao cường xuất chúng. Ông thường một tay ôm một cối đá liệng ra cánh đồng như bay, ai thấy cũng phải lắc đầu le lưỡi. Khi ông cầm cây kích đứng xa một bụi chuối mấy trăm thước, muốn phóng vào cây nào thì kích đâm trúng vào cây ấy, trăm lần không sai một. Quân Pháp nghe đồn về tài phóng kích của ông nên cũng có ý sợ nể, dè dặt không dám kéo binh đến Cao Lãnh.

Pháp phải dùng đến Quản Khanh vì y là người Cao Lãnh, am hiểu địa hình, địa lợi.

Quản Khanh tuy không giỏi võ như Đốc binh « Thòi Lòi », nhưng cũng đủ sức ăn thua đủ với ông khi phải xáp chiến. Y lại cho người đi phao truyền rằng y được người Pháp phát súng cho vô số kể ; đòn tâm lý này làm cho dân tâm xao xuyến không ít.

Đốc binh Thòi Lòi muốn trấn tĩnh nhân tâm, phải đích thân xuất trận quyết bắt sống Quản Khanh, lấy máu tế cờ. Ông cười một con tuấn mã tinh khôn và can đảm không thua gì chủ, đã từng xông pha trận mạc, vào tử ra sinh.

Tay cầm kích, nhưng phục nài nịch dàng hoàng, ông đi đầu toán quân sĩ, chạy kiếm Quản Khanh quyết một trận thư hùng. Dân chúng thấy ông xuất trận thì vững bụng được phần nào.

Ông dùng sức hơn dùng mưu, giàn binh bố trận chờ Quản Khanh. Khi binh hai bên đối diện nhau rồi, Đốc binh Thòi Lòi hét lớn lên :

- Bớ này Quản Khanh, nếu mi đầu hàng ta sẽ tha chết. Nếu không thì tội phản quốc của mi phải xử xé thịt phanh thây mới xứng.

Quản Khanh nóng mặt quát ngựa xông tới, rút thanh kiếm sáng quắc toan chém ông Đốc binh

Đốc binh Thòi Lòi giơ cây kích lên hất đúng vào lưỡi kiếm rơi xuống đất. Quản Khanh lão đảo, sau cũng lấy lại được thăng bằng. Lúc này nếu Đốc Binh Thòi Lòi đâm cho y một kích thì rồi đời y. Nhưng ông lại muốn bắt sống nên sẵn lại kéo y ngã xuống ngựa. Lẹ như chớp, ông xốc y lên kẹp vào nách ông. Quản Khanh thất đờm kinh hồn, giảm hết nhuệ khí không còn sức kháng cự nữa ; y vùng vẫy muốn thoát thân song lại càng bị cánh tay ông Đốc binh kẹp chặt lại như gọng kềm. Ông nói :

- Nếu mày còn cựa quậy ta sẽ kẹp gãy hết xương sườn.

Phút thăng trận khai hoàn đã điểm và phía quân sĩ của ông Đốc binh Thòi Lòi đã reo mừng sung sướng. Nhưng bỗng nhiên một phát nổ « đoành » vang lên, một viên đạn bay tới ghim vào bả vai bên trái của ông. Ông thét lên mấy tiếng :

- Ta bị thương rồi ! Trời hại ta.

Tay mặt của ông bỏ rơi Quản Khanh xuống trong khi tướng tá của ông mau lẹ chạy đến bên ngựa nâng dìu ông xuống. Tay ông bóp chặt lấy vết thương để chặn máu bớt chảy. Rủi thay viên đạn đã trúng mạch máu nên máu ra lai láng, không cầm được. Quản Khanh đã tẩu thoát trong đám quân của y, còn Đốc binh Thòi Lòi trợn mắt đưa qua lại như muốn tìm kiếm kẻ thù. Ông dùng hết tinh lực của người tướng mà thét lên :

- Quân ta đâu ? Tiến !

Phát súng vừa rồi do bộ hạ Quản Khanh bắn bằng cây súng « cò máy đá » đã chuyển bại thành thắng cho phe làm nô lệ cho Tây.

Quân sĩ của Đốc binh Thòi Lòi tuy mất chủ tướng nhưng chưa nhụt mất nhuệ khí, hăng máu xông lên đâm chém quân của Quản Khanh tơi bời.

Tiếng chuông trống trong ngôi chùa ở bờ sông bỗng nổi lên cùng tiếng mõ, vang động cả một góc trời. Dân chúng xôn xao gọi nhau ơ ơ :

- Tàu lân tới ! Tàu lân tới !

Chuông trống mõ đã báo động cho dân chúng hay khi có tàu của Pháp đến như thông lệ từ trước tới giờ. Tàu lân là tàu binh của Pháp đã tới ngoài sông ; đầu tàu có treo một đầu lân, diêm lành cho dân chúng. Bọn người Pháp đã nghe lời đám Việt gian mách chỉ cho nên biết rằng người Việt Nam coi đầu lân là diêm lành. Chúng treo đầu lân ở đầu tàu của chúng mỗi khi chúng muốn đi đến làng mạc, nông thôn.

Ai đã gây ra cuộc báo động trong chùa. Thì chính bộ hạ của Quản Khanh muốn làm náo động nhân tâm. Quản Khanh nhờ đòn tâm lý ấy mà thắng trận này, còn quân sĩ của Đốc binh Thòi Lòi cam phận chiến bại.

Quản Khanh đắc chí, tìm đến chỗ ông Đốc binh nằm thoi thóp trên vũng máu, mà hỏi xỏ một câu :

- Ngài mạnh khỏe chớ ? Ngài còn bắt tôi đầu hàng nữa thôi ?

Tuy ông Đốc binh mê sảng vì ra máu quá nhiều, nhưng cánh tay ông như có một sức mạnh huyền bí gì kích động trong lúc cuối cùng bỗng giơ lên hết mạnh một cái trúng người Quản Khanh, làm y xính vính.

Cây đèn trước khi tắt thường phùng lên một tia sáng huyền diệu ; bộ mặt Đốc binh Thòi Lòi đang tái nhợt cũng hồng hào trở lại, đôi mắt tròn xoe nhìn vào Quản Khanh, như muốn ăn gan uống máu tên phản quốc ; hai hàm răng nghiêng lại, miệng ông thốt ra mấy tiếng như tiếng sét ngang tai : « Quản Khanh ! Quản Khanh ! »

Liên sau đó, Đốc binh Thòi Lòi trút hơi thở cuối cùng. Ông đã chết mà hai con mắt còn mở trừng trừng, thấy mà ghê sợ.

Sau cuộc chiến thắng ấy, Quản Khanh được Đô đốc Lagrandière mời lên Sài Gòn đãi tiệc. Y khoe với quan khách rằng y phải vật lộn với Đốc binh

Thòi Lòi cả ba tiếng đồng hồ mới phân thắng phụ. Muốn khoe thêm võ nghệ của y, Quán Khanh còn đưa ra một câu : « Ấy hôm trước, Đốc binh Thòi Lòi vừa đánh chết một con cọp ».

Sau này không hiểu sao Quán Khanh lại lập bàn thờ Đốc binh Thòi Lòi ở ngay nhà y. Không phải y muốn tỏ lòng khâm phục một nhà ái quốc, người ta dò hỏi mới biết lý do : mỗi đêm y thường mất ngủ vì cứ thấy hình bóng Đốc binh Thòi Lòi hiện về, hét lớn : « Quán Khanh ! Quán Khanh ! ».

Một năm sau, đúng ngày ông Đốc binh bị giết, Quán Khanh làm một mâm cỗ thịnh soạn để lên bàn thờ, tự tay rót rượu, cúng vái. Vừa nhìn lên bàn thờ, y bị ám ảnh bởi một thần quyền gì đó mà làm rớt ly rượu, miệng thốt ra mấy câu : « Xin ngài tha chết cho con ! »

Vợ y hỏi tại sao thì y đáp rằng « Quan đốc binh trở về, giơ tay muốn bóp cổ tôi ! » Đêm hôm ấy trong cảnh dông tố, mưa gào, gió hét, Quán Khanh hộc máu ra chết.

Miệng đời nói : « Đốc binh Thòi Lòi rất linh thiêng ! » Nhưng thật ra, đây là một trạng thái tự kỷ ám thị do sự sợ hãi kinh hoàng của Quán Khanh gây ra. Hình ảnh Đốc binh Thòi Lòi khi chết in mãi trong óc Quán Khanh một ấn tượng để kết tinh một năm sau thành những ảo ảnh hãi hùng khiến Quán Khanh sợ quá đến hộc máu ra chết.

7. MATA-HARI VIỆT NAM

Năm ấy, là năm 1911. Tại nhà nuôi trẻ mồ côi của các bà phước ở phố Hàng Bột Hà Nội (sau này gọi là phố Sinh Từ)...

Trong sân, bầy gà con đi theo mẹ kiếm mồi ăn, tiếng kêu cúc cúc. Một đứa trẻ gái chừng trên 10 tuổi hai mắt sáng ngời nhìn theo những con gà nhỏ, không chớp mắt. Hồi lâu nó bỗng để rơi hai giọt lệ tràn xuống gò má. Chú cai vườn đang nhổ cỏ buổi sáng, thấy đứa bé khóc, bèn hỏi :

- Tại sao em buồn ! Có chuyện gì mà phải khóc ?

- Em khóc vì em thấy bầy gà có mẹ mà nghĩ đến thân phận em mồ côi nên buồn tủi. Em nay không bằng con gà con, không có lấy được một người để nuôi nấng như bầy gà có mẹ này. Em cũng không có anh em, bà con, họ hàng gì cả.

Chú cai vườn trầm ngâm suy nghĩ hồi lâu. Rồi chú đứng lên sát lại gần đứa bé mà nói nhỏ :

- Em đừng lo buồn. Em không có gia đình, nhưng em còn một gia đình lớn là Tổ quốc, là mấy chục triệu đồng bào. Em sẽ có ngày sống với đời ; em sẽ thấy vui tươi với cái gia đình rộng lớn ở chung quanh em.

Đứa trẻ tuy mặt mũi sáng sủa, thông minh lanh lợi nhưng cũng chưa hiểu nổi mấy câu quá cao ấy đối với tầm óc nó. Chú cai vườn chú ý đến nó từ lâu ; đã nghĩ đến lúc nó lớn lên, khôn ngoan sẽ giúp ích được cho đời. Vì chú cai không chỉ là một người giữ vườn. Chú còn là một cựu đảng viên trẻ tuổi của phong trào Cần Vương, sảy đàn tan ghé, phải nấn náu trong nhà nuôi trẻ mồ côi, chờ cơ hội sẽ thi hành chí lớn.

Từ hôm ấy, chú cai vườn với cô bé có vẻ thân mật hơn.

Chú thường lân la kiếm chuyện nói với cô bé, nhồi những tư tưởng ái quốc vào đầu óc cô. Cô bé sáng dạ, thấm nhuần được lời giáo hóa của chú.

Nó cũng nhớ luôn luôn câu nói cuối cùng của chú sau mỗi lần nói chuyện :
« Em giữ kín, nếu hở môi nói gì bậy bạ, Tây nó biết thì mất đầu như chơi ».

Ngày tháng trôi qua. Cô bé lớn lên và đến 15 tuổi thì bỏ nhà mồ cô, trốn đi đâu mất.

Chú cai vườn mà không ai biết tên họ là gì, đã xin thôi việc từ năm trước.

Trong khoảng những năm 1914-1917 nước ta có nhiều biến cố : cụ Phan Đình Phùng ở miền Trung phát cờ Cần Vương chống Pháp, vua Hàm Nghi đứng lên đòi lại chủ quyền, Thành Thái rồi Duy Tân cũng không chịu sống dưới bàn tay ác bọc nhưng lựa của thực dân ; ngoài Bắc thì Đề Thám khởi Nghĩa, ở nước ngoài cụ Phan Bội Châu, cụ Nguyễn Hải Thần xua binh về đánh các vùng Lạng Sơn, Cao Bằng... Nhưng bao nhiêu thất bại kế tiếp nhau, khiến cho kẻ bi quan đã tắc lưỡi than thầm :

*Nhọc lòng xe cát bể đông,
Hao binh mã chẳng nên công cán gì.*

Các khám đường mạn ngược tức các tỉnh miền thượng du đầy nhóc những nhà ái quốc, những thanh niên ưu tú của quốc gia đã hy sinh cho nước để rồi sống trong cảnh gông cùm, khổ cực.

Thái Nguyên là tỉnh chứa nhiều phần tử chống Pháp nhất nên tương đối với các tỉnh khác ở mạn ngược, Thái Nguyên được Pháp phòng thủ kiên cố hơn. Thái Nguyên có một cơ binh hùng hậu gồm cả lính lê dương, lính khố xanh (người Việt) và cả lính đồng nũa (người Thượng) đặt dưới quyền của viên giám binh Bẹt-giê (Berger) có tiếng là con người « thét ra lửa ».

Về hành chánh thì Thái Nguyên được giao vào tay công sứ Đạc (Darles) mà người Bắc đã liệt vào hạng « tứ hung » và đặt ra câu ngạn ngữ :
« Nhất Đạc, nhì Be, tam Ke, tứ Bích ». Đó là bốn viên Công sứ (Tỉnh Trưởng) tàn bạo ở Bắc Kỳ : Đạc (Darles) ở Thái Nguyên ; Be (Wintrebert) ở Bắc Ninh, Ke (Eckert) Đốc lý Hà Nội và Bích (Brides) công sứ Lạng Sơn.

Không biết trình độ bạo tàn của họ hơn kém nhau ra sao song Đạc cầm quyền ở Thái Nguyên thì thật là một lựa chọn đích đáng của toàn quyền Sa Lô (Sarraut).

Đạc nói được tiếng Việt Nam, nói tiếng Việt như người Việt.

Thường đêm tối, ngoài phố phường có tiếng rao : « Ai bán đây bánh giò ra mua ! » Người ta gọi vào nhà mua ăn thì trời đất ơi ! Người bán bánh đây bánh giò té ra là « Quan Công sứ » trá hình. Đạc đã bận quần áo vải nâu, đội thúng bánh lên đầu, chân đi đất, lo xét dân tình, xem có nhà nào chống Pháp thì...

Nhờ lối trá hình ấy mà y thỉnh thoảng khám phá được nơi ẩn trú của các nhà cách mạng, không thì cũng bắt được một vài sòng bạc đang sát phạt nhau.

Đạc còn nghĩ ra một nhục hình tra tấn các phần tử ái quốc bị bắt : cho đi tắm biển « Măng ». Có lẽ y động lòng sầu xứ, nhớ đến biển Manche là một biển phân cách Pháp với Anh, y mới nảy ra sáng kiến đào một biển « Măng » ở ngay khám đường. Nhưng biển Măng ở đây không lớn, nó cũng không có nước mặn mà chỉ phát ra một hơi thúi, người không được. Biển Măng của Đạc là hầm chứa phân, từ các cầu tiêu chảy đến.

Nhà ái quốc nào không chịu khai là được bọn lính tra tấn nhận xuống hầm chứa phân cho ngộp đến cổ. Mệt quá rồi vì phân làm bít lỗ chân lông, mặt mày xanh lét, sắp ngộp thở, thì người tù được đưa lên xối nước cho hồi dương.

Những tên gác khám lợi dụng cái biển Măng ấy mà khảo tiền những người giàu có bị bắt tình nghi. Chúng làm tiền trắng trợn nhờ lối tra tấn cực kỳ dã man mà quan thầy chúng tạo ra.

Tỉnh Thái Nguyên nổi tiếng hồi đó vì cái biển « Măng » của công sứ Đạc. Dân còn nhớ mãi một hình phạt nữa do viên Công sứ đặt ra để làm gương cho những người muốn « phiến loạn ». Năm ấy y bắt được một

người ăn mày tên Trần Lập Thành mà có người điếm chỉ cho y biết là em ruột Trần Cao Vân y bèn vỗ bàn cười sung sướng : « Trần Cao Vân ! Một thằng « giặc » đã giúp Duy Tân phản Đại Pháp. nếu thằng Vân thành công thì em nó làm đến chức Thượng thư bộ binh giết không còn một người Phalăng-sa nào nữa ».

Đặc kêu chúa ngục đến, bắt phải lấy dùi đâm lưng hai bàn chân của Trần Lập Thành, xâu dây kẽm mà cột vào giường trong xà lim ; còn hai tay vẫn phải còng như các tù khác.

Sau cơn đau đớn sống đi chết lại mấy lần khi Trần Lập Thành chịu xong nhục hình ấy rồi, Đặc vào xà lim nhìn nạn nhân một cách khoan khoái.

Bao nhiêu tàn ác của công sứ Đặc và giám binh Bẹt-giê (mà trên đây mới kể ra có hai vụ điển hình), đã làm cho nhân dân phần uất lòng căm thù sôi lên sùng sục.

Dưới quyền giám binh có mấy hạ sĩ người Việt được y tin cần vì khéo chiều chuộng, mua chuộc lòng y bấy lâu nay : Trịnh Văn Cấn đóng lon đội, và thường được anh em gọi là Đội Cấn, cùng với Đội Giá, Đội Ban, Cai Nhân, v.v... Dưới chế độ thực dân trong binh ngũ người Việt lên đến chức đội đã là cao lắm rồi. Rất hiếm người làm đến ông Quản hay ông Ách (Adjutant) nhất là ở tỉnh nhỏ.

Bẹt giê có ngờ đâu Đội Cấn, Đội Giá, Đội Ban là ba nhà ái quốc V.N. gia nhập quân đội để có ngày phát cờ khởi nghĩa.

Tháng Tám 1917, giờ khởi nghĩa đã đổ, vào hôm cuối tháng. Đáng lẽ các nhà cách mạng còn chờ tổ chức chân đáo cho tới miền xuôi nữa (đồng bằng Bắc Việt) nhưng vì có kẻ làm phản, tố cáo cho Pháp biết âm mưu nên Đội Cấn phải hành động gấp.

Ba thầy đội đánh úp ba địa điểm rồi kéo cờ Việt Nam Quang Phục làm cờ khởi nghĩa. (Lúc này chưa nghĩ ra quốc kỳ phải tạm dùng cờ của cụ Phan Bội Châu dựng lên ở hải ngoại...)

Trong có một tuần lễ, tất cả lính của Pháp bị giam cầm ; những lính đồng và những lính khố xanh gia nhập quân khởi nghĩa, còn Lê Dương và Pháp bị bắt cầm tù.

Đội Cấn nắm được chủ quyền hoàn toàn ở tỉnh Thái Nguyên nhưng vì không biết khai thác mau lẹ chiến quả và cũng không biết lợi dụng các phương tiện tâm lý chiến để gây ảnh hưởng ở miền khác trong nước, nên cuộc đắc thắng không được bao lâu.

Một nhân vật quan trọng nhất đã tác chiến bên cạnh Đội Cấn và có nhiều uy tín ở trong nước là ông Lương ngọc Quyến, con trai cụ cử Lương ngọc Can. Ông Quyến nhất định không chịu làm thủ lĩnh cầm đầu cuộc khởi nghĩa, chỉ muốn là chiến hữu bên cạnh Đội Cấn. Ông không chịu khai thác dĩ vãng ái quốc, cách mạng của phụ thân ; ông không chịu đoạt quyền của người có công đầu. Vì vậy, Đội Cấn được suy tôn làm Tổng lãnh binh.

Sang đầu tháng 9, quân Pháp từ Hà Nội kéo lên Thái Nguyên phản công, có đủ cả bộ binh và pháo binh ; lực lượng cách mạng không khác nào trứng chọi với đá.

Tỉnh Thái Nguyên bị bắn phá tan tành. Dân quân của Đội Cấn thiệt mạng quan trọng.

Các nhà cầm quân bị thương một số lớn.

Trong khi tan vỡ, người ta thường nhắc tên một nữ liên lạc viên là cô Hai Trà, hoạt động dưới quyền chỉ huy của ông Lương ngọc Quyến.

Những bộ đội dân quân, còn lại chia ra từng toán dưới quyền chỉ huy của từng tướng lãnh, để đánh Pháp. Đội Giá cũng chỉ huy một toán và cũng như các người cầm quân khác, ông được toàn quyền hành động.

Đội Giá từng nghe nói Lương ngọc Quyến có một nữ tướng đưa tin tức rất đặc lực. Cô này lại còn dùng nhan sắc quyến rũ các nhà cầm quân của

Pháp để cho quân ta giết hại. Có lần cả bộ đội của Pháp bị phục kích tới bởi chỉ vì kẻ cầm đầu đã nghe tiếng nói mê hồn của cô mà trở tay không kịp.

Đội Giá cần một người như thế để giúp ông vào một việc liên lạc gấp rút. Ông Lương ngọc Quyến bèn gọi cô Hai Trà sang doanh trại Đội Giá.

Sau khi hai bên thi lễ, Đội Giá ngạc nhiên rồi do dự hỏi : « Có phải cô là, cô gì gì... ở Hà Nội mấy năm trước ? »

Cô Hai Trà bình thản lạ thường, nói rất tự nhiên : « Dạ ! Em đúng là đứa con gái nuôi ở nhà mồ cô của bà phước phố Sinh Từ. Còn ông, nếu em không lầm, thì đúng là ông cai vườn ».

Cả hai người mừng mừng, tủi tủi, cô Hai Trà cố kềm chế sự xúc động. Đội Giá hỏi tiếp : « Cô làm sao lưu lạc đến tận đây ? »

Cô đáp : « Em nhớ mãi lời ông chỉ giáo lúc đầu : Em không có Cha Mẹ, không có Gia đình, em còn có cả một gia đình to lớn : đó là Tổ quốc, là 20 triệu đồng bào. Sau này em khôn lớn, bỏ nhà mồ cô, ra tìm những người có tâm huyết để theo hầu và giúp tay vào việc nước. May sao có người bạn gái giới thiệu với ông Ba Quyến và mới có ngày nay ».

Đội Giá không chặn được nước mắt, nói ra một câu trầm buồn :

- Đại cuộc đã hỏng hết. Giặc kéo tới nơi rồi... Thái Nguyên sắp thất thủ. Tôi chắc khó mà sống vì tôi sẽ chết với binh sĩ của tôi. Nếu cô còn sống, nên khôn ngoan bảo toàn tánh mạng, chờ cơ hội khác sẽ có những người nối chí chúng tôi, họ cần đến tay cô giúp sức. Nay tôi muốn nhờ cô một việc liên lạc...

Chưa dứt lời thì một loạt súng nổ vang.

Bản doanh của Đội Giá trúng đạn, bốc cháy và trước mắt cô Hai Trà, viên tướng trẻ tuổi ôm vết thương trên đầu, té xuống bất tỉnh.

Cô Hai Trà lạnh bước, lên ra ngoài vô sự. Cô cau mày giậm chân uất hận. Nhìn lại đồng lửa đang thành nấm mồ nhà ái quốc, cô nhỏ lệ, rảo bước

để khởi loạt vào tay quân thù.

Thái Nguyên thất thủ. Đội cần và các đồng chí rút vào rừng nhưng cuộc kháng chiến chẳng còn được bao lâu.

Còn cô « Hai Trà » – chẳng biết ai đã đặt tên cho cô gái mồ côi ấy – không biết lưu lạc đi đâu và chỉ còn để lại một tục danh mộc mạc trong dã sử.

8. TIẾNG SÚNG KHỞI NGHĨA ĐẦU TIÊN

Một hôm vào mùa hạ năm 1915, tại tòa Lãnh sự Đức, ở Vọng Các, có thết một bữa ăn thân mật trong vườn hoa Sứ quán.

Dự tiệc, ngoài hai ông sứ thần Đức và Áo là chủ nhân, chỉ có hai người Việt-Nam bạn Âu phục, một người thông ngôn và nữ bí thư của lãnh sự Đức. Tất cả 6 người trong lúc ăn uống, nói chuyện mưa gió phong tục, tập quán của dân bốn xứ hai bên, chứ không đá động gì đến quốc gia đại sự.

Ấy vậy mà hai người khách dự tiệc, hai người Việt Nam, lại là hai nhà cách mạng bôn ba hải ngoại : cụ Mai Sơn và cụ Đặng tử Kính, đồng chí của Kỳ Ngoại Hầu Cường Để, ở Quảng Đông mới tới Xiêm (Thái Lan).

Hai nước Đức và Áo hồi ấy còn là đồng minh và cuộc chiến tranh Pháp Đức đã bước qua năm thứ nhì. Người Đức muốn liên lạc với nhà cách mạng Việt Nam để ngầm giúp, hầu mong có thể gây lên một cuộc khởi nghĩa ở V.N. hầu làm khó dễ cho chính phủ Pháp. Người Pháp sẽ lo lắng đối phó với tình hình thuộc địa sẽ yếu thế ở ngay trong nước, quân đội Đức sẽ có cơ hội thắng lợi.

Tòa lãnh sự Đức đa tỏ ý muốn gặp Kỳ ngoại hầu Cường Để song nhằm lúc cụ Cường Để đi viếng Âu châu, không có mặt ở nước Tàu, còn cụ Phan bội Châu, người thứ nhì cầm quyền điều khiển các nhà cách mạng ở hải ngoại, thì lại mắc vòng lao lý : cụ đang bị giam cầm ở Quảng Đông, vì Long Tế Quang bắt cụ, toan bán cho Pháp.

Từ ngục thất, cụ Phan bội Châu được báo tin tòa lãnh sự Đức muốn tiếp xúc với đảng cách mạng, cụ bèn cử hai cụ Mai Sơn và Đặng tử Kính thay mặt các đồng chí mà đi Xiêm nói chuyện.

Sau các cuộc mật đàm, khi ở tòa lãnh sự, khi ở nhà riêng các bạn hữu ông đại sứ, để tránh tai mắt của gián điệp, hai cụ Mai và Đặng đã hiểu rõ thâm ý của nước Đức : muốn giúp phong trào cách mạng nổi lên ở Việt

Nam, nhưng giúp một cách kín đáo, không chánh thức và để cho hai ông lãnh sự Đức-Áo lấy tư cách cá nhân mà giúp trong giai đoạn đầu, nếu cuộc nổi dậy chống Pháp có thể thành công, tức khi đã khắc phục được một phần lãnh thổ rồi, nước Đức sẽ công khai nhìn nhận tân chính phủ V.N. và viện trợ vật chất một cách mạnh mẽ.

Hai đại diện cách mạng Việt Nam đã trình bày hết thực lực của V.N. ở hải ngoại cũng như ở trong nước và thiết tha yêu cầu Đức giúp đỡ.

Sau các cuộc mật đàm, đến tiệc thân thiện để kết thúc câu chuyện.

Hai vị lãnh sự Đức, Áo mời hai cụ Mai và Đặng đi tản bộ trong vườn rồi kín đáo đưa tặng hai cụ một số tiền lớn 10.000 ti-cô (tiền Xiêm) gọi là tượng trưng cho cuộc sơ giao và nhấn mạnh rằng đó là do tự động của cá nhân hai ông.

Số tiền một vạn đồng ti-cô hồi ấy là một số tiền rất lớn vì công dụng của nó đã giúp cho các nhà cách mạng mở được một cuộc tấn công đầu tiên ở vùng Cao Bằng và nếu thành thì chắc là đại cuộc đã tiến triển thuận lợi để đi tới giải thoát xứ sở.

Số 10.000 bạc Xiêm đem về Quảng Đông. Các nhà cách mạng hồi ấy chia ra ba khuynh hướng mỗi phe đưa ra một chương trình hoạt động.

Phe Tán Thuật (Nguyễn Thiện Thuật) muốn do đường Đông Hưng đánh về Móng Cáy.

Phe Mai Sơn muốn do đường Long Châu tràn về Lạng Sơn.

Sau chót, phe thứ ba do cụ Hoàng Trọng Mậu lãnh đạo, chủ trương đánh đồn Tà Lùng của Pháp ở tỉnh Cao Bằng.

Sau nhiều cuộc bàn cãi gay go, rút cuộc kế hoạch thứ ba đắc thắng vì có nhiều người tán thành song cũng đã gây chia rẽ ngấm ngấm trong nội bộ đảng cách mạng, làm giảm mất tình đoàn kết là sức mạnh cần thiết trong các công cuộc lớn.

Cụ Hoàng Trọng Mậu cử ông Đinh Hồng Việt đảm lãnh việc quân sự. Ông Đinh Hồng Việt còn có tên là giáo Trung nữa, là con cụ tổng đốc Đinh duy Trinh tỉnh Nam Định (Bắc Việt). Giáo Trung có một người em lấy Trương như Cương, thượng thư bộ lại ở triều đình Huế. Ông Cương sinh ra một người con gái gả cho Hoàng thân Bửu Đào tức vua Khải Định sau này (thân phụ của Bảo Đại). Nhưng một năm trước khi lên ngôi, Hoàng thân Bửu Đào đã bỏ vợ, để lấy người khác.

Tóm lại, Giáo Trung đáng lẽ là cậu vợ của vua Khải Định.

Năm 1906 ông xin nghỉ dạy học ở Nam Định, tham gia phong trào Đông Kinh Nghĩa Thục.

Khi Đông Kinh Nghĩa Thục bị đóng cửa, ông trốn sang Tàu tính theo các nhà cách mạng mưu toan đại sự, song ông bị bắt ở vùng biên giới và bị kết án 6 tháng tù. Tù tội cũng không làm nhụt được nhuệ khí của ông. Hết hạn tù ông lại trở về con đường cũ. Lần này ông đi thoát sang Vân Nam rồi hoạt động cùng các nhà cách mạng đã xuất ngoại trước ông.

Ông kết thân với Hoàng Trọng Mậu, Nguyễn cẩm Giang (tức cụ Nguyễn Hải Thần) và được các đồng chí giao cho lãnh chức « Trung gian sứ » ở Vọng Các, tức làm trung gian cho đảng cách mạng giao thiệp cùng các Việt Kiều ở Xiêm và các người ngoại quốc.

Đến tháng 3 năm 1915 đảng cách mạng quyết đánh đồn Tà Lùng chiếm cứ tỉnh Cao Bằng làm căn điểm xuất phát cuộc tổng khởi nghĩa.

Bộ tham mưu đặt tại nhà một người Tàu tên là A Nông tại Long Châu ; nhà này còn là nơi chứa vũ khí của đảng cách mạng Việt-Nam nữa. Nhà cầm quyền địa phương Tàu hồi ấy cũng biết các cuộc toan tính này song nhắm mắt bỏ qua, chờ nếu phe cách mạng thành công thì nước Tàu là nước được hưởng những quyền tối huệ. Hơn nữa trong quân đội khởi nghĩa sẽ kéo về giải phóng lãnh thổ Việt-Nam có cả người Tàu nữa. Ông Hoàng Trọng Mậu nhờ một vạn bạc của lãnh sự Đức viện trợ mà có tiền mộ lính

Tàu, trả lương cho họ 10 đồng một tháng : ông còn mộ cả lính Thổ (dân thượng du Bắc Việt).

Toán lính xung phong được giao cho Giáo Trung chỉ huy gồm 100 người : 50 người Việt đi tiên đạo và 40 người Tàu cùng 10 người Thổ đi hậu tập. Ngoài ra còn một người Việt sống lâu năm ở vùng biên giới lãnh việc chỉ đạo vì anh em này rất am tường những đường mòn băng qua rừng già.

Vũ khí của đoàn xung phong gồm có 10 súng trường, 40 súng lục, 20 cái rựa, (búa chặt cây trong rừng), 60 trái lựu đạn.

Đêm 12 rạng ngày 13 tháng 3 dương lịch, người chỉ đạo đi dọn đường vào 3 giờ và 4 giờ sáng đoàn quân khởi nghĩa tới Tà Lùng.

« Ách cha là ; Chiu viu ! »

Câu cảnh cáo ấy vừa thốt ra ở cửa miệng anh lính khố đỏ Lê Luân ; anh gác đồn Tà Lùng, đứng trên pháo đài ở hướng Tây Nam, vừa nhận thấy tiếng động như có chân người đi từ phía ngoài tiến tới gần đồn.

Xin mở một dấu ngoặc để giải thích qua câu hô trên đây : thời Pháp thuộc, các lính bốn xứ dù là Việt hay Miên, Lào, bị tuyển mộ trong các cơ binh khố xanh hay khố đỏ, đều dùng tất cả các hiệu lệnh nhà binh bằng tiếng Pháp. Nói với viên đại úy, người lính thất học cũng làu làu tiếng « Tây bồi » và gọi đại úy là « Cập tễn ». Các khẩu hiệu nhà binh anh cũng biết hô bằng tiếng « Tây bồi » nữa.

« Ách cha la, chiu viu » là âm ở câu : « Halte là ! Qui vive ! ».

Các cấp người Pháp muốn hiểu thế nào thì hiểu.

Những bóng người tiến tới tuy không rành tiếng Pháp, song cũng cảm thấy câu hô ấy có nghĩa là : dừng chân lại ! không tôi bắn nát « Ai đó ! Tớ đây mà ».

Một vài tiếng Việt được thốt ra để đáp lại song không mạnh mẽ bằng vì đám người tiến tới gần đồn không muốn gây náo động...

Những tiếng nói nhỏ cũng vọng đến tai anh lính gác : « Anh cứ lờ đi, chúng mình là người Việt Nam cả, có xa lạ gì đâu, cùng đồng bào cùng máu đỏ da vàng. Anh để cho chúng tôi giết bọn người Pháp, còn đồng bào sẽ bình an vô sự hết ».

Anh lính Lê Luân đâu có nghe lọt tai được câu nói thống thiết ấy. Anh bắn một phát « cắc bùm ! »

Tiếng súng vừa nổ, kế liền đến tiếng còi báo động trong đồn rúc lên. Lính đồn được huy động, đứng sấp hàng chờ lệnh của viên trung sĩ Pháp Kentainger, người chỉ huy đồn.

Viên trung sĩ này nghe tiếng anh lính gác trên pháo đài vừa nạp đạn bắn, vừa nói vọng xuống : « Sếp ! Pia-rat ! Pia-rat ! Sếp ! Da-na bố cu nhiều ! » (Sếp ơi giặc tới ! Giặc tới Sếp ơi ! Có rất nhiều !)

Đồn Tà Lùng bị công hãm, hỏa lực của quân sĩ cách mạng tập trung vào hai cửa Bắc và Nam. trong đồn cũng bắn ra, tất cả 192 viên đạn kiểu 1886.

Cuộc xáp chiến kéo dài từ 4 giờ đến 5 giờ 15 thì dứt tiếng nổ. Vì trời đã sáng tỏ, quân cách mạng chưa vào được đồn, thấy mòi thất bại nên rút lui, tản mác vào rừng.

Viên trung sĩ Kentainger cắt nửa tiểu đội ở trong giữ đồn và dẫn một nửa ra dò xét tình hình.

Lúc này viên xếp đoan người Pháp (thương chánh) cũng đem tốp lính của anh ta tới đồn để toan tiếp viện. Viên tri châu Vương quý Đoàn đem lính đồng của ông (lính người Thượng) đến tiếp tay. Song đã trễ quá 1 tiếng đồng hồ. Ai cũng lo bảo vệ sinh mạng, chẳng vội vàng hy sinh vô ích.

Lúc này các lực lượng nói trên chỉ còn có việc đi lùng bắt « đối phương ». Một cuộc bố ráp lớn lao được cử hành lại làng Pia Quang và Po Táp là hai địa điểm có người Việt ở. (Nên biết rằng vùng Thượng du là của người Mán, Mường, Mèo, Thổ). Hai làng này bị lục soát, phá phách tan hoang vì bị tình nghi là đã dung dưỡng « quân giặc cướp » (danh từ để gọi các chiến sĩ cách mạng). Trong một chuồng bò, viên tri châu lôi đầu ra một người Tàu tay còn ôm trái lựu đạn. Anh này lúng túng không kịp liệng lựu đạn để thoát thân.

Do các vết máu trên đường, quân đồn Tà Lùng còn bắt được ba người Thổ nữa và thu được các chiến lợi phẩm sau đây : 1 súng lục « ru lô », 1 súng lục hiệu Steyer, 220 bì đạn súng lục Mauser, 4 lựu đạn, 1 bao gạo và 1 bao đựng huy hiệu Việt Nam Quang Phục quân.

Đoàn quân xung phong cách mạng không biết bị chết bao nhiêu người, vì đã rút hết về Quảng Tây.

Tòa án quân sự đặc biệt xử 4 người bị bắt. Người Tàu bị bắt lúc ôm trái lựu đạn bị tử hình, còn ba người Thổ bị tù có hạn.

Những người cầm đầu cuộc tấn công này sau hoạt động ở đất Xiêm. Rủi thay ít lâu, Xiêm trở thành đồng minh của Pháp nên các nhà cách mạng V.N. bị trục xuất tất cả 29 người trong số đó có Hoàng trọng Mậu và Giáo Trung hai yếu như chỉ huy đánh đồn Tà Lùng. Khi tàu Pháp chở 29 nhà cách mạng về Saigon một ông tên Địch Sơn trốn thoát lính canh mà nhảy xuống biển tự tử.

Còn 28 ông bị đưa ra tòa án quân sự ở Hà Nội.

Năm cái đầu rơi trong đó có Hoàng trọng Mậu và Giáo Trung.

Nhưng cuộc chiến đấu giành độc lập thất bại trong bước đầu vẫn tiếp tục trong mấy chục năm sau khi tiềm tàng, khi bộc phát, không bạo lực nào dập tắt được.

9. MỘT ĐIỆP VIÊN VÀO « HÒA LÒ » KHÁM PHÁ « BÍ MẬT PHÒNG SỐ 13 »

Tại căn gác một nhà ở Phố Hàng Điếu, Hà Nội, các cụ « Bô lão » đang họp hội nghị tối mật để bàn về một câu chuyện quốc gia đại sự. Đó là các « Bô lão » trong làng cách mạng thời bấy giờ : năm 1925.

Trong hàng « Bô lão » ấy người ta đếm được lơ thơ trên đầu mấy ngón tay : Ngô đức Kế ; Dương bá Trạc, Lê Dư, Hoàng tăng Bí... Các cụ đã làm cách mạng, đã bị thất bại, song thực dân không giam cầm hay đẩy ra Côn đảo vì không muốn làm náo động nhân tâm ; vả lại các cụ chưa mớ tay vào các cuộc biến động nên còn được tương đối tự do, chỉ bị Mật thám theo dõi đề phòng. Các cụ là những thần tượng của thanh niên ái quốc ; họ coi các cụ như cố vấn lão thành mà họ thường lui tới để thỉnh ý về mọi vấn đề liên hệ đến quốc gia dân tộc. Họ gọi các cụ là những « cụ Bô » tức như đấng bô lão.

Hôm nay các « Bô lão » nhóm họp ở nhà cụ Lê Đại, phố Hàng Điếu, để thảo luận về cái « bí mật Phan bội Châu ».

Tin cụ Phan bội Châu bị bắt từ Thượng Hải đưa về Hà nội lúc ấy là một tin chưa đích xác. Một điều « bán tín bán nghi ». Tin ấy mới do một tờ báo Thượng Hải loan đi, còn báo chí nước nhà thì chưa biết gì. Các nhà cách mạng nhờ anh em đi làm tàu biển mà hay được tin ấy.

Nếu cụ Phan bị bắt thật, thì đã bị đưa vào Hỏa Lò, khám đường ở Hà nội, nơi giam kín nhất và chắc chắn. Vậy mà danh sách các tù nhơn trong Hỏa Lò không hề thấy tên cụ Phan bội Châu. Các đồng chí cũ của cụ ở trong cảnh cá chậu chim lồng, nhưng cũng thường được tin tức từ trong khám đưa ra mỗi khi một người nào bị bắt giam vì quốc sự. Vậy mà sao không có bị can nào mang tên « Phan bội Châu ».

Tin vịt chẳng ? Hay là thực dân « thả vịt » để phá tan những hy vọng mà phái thanh niên ái quốc từng đặt vào cụ Phan.

Các cụ « Bô lão » liên lạc với những người tâm phúc làm việc tại Hỏa Lò, hỏi tin tức thì được trả lời : « không có ». Cụ Phan chưa bị bắt chẳng ? Tuy nhiên, cũng nhận được một tin từ khám đường đưa ra, đáng chú ý : Có một ông già bị bắt giam, ghi tên là Trần Văn Đức. Ông quắc thước, có bộ râu tốt lắm, hai mắt linh lợi và hình như có vẻ là người Tàu vì bận quần áo Tàu. Lạ sao ? Ngoài phòng giam lại treo cái bảng nhỏ ghi ba chữ « Trần Văn Đức » không phải là tên Tàu.

Hơn nữa, trại giam Trần Văn Đức lại là trại giam các tội nhân Pháp, các người Âu Châu, người ngoại quốc da trắng. Nếu là một anh « da vàng mũi xệ » thì ít ra cái tên Việt của anh còn phải kèm theo một tên Tây nữa : Trần Văn Đức là người Việt dân Tây thì sao không có cái tên « Paul Đức » chẳng hạn. Phòng giam riêng Trần Văn Đức là một phòng nhỏ có một giường cá nhân với một bàn nhỏ, tuy không lớn hơn cái « xà lim » của phòng tù nhân « bốn xứ » song đủ tiện nghi hơn. Phòng ấy mang số 13.

Người Việt mà bị giam ở cái « xà lim » Tây này chắc không phải là người thường.

Hay ông Đức là một nhân vật làm việc tòa lãnh sự Pháp ở Thượng Hải bị đưa về nước câu lưu vì can vào một vụ bí mật gì còn đang cứu xét ? Căn cứ vào đâu mà có thể nghĩ rằng ông Đức ấy là nhà cách mạng bôn ba hải ngoại, họ Phan ?

Lúc ấy chân dung cụ Phan bội Châu có được phổ biến như ngày nay đâu. Chẳng mấy ai biết được mặt cụ, ngoài các đồng chí của cụ.

Nhà nào nếu có tấm hình của cụ cũng không dám giữ vì rủi có kẻ nào tố giác thì... « ở tù một gông ».

Bởi vậy những người làm việc trong khám có thấy mặt ông Đức cũng không biết là có phải cụ Phan hay không ? Mà muốn lại gần cái « xà lim »

Tây mang số 13 ấy để hỏi xem ông Đức là ai, thì phải là câu chuyện « câu trăng đáy nước » không dễ gì đâu. Vì những « xà lim » là những phòng giam cá nhân, đặt trong quy chế « Tối Mật ». Người gác ở đây không phải là người Việt, mà là một người Pháp, mới thật khó. Nhân viên người Việt nào mà lơ vớ lại gần khu « Tối Mật » sẽ bị « bế nôi cơm » như chơi.

Tại bộ tham mưu, các « Bô lão » họp ở nhà cụ Lê Đại, Phố Hàng Điếu, không ai chiếu được tia sáng nào vào cái bí mật ở phòng số 13 ấy : cái « bí mật Phan Bội Châu ».

Cụ Hoàng tăng Bí luận bàn một lúc rồi cũng... bí luôn. Cái « bí mật Phan bội Châu » vẫn còn lâm ngỗ bí.

Cụ Lê Dư từng lê gót cách mạng ở Trung Hoa, Nhật bản, Triều Tiên, cũng không nghĩ ra một mưu kế gì để khám phá ra bí mật ấy.

Cụ Lê Đại bóp trán thở dài :

- Nếu Trần văn Đức đích thị là ông Phan, thì chúng ta phải kêu gọi đến dư luận trong nước và ngoài nước chớ ? Chúng ta phải đánh thức đồng bào từ Nam chí Bắc, không lẽ để cho bọn Tây chúng nó âm thầm xử kín ông Phan rồi lén lút hành quyết như chúng đã từng xử các liệt sĩ của chúng ta từ trước đến giờ. Dư luận biết được thì đã quá trễ.

Ai nấy lặng thinh như liên tưởng đến giờ bi thảm ở Pháp trường. Bỗng cụ Lê Đại nảy ra một ý kiến :

- Thôi được rồi ! Chúng ta quên mất anh Hy. Sẵn anh Hy đó, chúng ta sẽ nhờ anh vào Hỏa Lò xét xem sao ?

Cụ Lê Đại tìm ra một điệp viên. Các « Bô lão » sức nhớ tới anh Hy, một thanh niên hăng hái, thường lui tới nhà các cụ, luận bàn quốc sự và học hỏi những kinh nghiệm cách mạng của người huynh trưởng.

Các cụ trầm ngâm suy nghĩ, không tỏ ý song cái lặng thinh có thể hiểu là một thái độ nghi ngờ :

- Liệu có dễ dàng như lời nói không ? Vào Hỏa Lò để khám phá cái « bí mật Phan Bội Châu » hay là để ở luôn trong khám với Phan bội Châu rồi chờ ngày ra tòa lãnh án. Sao lại bàn đến việc « đeo nhạc cổ mèo » như thế. Câu chuyện tráng sĩ Kinh Kha một ra đi là không trở về... Ai mà quên được.

Cụ Lê Đại không nghe ai tán thành đề nghị của cụ, bèn nói rõ thêm :

- Nhưng anh Hy đã từng làm trong « ghép » của Hỏa Lò mấy năm trước, thế nào lại không có người quen biết, có bạn đồng sự cũ còn làm ở đấy, có thể nhờ cậy được.

Tiếng « ghép » âm ở tiếng Pháp « greffe » là tiếng thông dụng trong giới tù nhân ; « ghép » là cơ sở hành chánh trong khám đường, phụ trách về giấy tờ, sổ sách liên hệ đến các tội nhân. Anh Hy, một nhân viên hành chánh cũ của khám đường, một người làm ở « ghép » mà nay vào thăm anh em cũ, thì không đến nỗi khó khăn nguy hiểm như Kinh Kha sang Tần. Các cụ « bô » suy nghĩ một lúc rồi tán thành đề nghị của Cụ Lê Đại ; vài cụ lặng thinh không phản đối song cũng muốn cầu may một phen : bộ tham mưu đồng ý cho đi mời anh Hy.

Anh Hy là một thanh niên có óc tiến bộ. Sau ba năm làm một công chức giúp việc tại khám đường Hà Nội, anh xin từ chức vì gia đình sung túc, anh muốn xoay ra đi buôn để có một tương lai khả quan hơn. Từ khi ra khỏi cuộc sống tù túng trong 4 bức tường của công sở, anh thấy tinh thần khoáng khoáng và giao du với những bậc đàn anh hay những người có tư tưởng mới.

Được các cụ « bô » cho mời anh đến không bỏ phí một phút đồng hồ, đến ngay căn gác của ngôi nhà Phố Hàng Điếu. Sẵn bầu máu nóng của tuổi thanh niên, anh luôn luôn mong chờ những sứ mạng khó khăn mà các bậc đàn anh giao phó, dầu có phải vào sanh ra tử, anh cũng không nề hà.

Vừa thấy anh Hy, cụ Lê Đại thay mặt bộ tham mưu, nói trước (cụ vốn đã quen biết với anh) :

- Này ông Hy à ! Chắc ông cũng nghe tin cụ Phan bị bắt.

- Dạ, có nghe, nhưng không chắc thực hư ra sao.

- Chúng tôi muốn nhờ ông một việc...

- Phá tù xa để cướp lại cụ Phan chẳng ? Hay ra pháp trường giải phóng cho cụ ? Cháu xin lãnh hết. Dù xương tan thịt nát, cháu đâu có quản ngại gì.

Các cụ « bô » đã biết tánh thanh niên hăng hái ngạo nghễ và hay nói đùa, nên các cụ đều cười vui vẻ ; cụ Lê Dư điềm đậm nói đỡ lời :

- Chưa đến phải phá tù xa, cướp pháp trường. Sứ mạng giao cho anh không nguy hiểm như thế.

- Vậy cần người chết thế mạng cho cụ Phan chẳng ? Xin các cụ nói mau cho cháu biết.

- Cũng không phải hy sinh đến vậy. Chỉ cần một điệp viên. Ông Hy ạ, ông sẽ vào « nhà pha » xem có thật là cụ Phan bị bắt hay không ?

- Thưa các cụ, việc ấy tế nhị lắm, cháu không dám từ nan. Các cụ giao phó cho trọng trách này thì chẳng khác nào Thống sứ, Toàn quyền ký nghị định bổ tên Hy này làm Tổng thanh tra Hỏa Lò. Chẳng khác nào cháu phải đi từng phòng giam, từng xà lim mà hỏi : Ai là Phan Bội Châu... Nhưng việc khó đến đâu, cháu cũng xin vâng lời. Còn thành bại chưa dám nói trước.

Thay vì chén rượu tiễn hành Kinh Kha trên dòng sông Dịch, cụ Hoàng tăng Bí rót tách nước trà ướp sen mời anh Hy như dụng ý thưởng anh và khen anh.

Anh Hy đỡ chén trà uống một hơi rồi cáo từ ra về để thu xếp chương trình, kế hoạch sáng mai « vô khám ».

Sáng hôm sau, đúng như lời hứa, anh đến trước cửa khám đường. Anh gõ mấy tiếng vào cánh cửa sắt sơn đen có một cái lỗ hồng tròn bằng miệng chén, để người gác đứng trong dòm ra xem ai muốn vào. Cánh cửa nặng nề từ từ quay, phát ra những tiếng sắt rỉ, nghe ken két, để trống một chỗ nhỏ vừa cho một người lách đi vô.

Anh gác cửa là một nhân viên đã làm lâu năm ở đây, còn nhớ mặt « ông Phán Hy » đơn đả chào hỏi :

- Kia ông Phán, hồi này mạnh khỏe chớ. Hôm nay vào thăm ai đây ?

- Thăm anh em cũ làm trong « ghép » và thăm cụ « Tổ ».

Cụ « Tổ » được anh em tặng cái danh hiệu này vì cụ là một nhân viên già gần 70 tuổi, còn làm « xếp ghép ». Đã quá tuổi về hưu, cụ còn khỏe mạnh và có dân tây nên được lưu dụng để làm cái việc an nhàn dưỡng lão này. Lại nữa cụ thạo công việc hành chính trong Hỏa Lò quá, thuộc lầu mọi việc, nên người ta cũng muốn nhờ ở kinh nghiệm của cụ. Trước kia cụ Tổ đã tòng sự ở khám đường đảo Réunion, từng giao thiệp với Thành Thái, Duy Tân trong cảnh sầu xứ nên cũng có óc tương đối rộng hơn các công chức gốc Việt dân Tây khác. Cụ hay giúp đỡ đồng bào, đem chút đỉnh ưu ái xoa dịu phần nào nỗi khổ đau của những người mang số kiếp « vào tù ra khám ». Người ta gọi cụ là cụ « Tổ » cũng xứng đáng.

Anh Hy trước đây làm dưới quyền cụ, nay trở lại thăm cụ vì tình « thầy trò » cũng là chuyện thường. Cụ Tổ có ngờ đâu người đồng sự cũ còn trẻ tuổi này đang là một điệp viên của các « Bô lão » trong làng cách mạng.

Tay bắt mặt mừng, anh Hy ba hoa hỏi thăm sức khỏe của cụ. Tình thầy trò thật mặn mà, thăm thiết. Anh không ngồi mà chỉ đứng trước bàn cụ, không phải vì lý do « kính lão » nhưng dụng ý muốn nhìn xuống giấy tờ trên bàn xem có ba chữ « Phan Bội Châu » không ?

Vô kể khả thi. Cụ Phan bị bắt cả tuần lễ nay rồi, vậy nếu muốn xem có tên cụ trong « Sổ Đoàn Trường » không thì ít ra phải lật lên cả chục trang

giấy về trước. Muốn kéo dài thì giờ, anh Hy rút gói thuốc trong túi ra mời người này người nọ, lân la từ bàn nọ sang bàn kia. Bao thuốc đã hết mà anh điệp viên chưa tìm ra được một tia sáng. Bỗng anh nghe cụ Tổ hỏi :

- Ông có biết ông Tây đang đi ngoài kia cùng ông xếp Hỏa Lò, tiến vào phía « ghép » không ? Độ là cụ « Bích » đấy.

Cụ Bích ? Cái tên nghe quen quen.

Ai là người Bắc am hiểu cơ quan hành chánh thời bấy giờ đều cũng thuộc câu vè « Tứ Hung » : « Nhất Đạc, nhì Ke, tam Be, tứ Bích ».

Đó là tên bốn nhân viên hành chánh cao cấp Pháp : Darles, Eckert, Wintrebert, Brides. Bốn người này đã từng làm Đốc lý hay Công sứ (Tỉnh trưởng) thuộc vào phái thực dân hạng nặng, biết nói tiếng « An Nam » và biết ăn mắm tôm nữa ; đặc tánh khắt khe, độc ác của bốn « trụ » ấy thì khỏi phải nói ; dân chúng khiếp sợ, oán ghét họ mới gọi là « Tứ Hung » với câu vè trên kia.

Cụ Tổ nhắc tên « Bích » ngụ ý bảo anh Hy đề phòng hay nên rút lui có trật tự, kéo mang tai bay họa gởi vì tên cáo già này. Song cái danh hiệu « Bích » gợi lên cho anh Hy một tia sáng tò mò : Chính thẳng cha Bích này đã chủ tọa Hội đồng Đề hình xử vụ án Thái Nguyên năm trước đây. Nay nó vào Hỏa Lò không phải là không có « đại sự ». Nó sẽ lập Hội đồng Đề hình ở đây chăng ? Mà nếu có Hội đồng Đề hình thì chẳng phải là xử mấy anh nấu rượu lậu !.

Anh Hy lui bước ra hành lang, chỗ có những kệ chứa đầy các hồ sơ cũ. Anh làm như một công chức trong « ghép » đang sắp xếp hồ sơ. Anh cố giữ bình tĩnh vì nếu có nét mặt đối khác khi rủi mà Bích lại gần anh thì anh khó mà tránh được vào sở Mật thám để bị tra tấn dã man.

May sao không có ai ra hành lang hết. Bích và xếp khám nói chuyện xì xồ, anh Hy nghe lồm câu được câu không :

- Sao ông không có một cuốn sổ riêng để ghi căn cước « Nó » ?

- Tôi đã ghi tên khác : tên Trần văn Đức. Tôi lại giam « Nó » ở khu người Âu để không có tên « An nam » nào tiếp xúc được với « Nó ».

- Ông nên biết rằng « Ông chủ ta » không muốn cái tên « Phan bội Châu » lọt ra công chúng. Có lẽ vụ này sẽ xử kín và khi thành án sẽ hành quyết ngay trong khám.

Anh Hy mừng run lên vì thần May Mắn đã giúp anh khám phá ra « bí mật xà lim 13 » rồi : Cái tên Trần văn Đức là tên giả mà xếp khám đặt cho cụ Phan bội Châu.

Kết quả cuộc dò xét của anh Hy đã sáng tỏ mà anh không tốn công khó nhọc gì cho lắm. Anh lo lắng cho số phận nhà ái quốc đang bị thực dân âm mưu trừ diệt ngấm ngầm, không cho công chúng hay biết, đến khi công chúng có hay thì chuyện cũng đã dĩ lỡ rồi. Anh Hy muốn có phép tàng hình mà ra khỏi Hỏa Lò, về báo động cho các cụ « bô » ở Phố Hàng Điếu : « Thập cấp ! Chí nguy ! »

Làm sao mà đánh trống khua chuông cho đồng bào đứng dậy không cho thực dân lén lút làm hại sanh mạng cụ Phan ?

Lúc sau, Bích cùng xếp khám ra khỏi văn phòng, có lẽ đi xem các trại giam tội phạm.

Anh Hy thở một cái nhẹ nhõm, ra bắt tay cáo từ cụ Tổ để về báo cáo kết quả sứ mạng của mình.

Bộ tham mưu ở Phố Hàng Điếu biết chắc rồi, bèn in mấy ngàn truyền đơn, báo động với đồng bào rằng cụ Phan bội Châu đã bị bắt.

Thế là từ Bắc vào Nam, đồng bào ùn ùn như nước chảy, đứng ra vận động đòi trả tự do cho cụ Phan.

Một phong trào nổi lên như vũ bão. Toàn quyền Varenne phải nhượng bộ trước lòng ái quốc thành thật của hai chục triệu dân Việt Nam.

Một vụ « mua bán » không thành

Nhơn nói về vụ bắt cụ Phan Bội Châu tại Thượng Hải đưa về Hà Nội, giam kín tại Hỏa Lò, xin kể một vụ nữa. Trước khi ấy, cách năm 1925 mười hai năm, cụ Phan đã suýt vào tay người Pháp trong một cuộc « mua bán » song cụ thoát hiểm do một bài thơ... Câu chuyện dã sử này cũng lý thú, đáng thuật lại sau đây :

Năm 1913, Tổng đốc Quảng Đông là Long Tế Quang được thực dân Pháp điều đình để mua cụ Phan Bội Châu và họ Long cũng đang muốn bán. Nhưng « món hàng » đã sẵn sàng để chở từ Quảng Đông đi Hà Nội cho thân chủ mà lại không thành vào giờ chót. Trong vụ mua bán này có nhiều bí ẩn đã được đưa ra ánh sáng.

Năm ấy, Toàn quyền Sa Lộ (Sarraut) đang cai trị Đông Dương. Y là người rất khôn khéo, một tay hùng biện, một chánh trị gia giàu thủ đoạn, đã nắm vững được ba xứ Việt, Miên, Lào, trong khi nước Pháp sắp bước vào cuộc chiến tranh kéo dài 4 năm (1914-1918).

Toàn quyền Sa Lộ đã để ý đến nhà cách mạng hải ngoại mà thủ lĩnh là cụ Phan Bội Châu. Y quyết mua cụ bằng bất cứ giá nào vì y tin chắc phong trào chống Pháp mà mất cụ Phan thì cũng như rảnh không đầu, chẳng bao lâu sẽ suy sụp, không thì cũng yếu thế dần dần. Hai vụ liệng « bom » ở tỉnh Thái Bình và ở « Hà Nội khách sạn » do từ bên ngoài tổ chức, đã làm cho y lo sợ sẽ còn có nhiều vụ khác xảy ra nữa.

Nhân hai vụ này, Toàn quyền Sa Lộ xin với Tổng đốc Long Tế Quang cho dẫn độ cụ Phan Bội Châu vì lý do Hội đồng Đền hình đã xử tử khiếm diện cụ, và truy tố cụ là thủ phạm chỉ huy hai vụ ném bom ở Thái Bình và Hà Nội. Thực dân Pháp cho hai vụ này là hai vụ sát nhân chớ không phải vụ án chánh trị nên khuyên Tổng đốc Quảng Đông thi hành biện pháp dẫn độ mà không sợ dư luận quốc tế chê trách. Lý luận của Pháp chỉ là ngụy biện không đủ thuyết phục được họ Long.

Sa Lộ bèn nhờ tòa lãnh sự Pháp ở Quảng Đông điều đình « mua » cụ Phan. Hai bên thương thuyết trong một thời gian, bên « mua » trả giá rẻ, bên « bán » đòi giá cao, công việc chưa đi đến đâu.

Tòa Lãnh sự Pháp hồi ấy đã dùng một người Quảng Đông đa mưu túc kế, làm mật thám với một số lương rất hậu. Tên này là Quan Nhân Phủ, có giao thiệp nhiều với các bộ hạ của Long Tế Quang. Y biết rõ nhiều hoạt động của các đảng viên cách mạng Việt Nam tại Trung Hoa. Y biết rằng cụ Phan là bạn thiết với Hồ Hán Dân ; mà Hồ là một yếu nhân của Quốc Dân Đảng Trung Hoa, chân tay của Tôn Văn. Hồ Hán Dân lại rất có cảm tình với các nhà cách mạng Việt Nam bên ba hải ngoại. Có điểm bất lợi cho Việt Nam là Hồ Hán Dân bảo trợ cho Trần Quỳnh Minh, kẻ thù của Long Tế Quang.

Lợi dụng nhược điểm ấy, tên mật thám Quan Nhân Phủ khai thác sự mâu thuẫn giữa hai họ Trần và Long và vu cáo cụ Phan Bội Châu là người tâm phúc của Trần Quỳnh Minh mưu toan khuynh đảo Long Tế Quang.

Long có tánh đa nghi, bắt cụ Phan hạ ngục.

Những cuộc khám xét xảy ra tứ tung, tại các nhà ở Quảng Đông có chứa chấp những phần tử cách mạng Việt Nam. Quán trọ Chu thị do một phụ nữ Tàu họ Chu đứng trông nom, bị lục xét kỹ càng vì là nơi cụ Phan ở trọ. Cùng bị bắt với cụ Phan có cụ Mai Lão Bạng nữa.

Các cuộc khám xét không tìm ra bằng cứ gì tỏ ra rằng có sự giao thiệp giữa Trần Quỳnh Minh và Phan Bội Châu.

Song Tổng đốc Long Tế Quang vẫn bán tín bán nghi.

Tên mật thám Quan Nhân Phủ lợi dụng sự dĩ lỡ của Long Tế Quang (đã lỡ bắt giam cụ Phan) mà điều đình và xúc tiến việc mua bán nhà thủ lãnh cách mạng.

Cò kè bớt một thêm hai, kẻ mua người bán đã đi đến chỗ thỏa thuận giá cả. Pháp chịu mua cụ Phan với một giá rất cao. Thấy tiền tối mắt, họ Long bằng lòng cho dẫn độ cụ, viện cớ rằng cụ đã dính líu vào hai vụ ném bom ở Hà Nội và Thái Bình và đó là hai vụ thường phạm chớ không phải chánh trị phạm.

Họ Long chỉ còn chờ ngày nhận tiền của thân chủ là giao « hàng ».

Bỗng đâu một chuyện bất ngờ xảy đến. Một tờ báo Tàu ở Thượng Hải loan tin cụ Phan bị bắt ở Quảng Đông và đăng một bài thơ « Tự thán » của cụ.

Liên sau đó, hai tờ báo khác nổi lên công kích Long Tế Quang là đã bắt cụ Phan để giao cho thực dân Pháp.

Họ Long như bị sét đánh ngang đầu. Có ngờ đâu một vụ còn « tối mật » mà báo chí đã hay sớm thế ? Tòa lãnh sự Pháp thấy vụ « mua bán » bị đổ bể, hối thúc Tổng đốc Quảng Đông « giao hàng » gấp.

Long Tế Quang muốn nhận tiền, lại sợ dư luận. Y còn thận trọng dò xét xem dư luận Thượng Hải đi đến đâu và hẹn Pháp chờ ít ngày nữa.

Phía lãnh sự Pháp cho Quan Nhân Phủ đến tiếp xúc với các người thân cận của họ Long, trở tài miệng lưỡi Tô Tần.

Long Tế Quang mới thăng Trần quỳnh Minh, mới lên cầm quyền, chưa dám làm chuyện bậy để mang tai tiếng, nhứt là một chuyện đã bị dư luận phanh phui ra ánh sáng.

Y đang đợi chờ hoàn cảnh thuận tiện hơn, khi dư luận bớt sôi nổi, y sẽ giao cụ Phan cho thực dân Pháp.

Tại sao báo chí Thượng Hải hay được tin về vụ « Tối Mật » này.

Ấy chỉ nhờ có một bài thơ của cụ bất ngờ lọt vào một tòa soạn nhứt báo. Một bài thơ định mệnh, đã cứu sống một mạng người.

Nguyên là cụ Phan nói tiếng Quảng Đông rất giỏi, nhờ đó mà trong khi bị giam cụ làm quen được với anh đầu bếp Lưu Á Tam người Quảng Đông. Cụ mạo nhận là người đồng hương với anh và hai bên nảy nở tình cảm. Lưu Á Tam trở thành người liên lạc cho cụ Phan với bên ngoài.

Anh ta thường đưa thư của cụ đến bà họ Chu, chủ nhà trọ cũ, rồi Chu thị lại chuyển thư của cụ đến các đồng chí.

Trong thư, cụ Phan nói đến sức khỏe hay hỏi thăm anh em, không có gì là quốc gia đại sự mà khiến cho Á Tam phải lo ngại. Một hôm cụ Phan ngẫu hứng làm một bài thơ « Tự thán » gửi ra cho anh em đọc trong lúc tửu hậu trà dư. Bài thơ nói lên tâm sự người sa cơ lỡ bước chí chưa thành mà đã mắc vòng lao lý, rồi đây có thoát khỏi rơi đầu không ?

Lưu Á Tam đem bài thơ này ra nhằm lúc đang có cuộc khám xét gắt gao nhà các Việt kiều. Anh hoảng sợ không dám đưa đến cho Chu thị. Anh cũng tạm ngưng sứ mạng liên lạc viên. Còn bài thơ của cụ Phan, anh không tiện giữ trong túi, phải giao cho một người bạn tâm phúc cất giữ hộ.

Một sự tình cờ xảy đến : người bạn của Á Tam có công việc phải đi Thượng Hải và khi anh đến thành phố này thì lại gặp một bạn anh làm ký giả, anh bèn đưa cho bạn bài thơ của cụ Phan Bội Châu.

Tên tuổi cụ Phan không xa lạ gì với văn giới Thượng Hải vì cụ có văn tài, đã từng dùng cây bút mà viết bài đăng báo lấy tiền độ thân và giúp các đồng chí. Cụ đã lưu lại Thượng Hải một kỷ niệm tốt vì người Tàu ở đây không quên những câu văn hùng tráng của cụ.

Bây giờ một ký giả Tàu vớ được một bài thơ « Tự Thán » của cụ có khác nào được ông Tổ Nghề nghiệp giúp đỡ : Anh đã vớ được mỏ vàng. Dịp may mấy thuở ; anh lượm được một tin « giựt gân » mà chưa báo nào hay biết, anh lại còn được cả một bài thơ, thủ bút của cụ Phan, biết đâu chẳng là bài thơ cuối cùng của cụ trên đất nước Tàu, một bài thơ tuyệt mạng.

Báo anh ngày hôm sau đã có một tin độc đáo, một bài thơ độc đáo... Và báo bán chạy như những món hàng khan hiếm phải mua giá chợ đen.

Vụ bắt giam cụ Phan Bội Châu còn đang là một vụ « Tối mật » – một vụ mua bán trong bóng tối – thì bỗng được tung ra dư luận, lan tràn khắp các giới lãnh đạo Trung Hoa.

Các yếu nhân Trung Hoa Quốc Dân đảng vội vàng can thiệp, chặn đứng vụ mua bán này. Hăng hái nhất là Hồ Hán Dân, đã không quản công lao khó nhọc, đi khắp nơi có quyền thế khoa chuông, đánh trống để đòi trả tự do cho nhà ái quốc Việt Nam mà Hồ Hán Dân từng mến phục.

Thế là thực dân Pháp hụt mất miếng mồi mà chúng tưởng đã giữ chắc trong miệng. Báo chí đã thành công trong cuộc giải thoát một nhà cách mạng gần lọt vào nanh vuốt của thực dân, đế quốc.

Hay nói cho đúng thì chỉ vồn vện có mấy câu thơ thôi, đã có mãnh lực thay đổi cả số mạng một người, xoay đổi cả một thế cờ của đại cuộc.

Nếu không do một sự tình cờ, nếu bài thơ ấy đi trôi lọt tới tay các đồng chí của tác giả thì cũng chỉ là một bài thơ ngâm đọc với nhau trong một nhóm vài ba người. Nhưng bài thơ ấy tình cờ đã phiếm du tới tận Thượng Hải rồi nổ bùng trong dư luận.

Tuy Long Tế Quang phải bóp bụng hủy bỏ cuộc mua bán với tòa lãnh sự Pháp, mất một món tiền ketch sù mà y tiếc ngơ tiếc ngẩn, song y cũng còn lợi dụng « món hàng » của y làm mồi như thực dân Pháp, mong Pháp giúp y mưu toan đại cuộc.

Lúc ấy nước Tàu đang lâm cảnh Nam Bắc phân tranh. Cuộc cách mạng Trung Hoa tuy đã lật đổ được nhà Mãn Thanh mà lập nền Dân quốc, song Quốc Dân Đảng Trung Hoa vẫn còn phải lo Bắc phạt thanh toán các nhóm quân phiệt miền Bắc. Mỗi địa phương đã bình định xong được giao cho một thủ lĩnh cai trị hùng cứ một phương chẳng khác nào một ông vua nhỏ.

Long Tế Quang là ông vua không mào, hùng cứ tỉnh Quảng Châu. Y có nhiều tham vọng, muốn chiếm luôn cả tỉnh Vân Nam, lật đổ Đường Kế Nghiêu là Tổng đốc tỉnh này.

Long Tế Quang muốn dùng cụ Phan Bội Châu làm môi nhử Pháp để đòi Pháp cho mượn đường xe lửa Hà Nội Vân Nam (do Pháp thiết lập) để họ Long chở lính tới Vân Nam đảo chánh.

Nếu Pháp cho mượn đường xe lửa này thì họ Long sẽ làm ầu, bất chấp dư luận mà giao cụ Phan cho Pháp.

Nhưng một vị Toàn quyền Pháp đâu dám mạo hiểm vào một việc ngoại giao quá lớn như thế, việc can thiệp vào nội bộ nước láng giềng... Nhứt lại lúc ấy Pháp lâm vào cuộc chiến tranh với Đức.

Long Tế Quang giam cụ Phan đến 4 năm để điều đình với Pháp. Sau này y bại trận phải chạy đi Quỳnh Châu năm 1916, cụ Phan Bội Châu mới được trả tự do...

10. GIAI THOẠI VỀ NGUYỄN THÁI HỌC

Theo lời các vị đồng chí cũ của ông Nguyễn Thái Học thì đảng trưởng « Việt Nam Quốc Dân Đảng » lúc còn là một cậu học trò, có để lại một vài câu chuyện lý thú.

Trong cuộc đời học sinh, Nguyễn Thái Học đã tỏ ra có óc chống Pháp và tinh thần cách mạng đã nảy nở ở ông từ khi ông học ở trường Sư phạm Hà Nội, trường đào tạo giáo viên tiểu học.

Nguyễn Thái Học không khá về Pháp văn. Ông không có khiếu về môn này mà cũng không thích học chữ nước người. Ấc thay, theo chương trình thì phải học tất cả các môn bằng tiếng Pháp, từ Sử Địa đến Toán Lý Hóa ; Việt sử cũng phải học trong cuốn « Histoire d'Annam » của G. Maybon.

Mỗi tuần được có một, hai giờ học Việt văn, là cả một sự thích thú, hân hoan đối với cậu học trò bướng bỉnh của năm thứ nhất trường Sư phạm (như Đệ thất trung học ngày nay).

Khi cậu phải làm luận Pháp văn thì là cả một cực hình. Cậu gãi đầu, bứt tóc, miệng càu nhàu : « Càng giỏi tiếng Pháp cho lắm, càng phải nghe Tây nó chửi nhiều. Dốt lại ít hiểu, nó chửi nó nghe ».

Muốn luyện cho học trò Việt nghe quen giọng Pháp, mỗi lớp được học một hai giờ với giáo sư Pháp mỗi tuần ; giờ chính là giờ ám tả (Dictée française) và có khi được học thêm một giờ thứ nhì nữa là giờ Luận Pháp-văn (Rédaction française). Ở năm thứ nhất trường Sư phạm, Nguyễn Thái Học gặp phải một cô giáo Pháp rất khó tánh, mà giọng nói lại khó nghe. Cô mà đọc ám tả cho học sinh Việt Nam viết, thì cậu nào cũng đầy lỗi ; giỏi nhất lớp cũng phải đến 4 hay 5 lỗi.

Học trò gọi giễu cợt cô là « Sâu Róm ». Một hôm cô vừa ăn bánh mì nhồm nhoàm, vừa đọc ám tả. Học trò lẳng tai lẳng mắt mới nghe câu được câu không.

Nguyễn Thái Học không viết bỏ bút xuống, nhìn lên trần nhà mỉm cười. Cô « Sâu Róm » kêu Học đứng lên, hỏi :

- Thằng « nhà quê » ! Tại sao mà cười ?
- Ta cười vì ta không khóc.
- A thằng hỗn xược ! Mà là người tỉnh nào ?
- Người Việt Nam.

Câu trả lời đượm màu tư-tưởng quốc gia này, làm cho cô « Sâu Róm » khó chịu, bực tức. Cô hỏi tiếp :

- Ba má mà tên gì ?
- Song thân ta tên « Việt-Nam ».

Cô giáo nắm cánh tay Học toan kéo lên ông Đốc để trình về ngôn ngữ của Học, song cô bị Học hất mạnh tay ra. Cô biết cô gặp phải một học sinh không phải tay vừa, rồi không hiểu nghĩ sao, cô không lôi cậu học trò ngỗ nghịch ấy lên văn phòng hiệu-trưởng nữa mà chỉ dọa một câu :

- Rồi mà sẽ biết.

Sau giờ ám tả ấy, các bạn đều lo cho Học sẽ bị đuổi.

Nhưng chờ ngày ấy qua ngày khác, cậu học trò bướng-bỉnh vẫn còn ngồi trong lớp. Có lẽ cô giáo Pháp kia không muốn gây ác cảm, nên bỏ qua những tư tưởng quốc gia mà cô nhận thấy ở Nguyễn Thái Học.

Khi lên năm thứ nhì, thầy giáo Pháp luyện giọng Tây cho học trò là giáo sư Thomas đã có xung đột với học trò trường Chasseloup-Laubat ở Saigon, vì khó tánh và hay phạt. Bị mất mặt vì cuộc xung đột ấy, ông phải đổi ra Hà nội dạy tại trường Sư phạm.

Cha cậu học trò đã cầm đầu cuộc xung đột với ông ở Saigon là một người Việt « có thể lực lắm » cậu mới được học trường Pháp. Vì thế khi ra

Hà Nội, ông Thomas ghét học sinh V.N. lắm. Trời dun rủi sao ông lại phải dạy ở trường học sinh V.N.

Đến kỳ thi lên lớp, ông đọc ám tả cho học trò viết, và cố ý « trát » học trò, chỉ đọc mỗi câu có một lần. Nhiều cậu không nghe kịp phải để từng đoạn trống trong bài thi. Cố nhiên Nguyễn-Thái Học bực tức nhất vì cậu không giỏi Pháp ngữ.

Cậu không viết nữa và nửa chừng đứng lên xé giấy thi, bỏ ra ngoài. Nhưng cậu mới bước tới cửa lớp, đã bị thầy giáo ngăn lại :

- Mày đi đâu ? Mày không thấy xấu hổ với anh em sao ? Trong khi ai cũng viết kịp thì mày bỏ dở bài thi.

- Còn ông, ông không xấu-hổ với các thầy giáo khác sao, các thầy ấy đều được học trò mến phục, còn ông thì trái lại...

- Tại sao vậy ? Mày cắt nghĩa tao nghe.

Nguyễn Thái Học tuy dờ tiếng Pháp nhưng cũng có thể nói chuyện với giáo sư bằng thứ tiếng Tây « ba rọi » trật lất văn phạm và từ ngữ. Tuy nhiên giáo sư Thomas cũng hiểu rằng Học nói cho ông biết : ông oán ghét học trò V.N. vì ông không được dạy trường Albert Sarraut (trường trung học Pháp ở Hà Nội) chớ gì ? Ông suy nghĩ một phút rồi dịu giọng :

- Chắc các trò oán ghét tôi vì tôi đọc ám tả có một lần, nghe không kịp. Có vậy, đi thi mới chắc đậu.

Rồi giáo sư còn nói thêm cho cả lớp hiểu rằng ông không có ác ý đâu. Kể đó ông đọc lại bài ám tả từ đầu mà mỗi câu đều đọc 2 lần chậm rãi.

Từ hôm ấy ông bớt gắt gao. Có lẽ ông thấy Nguyễn Thái Học bướng bỉnh, ông lo ngại sẽ xảy ra cuộc xung đột như ở Saigon, thì ông không còn đất sống ở V.N. nữa, đến phải sang Phi châu mà dạy học hay phải về Pháp không chừng. Chống với vị giáo sư khó tính mà Nguyễn Thái Học giúp cho cả lớp không còn bị ông làm khó dễ nữa.

Khi đi thi bằng Thành Chung (Diplome) có bài luận Pháp văn mà đề bài như sau :

« Các trò hãy nói về sự nghiệp của Jules Ferry. »

Nguyễn Thái Học viết có đúng một câu :

« Người Việt Nam không hề biết tên người này ».

Ai cũng cho là Học để ý phản đối Jules Ferry, một tay thực dân hạng nặng đã chủ trương chánh sách đi chiếm thuộc địa.

Cố nhiên bài luận ấy đem cho Học một « trứng ngỗng » và sau đó một cái « vỏ chuối ».

Hồi đó người Pháp muốn bưng bít dư luận bên nước họ, lúc nào cũng cho Chánh phủ Paris có cảm nghĩ là dân « A na mít » trung thành với « mẫu quốc » lắm ; có lẽ vì thế mà họ không muốn làm to chuyện về khối óc bướng bỉnh, chống thực dân của một cậu học trò.

Họ có ngờ đâu cậu học trò mà họ không thèm lưu ý ấy sau này thành đảng trưởng Việt Nam Quốc Dân Đảng, làm cho thực dân « con cháu Jules Ferry » phải toát mồ hôi.

Một đề-nghị vượt ngục ?

Ngày 28 tháng 3 năm 1930, tại phòng giam tử tội của khám đường Yên Bái, nhà cách mạng Nguyễn Thái Học trải qua một cơn bão tố trong lòng.

Trong bốn bức tường của « xà lim » đảng trưởng Việt Nam Quốc Dân Đảng một mình đối bóng phải cân nhắc để giải quyết một vấn đề lương tâm : nên vượt ngục để tránh cái án tử hình mà Hội đồng đề hình vừa tuyên xử buổi sáng hôm ấy hay là cúi đầu trước số phận, chịu đem máu đào tưới nơi pháp trường dưới lưỡi dao sáng quắc của cái máy chém, để kết liễu bốn phận thiêng liêng của một đảng tu mi ái quốc.

- Sống hay chết ?

- Và muốn sống liệu có sống được không ?

Nguyễn Thái Học phân vân, bóp đầu bóp trán với những câu hỏi ấy.

Một thượng sĩ gốc gác người xứ Algérie, có trách nhiệm canh gác khu giam tử tội, đã đề nghị với Nguyễn Thái Học một cuộc vượt ngục ; anh ta vui lòng giúp cho nhà lãnh tụ cùng 12 đồng chí của ông hoàn thành việc ấy, nếu ông ưng thuận. Tên của 12 bạn đồng chí cách mạng vợ vẫn trong óc nhà thủ lãnh như tên của 12 đứa em cùng chung một bà mẹ « Việt Nam » sinh ra :

- Phó đức Chính,
- Bùi tư Toàn,
- Bùi văn Chuẩn,
- Nguyễn An,
- Đào văn Nhít,
- Ngô văn Du,
- Nguyễn văn Tiền,
- Nguyễn như Liên tức Ngọc Tinh,
- Nguyễn văn Cửu,
- Lê văn Tụ,
- Nguyễn văn Tính,
- Hà văn Lao.

Nguyễn Thái Học nhớ cả từng nét mặt, thói hay tật xấu của vài người đã vào sanh ra tử cùng ông trong khi còn bay nhảy bên ngoài, đánh giá thực dân bằng những đòn chớp nhoáng.

Ông không thể quên được nét mặt non nớt, hồn nhiên của Ngọc Tinh ngây thơ với cái tuổi 20 song lòng yêu nước thì sôi sùng sục ít người sánh được.

Với tất cả 12 sanh mạng treo trên sợi chỉ mảnh ấy, chỉ một cái gạt đầu của Nguyễn Thái Học là họ được tháo cũi sổ lồng, rồi chỉ một sớm một

chiều là tất cả hay một phần 13 nhà cách mạng V.N. sẽ có mặt trên đất Trung Hoa, theo đuổi ước vọng ôm ấp bấy lâu nay.

Anh gác khám tử tội, đã tiếp xúc với Nguyễn Thái Học từ sáng hôm 27 khi tất cả 87 nhà cách mạng sắp bị đưa ra xử tại Hội đồng Đền hình. Đây là đợt thứ nhì sau đợt thứ nhất đã bị xử tại Hà Nội. Đợt thứ nhì bị bắt sau, gồm những người có dính líu trực tiếp hay gián tiếp vào vụ khởi nghĩa Yên Bái, bị chuyển từ Hà Nội lên Yên Bái để xử án.

Lúc chưa ra tòa, viên thượng sĩ Bắc Phi đã lân la đến cửa « xà lim » Nguyễn Thái Học mà trò chuyện. Anh ta là một thanh niên mặt mày sáng sủa, chắc là có văn hóa ít nhiều : anh nói chuyện với đảng trưởng Việt Nam Quốc Dân Đảng bằng tiếng Tây lưu loát.

Anh cho ông Học biết rằng anh đọc báo, rất phục hành động của V.N.Q.D.Đ. và các nhà cách mạng Việt Nam đã mưu toan giải phóng quốc gia ; còn xứ Algérie của anh không biết bao giờ ngóc lên được, anh lo đến bị đồng hóa với Pháp mất.

Vì cảm tình với dân tộc Việt Nam mà anh thượng sĩ da đen ấy muốn tổ chức cho Nguyễn Thái Học một cuộc vượt ngục theo kế hoạch như sau :

Anh sẽ chờ đúng giờ chuyển xe lửa Hà Nội – Lào Kay ghé ga Yên Bái, là mở cửa khám tử tội ra, cho Nguyễn Thái Học kéo hết đồng chí ra ga, uy hiếp viên xếp ga rồi nhảy rốc hết lên xe lửa, bắt người tài xế phải mở máy cho xe chạy tới Lào Kay, không còn xa mấy. Tới đây là rập giới Trung Hoa, họ sẽ vượt biên giới và thoát sang lãnh thổ nước láng giềng.

Dù người Pháp ở Hà nội có hay tin mà can thiệp cũng trễ rồi. Huống chi, kế hoạch còn dự bị cho một số đồng chí ở lại chiếm nhà Bưu điện, không cho đánh dây thép về Hà nội. Chờ xe lửa đi xa rồi, những đồng chí còn ở lại mới băng rừng mà thoát thân sau. Anh thượng sĩ xứ Algérie sẽ cùng trốn một lượt với Nguyễn Thái Học.

Kế hoạch trên đây, Nguyễn Thái Học nghe ra hợp lý và có thể thi hành được. Thời gian và không gian không phải là trở lực đáng kể. Lãnh tụ V.N.Q.D.Đ. suy nghĩ và chưa tiện trả lời chấp thuận đề nghị hay không. Ông bảo người bạn da đen để cho ông suy nghĩ kỹ đã. Ông cũng khêu gợi ba điều bốn chuyện để dò xét thâm tâm người đối thoại nhận thấy anh ta không có điều gì khả nghi, gian xảo hết. Anh cũng có vẻ là một thanh niên nhiệt huyết, cùng một tâm trạng với những người có tư tưởng quốc gia sống dưới ách thực dân da trắng.

Nhưng Nguyễn Thái Học còn thận trọng vì ông đã rút được một bài học kinh nghiệm lần trước, khi ông bị bắt hồi tháng hai và bị giam ở Hỏa Lò Hà Nội. Hồi ấy có lần một viên đội Lê dương (người Đức) gác khám cũng lân la nói chuyện với ông. Anh này cũng tỏ lời khâm phục và hỏi Nguyễn Thái Học có muốn viết thư hay nhắn tin ra ngoài anh sẵn lòng giúp.

Muốn thử thách lòng anh, ông Học bằng lòng nhờ anh giúp. Bắt đầu ông đưa cho anh này hai bức thư bỏ phong bì, một gửi cho thủ tướng Pháp, một gửi cho toàn quyền Đông Dương, kể hết tệ đoan trong giới quan lại Việt Pháp. Không biết số phận hai bức thư này ra sao ?

Lần thứ hai, Nguyễn Thái Học gửi hai bài báo để đăng báo Hồng Kông : một bài gửi cho tờ báo Hoa ngữ, một cho tờ báo Anh ngữ. (Sau này những nhân vật V.N.Q.D.Đ. ở ngoài kiểm soát lại thì thấy không tờ báo nào trong hai tờ ấy nhận được bài của Học cả).

Lần thứ ba, viên đội Lê Dương nhận một sứ mạng quan trọng hơn, một sấp thư bốn cái gửi cho bốn đồng chí của ông khuyên họ kiên tâm vì cơ hội sắp đến. Chỉ vài hôm sau, cả bốn người đều vô khám hết. Nhưng Nguyễn Thái Học đâu có khờ khạo đến làm hại cho đồng chí : thật ra bốn « đồng chí » ấy là bốn tên phản đảng lợi hại trong những giờ đầu. Bốn tên ấy đã phải làm vật hy sinh cho cuộc thử lòng dạ viên đội Lê Dương.

Thấy bốn « đồng chí » xô khám ông biết chắc là viên đội kia đã đưa bốn bức thơ của ông cho sở Mật Thám.

Đến lúc bị giam ở Yên Bái, gặp được viên gác khám người Algérie tỏ ý muốn giúp ông thì ông hết sức phân vân.

Không biết anh chàng này có giống anh đội Lê Dương ở Hà Nội không ? Chẳng khác nào con chim một lần bị bắn, cứ thấy cành cây cong là sợ, nên Nguyễn Thái Học hết sức thận trọng, đề phòng.

Sáng hôm Hội đồng Đề hình xử vụ đảng viên cách mạng V.N.Q.D.Đ. tức ngày 27-3-1930 – và chiều hôm sau nữa, chàng thanh niên da đen gác khám lại đến hỏi quyết định của Nguyễn Thái Học nữa nhưng ông Học vẫn còn hện sẽ trả lời sau.

Viên gác khám thở dài nói :

- Còn suy nghĩ đến bao giờ nữa. Hiện giờ đề lao Yên Bái không được canh gác cẩn mật chỉ nay mai xử xong các ông, họ sẽ đưa các ông về Hà Nội là lỡ cơ hội.

Thật thế, nhóm 13 tử tội sau khi bị tuyên án đã bị đưa về Hà Nội, chờ bộ Tư Pháp Ba Lê xét lại hồ sơ rồi sẽ thi hành án lệnh.

Nguyễn Thái Học cũng hiểu rõ thủ tục và biết rằng thì giờ không còn chờ đợi ai. Nhưng ông phân vân không quyết định. Biết đâu đây chẳng phải là một mưu kế của thực dân bày ra, để có cơ hội thanh toán cả 13 tử tội và thực dân e ngại chánh phủ Ba Lê bị áp lực của dư luận báo chí sẽ cho giảm án. Nguyễn Thái Học không thể nào thoát án tử hình, điều ấy dĩ nhiên rồi. Dầu ông chết dưới máy chém của Cai Công hay dưới những viên đạn súng của lính Thực dân đuổi theo khi ông vượt ngục, thì cũng chỉ là một cái chết. Nhưng còn 12 đồng chí của ông cùng án tử hình nhưng có người tội nhẹ hơn, có thể giảm án xuống chung thân khổ sai. Nếu mà họ đều chết dưới viên đạn súng của Thực dân thì ông Học sẽ mang trách nhiệm với lương tâm.

Nguyễn Thái Học suy luận như vậy nên đã không chấp nhận đề nghị của viên gác khám Yên Bái...

Suy đi thì như thế song nghĩ lại thì sao ? Nếu như người gác khám thực tâm muốn cứu mà mình từ chối thì có khác nào mình tự giết mình và giết luôn cả 12 người nữa ; mình bỏ lỡ cơ hội thoát chết. Sinh mạng 12 người phó thác vào một cái gậy đầu của Nguyễn Thái Học.

Sau này về Hà Nội bị giam ở Hỏa lò, Nguyễn Thái Học lặng thinh cả tuần lễ không nói chuyện với các đồng chí bị giam cùng một dãy « xà lim ». Ông bị lương tâm cắn rứt vì thái độ của ông ở Yên Bái chẳng ? Và một hôm ông kể lại câu chuyện bỏ lỡ dịp vượt ngục cho vài bạn nghe như muốn chờ anh em xét xử. Ai cũng tiếc rằng ông quá nặng nề về đạo đức và không phải là người giàu thủ đoạn, có thể nói là thiếu thủ đoạn của con người cách mạng.

Nếu như hôm ấy Nguyễn Thái Học gậy đầu một cái, mà cuộc vượt ngục thành công một phần nào thì các yếu như V.N.Q.D.Đ. cùng đảng trưởng đã hoạt động trên đất Trung Hoa, biết đâu cuộc diện Việt Nam hồi ấy cũng có phần thay đổi, không thì ít ra ngọn lửa chống Pháp cũng còn duy trì được lâu hơn nữa và gây cho thực dân những trận điên đầu.

11. MỘT ĐỒNG CHÍ CỦA KÝ CON « BỊ » PHÁP THƯỜNG HUY CHƯƠNG

Nhà cụ Phán Tường vừa ăn xong cái Tết, bước qua mấy ngày đầu tháng Giêng.

Hôm ấy đã hạ cây nêu rồi thì phải. Hai vợ chồng cụ Phán đã già, cụ ông 56 tuổi. Cụ có hai cô con gái chưa lấy chồng còn ở chung với cha mẹ tại một căn nhà rộng, cất theo lối xưa, mang số 24 phố Hàng Giấy Hà Nội.

Nhà này không có lầu, là một hiệu buôn mắm. Bước chân vào nhà đã nồng lên một mùi mắm, chủ nhân lại là hai ông bà chất phác hiền hậu, trước kia ông đã làm Thông Phán tại một công sở, ai cũng tưởng nhà này làm ăn, buôn bán, cầu an, miễn sao được yên ổn là mừng lắm rồi. Có ai ngờ nhà ấy lại dùng làm trụ sở của Ký Con, lãnh tụ ban ám sát Hà Nội của Việt Nam Quốc Dân Đảng năm 1930.

Và có ai ngờ cụ Phán Tường tức Đào Tiến Tường, sau này ra trước Hội đồng Đề hình với cái tuổi già của cụ. Thì ra cụ Phán là một đồng chí của Nguyễn Thái Học, còn nội tướng của cụ và hai cô con gái đều là đảng viên cùng theo đuổi một chí hướng như chồng và cha.

Hôm ấy Ký Con hẹn với 5 người trong ban ám sát thuộc dưới quyền của anh, đến đây để lãnh công tác mật.

Năm « hạt gạo cội » chớ đâu phải là « tay mơ ». Ký Con điếm lại 5 đồng chí dưới quyền mình lần lượt đã vào nhà bán mắm của cụ Phán Tường.

- Nguyễn Văn Liên,
- Mai Duy Xứng,
- Nguyễn Minh Luân,
- Nguyễn Quang Triệu,

- Nguyễn Bá Tâm.

Năm anh đủ cả rồi. Ký Con bắt đầu phân phối công tác cho mỗi anh. Anh giao cho 5 đồng chí tất cả 16 quả bom và nói rõ mục đích vụ này là gây lên cùng một lúc 16 tiếng nổ lớn ở Hà Thanh để nâng cao tinh thần đồng bào Thủ đô đất Bắc.

Cảnh sát quận nhất : Ta cho nó hai trái.

Cảnh sát quận nhì : hai trái nữa.

Sở Sen đầm : cũng hai trái.

Còn tên Arnoux, tên trùm Mật thám và Cảnh sát Bắc Kỳ, tên Pháp « chó săn của Thực dân » đã thẳng tay bắt bớ các đảng viên của đảng, ta cũng tặng cho nó hai trái, liệng vào nhà riêng của nó, nếu giết được nó càng hay không thì cũng cảnh cáo nó và vợ con nó.

Riêng Hỏa Lò (khám đường Hà Nội) là nơi giam cầm cả ngàn tù nhân chánh trị phần đông là người V.N.Q.D.Đ. thì phải 8 trái mới đủ.

Tuy bình thân và có uy quyền đối với anh em, song Ký Con cũng cho 5 ám sát viên hiểu qua tại sao phải có vụ này thì hành ở ngay giữa trung tâm thành phố.

Năm ấy (1930) cuộc khởi nghĩa Yên Bái, Lâm Thao đã bùng nổ. Đảng của Nguyễn Thái Học đã thất bại và chỉ thu được một kết quả nhỏ là được dư luận thế giới chú ý đến chí quật cường của dân tộc V.N. muốn đứng lên phá dây xiềng xích.

Có thể thôi.

Các tên phản đảng đã làm hư hết kế hoạch ; vũ khí ở thủ đô bị khám phá, các đảng viên lãnh việc đánh Hà Nội bị bắt bớ gần hết : thành ra đại cuộc không thành.

Trước tình thế ấy phải gây ra một xúc động mạnh mẽ ở Hà Thành để thức tỉnh đồng bào nơi đây và gây náo động trong dư luận thế giới. Các tòa

lãnh sự ở Hà Nội sẽ nghe được 16 tiếng nổ và nhận thức rằng lực lượng chống Pháp chưa nao núng, đâu có bị vài thất bại ban đầu.

Tám quả bom ném vào bên ngoài Hỏa Lò có mục đích nâng cao tinh thần các đồng chí đang bị bắt giam và nhắn nhủ họ : « Chúng tôi chưa bại trận ! »

Đúng 8 giờ tối, dân Hà Nội nghe vang dậy những tiếng nổ cùng một lúc có cách nhau chỉ một vài phút thôi.

Trong khi 5 đồng chí đi thi hành sứ mạng thì Ký Con ở nhà cụ Phán Tường, phố Hàng Giấy, chờ kết quả do 5 người này sẽ về báo cáo.

Bốn người đã lần lượt về...

Riêng có anh Nguyễn bá Tâm còn vắng mặt.

Bốn anh trên đều bình an vô sự, trùm Mật thám Arnoux chắc không hề hấn vì hai quả bom không lọt vào nhà nó mà rớt ở phía ngoài hàng rào, gây hai tiếng nổ, cũng đủ làm cho nó kinh hồn, hết vía.

Còn anh Tâm sao chưa về ? Ai cũng thắc mắc cho số phận anh.

Anh là người lãnh trách vụ ném bom vào sở cảnh sát quận nhì. Anh bị bắt rồi chẳng hay gặp tai nạn ? Bị thương hay đã đền nợ nước ?

Tuy mọi người đều lo lắng song bà cụ Phán Tường vẫn tỏ ra người nội tướng giỏi. Cụ vào bếp nấu nước pha trà mời các đồng chí. Dĩa bánh ngọt và mứt còn dư sau ba ngày Tết, cụ đã cho sắp xếp trên mấy cái đĩa, chờ mở « tiệc khao quân » – Vẫn còn nguyên trên bàn. Chỉ vì thiếu anh Tâm.

Nước đã sôi được châm vào bình trà mạn ướp sen, khói lên nghi ngút.

Chờ lúc sau, Ký Con cho lệnh các đồng chí ăn bánh uống nước, để khỏi phụ lòng tốt của chủ nhân.

Song cả năm người đã thủ mỗi người một khẩu súng lục, phòng khi anh Tâm bị bắt không chịu được tra tấn dã man mà khai ra nhà cụ Phán

Tường, thì Ký Con và đồng chí đã có vũ khí mở một đường máu chống bọn mật thám đến bao vây nhà.

Năm phút sau, không thấy tin tức gì, Ký Con cho lệnh anh em giải tán.

Đêm hôm ấy số phận anh Tâm ra sao ?

Anh Tâm đã gặp một tai nạn hi hữu trong lịch sử cách mạng mà cổ kim, đông tây chưa bao giờ có.

Một « tai nạn đầu Xuân ».

Cũng không phải. Mà phải nói là « cái bồng đầu Xuân » mới đúng, vì anh Tâm... được thưởng mề đai của Thực dân.

Thế mới kỳ...

Một ám sát viên đem bom đi ném vào Thực dân mà lại được Thực dân ân thưởng.

Tại sao thế ?

Nguyên là do sự hiểu lầm mà ra.

Anh Tâm đến Sở Cảnh sát Quận nhì, thấy tên « cò » Satiani đang cùng gia đình ăn cơm tối. Phòng ăn, có thể đứng ngoài trông thấy rõ người bên trong, dù cửa kiếng trông ra đường đóng kín.

Tâm ném một trái bom vào : bom nổ làm bể cửa kiếng, văng miếng vào trong.

Đến đây xin ngưng một phút để giải thích về trái bom năm 1930. Tuy gọi là « bom » theo tiếng thông dụng, nhưng nó chỉ nhỏ như trái lựu đạn. Kỹ thuật chế bom lại thô sơ, ấu trĩ, nên công hiệu rất yếu.

Quả bom của anh Tâm chẳng giết được ai, cũng như những bom của 4 đồng chí khác.

Anh Tâm toan bồi thêm một trái thứ nhì nữa thì bỗng có một người đi đường hoảng hốt chạy qua bên cạnh anh, đụng mạnh vào anh làm anh té cái

ạch. Trái bom thứ hai của anh đã rút ngòi, phát nổ, miếng trúng vào bụng anh. Còn người lạ mặt đụng anh thì vô sự đã chạy mất.

Anh Tâm đứng lên chạy theo. Có tiếng chân lính cảnh sát đuổi sau lưng. Anh lạnh trí, ôm bụng la lớn :

« Ông đội xếp ơi, nó chạy đường này, bắt lấy nó. Nó ném bom vào tôi ».

Viên cảnh sát thấy anh Tâm bị thương, máu chảy ở bụng, còn người chạy trước anh đã mất hút.

Máu ở bụng anh Tâm làm cho viên cảnh sát chột dạ, không dám đuổi theo nữa vì biết đâu đuổi theo sẽ lại chẳng ăn một viên đạn bắn trở lại. Tâm được « thầy đội xếp » dìu lên xe đưa vào nhà thương điều trị.

Nhờ mau trí khôn, biết quyền biến, anh Tâm từ một anh có chân trong ban ám sát, đã thành một nạn nhân... của bọn « khủng bố ». Hơn nữa thực dân còn ca tụng anh là « kẻ hiệp sĩ anh hùng dám đuổi theo một tên khủng bố ». Trong bệnh viện anh Tâm được săn sóc châu đáo, rồi sau lành mạnh anh ra về.

Trở trâu hơn nữa là bàn tay của Hóa công đã đưa anh lên một chỗ « vinh dự » mà kẻ bán nước quên nòi đều phải thềm muốn. Phủ Thống sứ cho người đem huy chương vào bệnh viện gắn cho anh Tâm, ngày anh bình phục, ra về.

Điều thứ nhất anh làm khi về tới nhà là đi tìm Ký Con để báo cáo sự việc đã xảy ra.

Hai đồng chí đều cười nôn ruột về « cái bống đầu Xuân » mà anh Tâm « bị » thụ hưởng.¹

12. HAI CHA CON HAI LẦN MỨC

- Á ! Mày lại đem những cái « cặn bã văn minh » ấy ra mà tính thuyết phục tao ? Mở miệng ra là Rousseau với Montesquieu, chỉ những lý thuyết suông chớ không nhìn vào đời thực tế. Cho mày đi Tây học được cái bằng cử nhân luật, những mong về nước làm nên danh phận, rạng rỡ tông đường, chớ đâu phải để mày nhồi sọ bằng những tư tưởng quá khích có ngày đi theo bọn « làm loạn » vào tù sớm !

Đó là những câu mắng nhiếc rất thông thường mà gia nhân nhà Tổng đốc Vi văn Định được nghe mỗi cuối tuần tại tư dinh của viên Tổng đốc tỉnh Thái Bình. Những lời nghiêm huấn của cha dạy con : một thanh niên còn hăng hái, cậu Vi văn Lê, con trai của Vi văn Định.

Vào khoảng 1929-1930.

Đất Bắc đang sôi động với phong trào khởi nghĩa chống Pháp. Các hội kín bị tan vỡ, những tay sai của thực dân như cỡ Vi văn Định trong giới quan trường, thi đua đàn áp các phần tử chống Pháp. Họ cúc cung tận tụy với « quan thầy » và không bỏ cơ hội nào tỏ tình khuyển mã với « Mẫu quốc ». Thậm chí họ muốn un đúc con cái theo đúng cái khuôn mẫu trung thành của họ nữa. Tổng đốc Vi văn Định muốn cậu con trai của y sẽ thành một vị « quan lớn » cũng như mình để vinh thân phì gia hơn mình gấp bội : Con hơn cha là nhà có phúc mà !

Nhưng cậu cử Lê sau mấy năm ăn học ở Pháp, tiêm nhiễm những tư tưởng dân chủ, dân quyền, đâu có chịu uốn nắn thân mình trong khuôn mẫu của phụ thân, một tên « sâu dân một nước » đã lừng tiếng về lối tra tấn dã man bằng một cái chày sắt.

Đáp lại lời mắng nhiếc của cha, cậu cử Lê thẳng thắn nói rõ ý nghĩ của mình :

- Con xin cha suy xét lại. Dư luận đã ám chỉ đến cái chày sắt mà cha dùng để tra tấn các nhà cách mạng. Họ không dám nói huých toẹt ra, nhưng một tờ báo đã dùng mách lới đăng bài thơ vịnh « Cái chày » bên cạnh chân dung của cha đó.

- À ! Tờ báo xỏ lá ấy à ! Tao đã viết thơ cho quan Thống sứ đóng cửa nó. Rồi mày sẽ xem !

Vừa lúc này, một anh lính lệ đưa vào 1 công văn « hỏa tốc » của viên công sứ tỉnh Thái Bình (tỉnh trưởng Pháp). Vi văn Định cầm lấy đọc xong, tươi cười hớn hỡ, trao cho con xem :

- Mày thấy không ? Tao nói sai đâu. Tờ báo xỏ lá ấy, tờ « Đông Tây » đã bị rút giấy phép. Để xem còn thằng nhà báo nào dám động đến chân lông tao nữa.

- Nhưng còn dư luận ngấm ngấm, xin cha đừng coi rẻ.

- Tao sẽ diệt hết những đứa nào chống tao và chống « chính phủ bảo hộ » ; thuyết dân chủ, dân quyền của mày có mạnh bằng thần công, đại bác của nước Pháp không ?

Vi văn Lê lắc đầu, thở dài, không đàm luận nữa. Cậu tính quay ra, về phòng riêng của cậu để nằm suy nghĩ. Nhưng cậu bị cha kêu giật lại :

- Mày hãy ở đây, tao cho xem một biện pháp mạnh của tao để đối phó với quân nổi loạn.

Nói rồi Vi văn Định nhận chuông. Một người cộng sự tâm phúc của y chạy vào khúm núm nói :

- Dạ, bẩm cụ lớn gọi con.

- Kêu thằng mới bị bắt sáng nay lên đây. Dùng lối « Sư tử hí cầu » nó sẽ phải khai hết.

Vi văn Định hất hàm ra lệnh như vậy.

Vi văn Lê thở dài nói nhỏ :

- Chầy sắt chưa đủ, còn « Sư tử hí cầu » nữa. Trò gì đây ?

Lúc ấy một thanh niên tiều tụy được dẫn lên, để đứng ở ngoài sân rộng, trước văn phòng của Tổng đốc họ Vi. Mặt mày sưng húp, quần áo rách bươm, đủ cho thấy thanh niên đã bị tra tấn nhiều lần. Viên đề lại hỏi chàng :

- Mày đã khai thật chưa ? Hay còn cố giấu ?

- Dạ, oan con lắm.

- Thôi được ! Tao cho chó « bęc giê » nó phanh thây mày ra trăm mảnh.

Viên đề lại ra hiệu cho một lính lệ. Tức thì hai con chó lớn gần bằng hai con bò con được mở cũi chạy xông ra, vồ lấy con mồi là chàng thanh niên bị tra vấn. Chàng hết hồn, té xuống dưới sức mạnh của hai con vật, chàng tưởng bị « phanh thây ra trăm mảnh » như lời viên đề lại vừa nói. Kẻ nào mới thấy cảnh tượng ấy cũng phải lo cho số phận chàng. Nhưng hai con « bęc-giê » gời mua từ Pháp qua, đã được huấn luyện thuần thục : Chúng chỉ làm cho chàng thanh niên hồn vía lên mây, mà không cắn ; chúng « quần thảo » chàng một hồi, tung lên đê xuống, thật như món võ « Sư tử hí cầu » của các nhà nghề võ thuật.

Viên đề lại kêu hai con chó tới gần y, chờ chàng thanh niên hoàn hồn rồi hỏi tiếp :

- Mày khai chưa, hay để tao ra lệnh cho chó ăn thịt mày ?

- Oan con lắm !

Vi văn Định truyền lệnh cho viên đề lại :

- Hãy giam nó vào ngục cho nó còn có thì giờ suy nghĩ.

Vi văn Lê nói thẳng với cha :

- Cha muốn bắt chước Néron thời xưa cho cọp ăn thịt tội nhân chắc ! Néron còn để tiếng với sử sách muôn đời.

- Màỵ câỵ miệng đi. Hết Rousseau lại đến Néron ! Màỵ hãy đi cho khuất mắt tao.

Vi văn Lê buồn bã, cúi đầu, lững thững về phòng riêng của mình trong dinh Tổng đốc.

Chàng nghĩ đến cha mình và mình ở hẳn hai lần mức : cha thì hại dân hại nước ; mình thì mong muốn đem khả năng ra giúp ích cho đồng bào. Nhưng khó đi đến chỗ dung hòa được.

Từ ngày giựt được mảnh bằng Cử nhân luật ở bên Pháp trở về, chàng quyết không nghe lời cha đi làm tri huyện để nhờ thế lực của cha mà bước những bước dài trên hoạn lộ. Chàng mở một phòng tư vấn pháp luật để chỉ dẫn cho người có việc lui tới tòa án.

Mỗi tuần, chàng từ Hà Nội về Thái Bình thăm cha vào chiều thứ bảy. Mỗi lần là mỗi có cuộc tranh luận và bất đồng ý kiến giữa hai cha con. « Hồ phụ sao không sinh hổ tử mà lại sinh ra khuyến tử như màỵ ? « Vi văn Định vẫn vỗ bàn la lớn.

Vi văn Lê buồn lắm, nhất là chàng thường đi tiếp xúc với dân chúng nghe được những dư luận không tốt đối với phụ thân.

Một đêm chàng suy nghĩ thế nào mà lại nảy ra một sáng kiến : giải thoát cho những nhà cách mạng lớn tuổi đang bị giam giữ trong ngục thất ; các ông ấy chịu sao nổi trò « Sư tử Hí Cầu ».

Đêm ấy chàng đến trước cửa trại giam, bảo tên lính gác mở cửa cho chàng vào. Với con trai của quan Tổng đốc, ai còn dám nghi ngờ gì nữa. Anh lính cũng tưởng chừng « lệnh lang » của cụ lớn vào ngục để tra vấn một tội nhân,

Thừa lúc lính gác không để ý, Vi Văn Lê nhìn thấy một chỗ trống ở trên một phòng giam cá nhân, có thể thông ra đường. Chàng bèn hối thúc anh tù nhân ở đây leo lên lưng chàng, bước lên vai chàng như bậc thang, rồi trốn thoát ra ngoài phố.

Có tiếng động, chàng phải ra về.

Sáng hôm sau, Vi Văn Định kêu đến tù nhân phòng này lên hỏi cung mới hay con mình đã « tháo cũi xổ lồng »... Lại nhằm vào một yếu nhân cách mạng mà y định khai thác. Y tức bầm gan.

Y kêu con lên văn phòng, mắng nhiếc si và một hồi, thiếu điều muốn đánh cho chàng một trận mới hả giận.

Hôm sau người cha sắt đá quyết đầy con trai lên mạn ngược (vùng thượng du). Trước kia, họ Vi làm tri châu ở Sơn La, biết nơi đây đèo heo hút gió, bắt con lên đây ở thì hết còn có tư tưởng dân chủ, dân quyền, hết còn binh vực bọn « nổi loạn ».

Vi Văn Lê đầu đã đi du học ngoại quốc về nhưng còn thăm nhuần chút nho giáo, vẫn còn thần phục uy quyền của cha. Chàng cam chịu cái án đi đày, mong chẳng đến đổi phải chung thân. Vì chàng nghĩ hổ dữ cũng không đến ăn thịt con ; chẳng bao lâu chàng sẽ được cha ân xá mà trở về Hà nội.

Ngày tháng trôi qua... Vi Văn Lê cỡi ngựa đi giải trí trên thung lũng trong khung cảnh âm u của thiên nhiên, chung quanh chỉ có đất với trời. Tánh hăng hái không chịu nổi sự giam hãm trong cô độc, chàng thường phóng ngựa chạy từ đồi nọ sang đồi kia, để tiết bớt sinh lực nóng hổi ra ngoài.

Rồi một hôm, con ngựa cũng hăng sức phóng nước lớn, hụp chân quăng chàng thanh niên xuống vực thẳm. Chàng đau quá, lịm đi, không có ai đến cứu, mặc dầu con ngựa hí vang động bốn phía. Tiếng gió rì rào với cành cây phủ lên tạo vật một màu đen tối. Trời thăm đất sâu tiễn đưa một

linh hồn thanh niên khẳng khái về bên kia thế giới sau hai tháng bị đẩy trên
mạn ngược.

Tiếng gió như còn gọi lên ba tiếng :

Vi vãn Lê ! Vi vãn Lê.

13. NGUYỄN VĂN SÂM : CHỦ BÁO, KHÂM SAI, LÃNH TỰ CHÁNH TRỊ, ĐI XE BUÝT, ĐỂ BỊ ÁM SÁT

Trong các ký giả, một vị đàn anh để lại mãi hình ảnh trong ký ức nhiều người trong hay ngoài làng : đó là ông Nguyễn Văn Sâm, Hội trưởng hội *Ajac*, chủ nhiệm báo *Đuốc Nhà Nam*.

Làm chủ báo mà lại là tờ báo đối lập với chánh quyền thực dân lúc thực dân toàn thịnh, nên ông Sâm rất nghèo, tòa báo thiếu cả 12 tháng tiền phở.

Tốt nghiệp trường Cao-đẳng Công-chánh, nếu ông đi làm việc « nhà nước » thì cũng lên đến địa vị cao sang ở « sở Trường tiền » đâu có đến đổi. Song ông lại không ham cái nghề công chức cao cấp, ông dấn thân vào cái nghề bạc bẽo : nghề viết báo.

Tánh trầm tĩnh, ôn hòa, ông được đồng nghiệp đưa lên địa vị điều khiển hội *Ajac*, một hội tương tế của làng báo Nam Kỳ. Hội Pháp thuộc không có tự do nghiệp đoàn, các người làm cùng nghề chỉ được phép lập hội tương tế hay ái hữu mà trong điều lệ phải ghi rõ : « Tất cả các cuộc thảo luận chánh trị hay tôn giáo đều cấm ngặt. » Điều lệ cũng như tên hội phải thảo bằng tiếng Pháp, dùng làm văn kiện căn cứ, còn bốn dịch ra tiếng Việt chỉ là bốn phụ. *Ajac* là bốn mẫu tự trong cái tên mà các hội viên sáng lập đã đặt cho hội : Association des Journalistes Annamites de Cochinchine.

Tuy ghét hội này không chịu an phận thủ thường như các hội « ăn nhậu » khác, nhà cầm quyền chưa dám bóp chết *Ajac* vì còn sợ thất nhân tâm.

Năm 1969, có phong trào đàn áp báo chí, hội *Ajac* bị giải tán luôn, với cớ là « hội đã làm chánh trị, trái với điều lệ của hội ». Năm đó Pháp lâm vào cuộc chiến tranh với Đức. *Ajac* bị giải tán, ông hội trưởng của nó còn bị

đưa đi an trí tại Sóc trăng, sanh quán của ông. Lý do thực sự khiến Thống đốc Nam kỳ ghét ông Nguyễn Văn Sâm là vì ông đối lập với chánh quyền, đả kích mãnh liệt ông Bùi Quang Chiêu, ứng cử viên do Thống đốc bảo trợ trong cuộc bầu cử đại biểu Nam Kỳ vào Thượng Hội-đồng Thuộc địa.

Khi Nhựt đảo chánh Pháp, ông Nguyễn Văn Sâm mới được rời Sóc trăng về Saigon hoạt động trở lại. Ông hợp tác với ông Hồ Văn Ngà, xuất bản tờ báo *Hưng Việt*, lập một chánh đảng để phụng sự lý tưởng của ông.

Năm 1945, Chánh phủ Trần Trọng Kim cử ông làm Khâm sai Nam Việt và mời ông ra Huế để lãnh Chiếu tấn phong. Nhưng Nam kỳ đang bị Nhựt giữ nguyên trạng trong chế độ cũ, cuộc điều đình giữa Chánh phủ Việt Nam cùng nhà cầm quyền quân sự Nhựt ở Đông dương, kéo dài cả 5 tháng mới kết thúc. Ông Sâm phải chờ đợi rất lâu ở Huế ; khi Nhựt chịu giao trả thuộc địa cũ của Pháp cho Việt Nam, thì Việt Minh đã bắt đầu cướp chánh quyền ở Nam kỳ trong khi ông Khâm Sai mới từ Huế trở vào Saigon ít ngày.

Về đoạn sử bi đát này, chúng tôi xin mượn lời của ký giả Nam Đình, vì ông này đã từng sống bên ông Sâm ở Huế, với tư cách Đồng lý Văn phòng bộ Tư pháp. Ông Nam Đình thuật ngày trở về như sau này trong cuốn « *Hồi Ký* » của ông :

« Chánh phủ Trần Trọng Kim giao cho Khâm sai một chiếc xe Ford số P.I (Palais Impérial) và một số phơ phản động, mới là nguy !

« Tôi không biết có phải Việt Minh sắp đặt như thế hay không, mà xe hơi vừa ra khỏi Huế là... suýt chút nữa đâm đầu xuống hố, nếu tôi không lẹ tay kéo tay bánh lại kịp.

« Không phải tôi lãnh sứ mạng của bộ Tư Pháp đưa Khâm sai Nguyễn Văn Sâm về Saigon : tôi đi với tư cách riêng, không dính líu gì với Khâm sai.

« Thoát chết lần đầu, Nguyễn Văn Sâm cũng không để ý... Đến lần thứ nhì, chiếc xe hơi sụp vào bãi cát lớn. Thế là chiếc xe nằm ì ở đó...

« Sộp phơ phá hoại, rồi đến Việt Minh ở Quảng Ngãi đốn 10 cây số cây trồng 2 bên đường. Thế là chiếc xe Ford không thể tiến hành một cây số nào nữa.

« Nguyễn Văn Sâm phải trở về Đà Nẵng, đánh điện về Huế, kêu cứu với Chánh phủ Trần Trọng Kim rằng : Đường về Nam thấy còn nhiều trở ngại. Nếu có được máy bay mà Nhật chịu cho mượn mới mong về Saigon đúng ngày giờ đã định, bằng không chưa biết ngày nào về tới Saigon.

« Thủ tướng Trần Trọng Kim hỏi quân đội Nhật và được biết : Đã đình chiến rồi. Đồng minh ra lệnh không cho máy bay cất cánh.

« Bây giờ làm sao đưa Khâm sai về Nam bộ ? Quân đội Nhật cho 20 cam hông lính đẹp hàng ngàn cây năm ngón ngang trên đường Quảng Ngãi vào Nam...

« Ra tới Tam-kỳ, chúng tôi ghé lại Phủ đường, nhờ dây thép đánh về Huế. Nguyễn Văn Sâm sợ Việt Minh ở Saigon làm hỗn, cướp chánh quyền, nên đánh điện về Thủ-tướng Trần Trọng Kim xin ký sắc lệnh bổ nhiệm Hồ Văn Ngà – có mặt tại Saigon – tạm giữ chức Khâm sai Nam-bộ. Rồi Khâm sai sẽ về sau...

« Gần tới Khánh Hòa, quang cảnh thấy khác thường : dân tình êm lặng như sợ sệt một việc gì... Xe hơi mang cờ Quê Ly vào trung tâm Khánh Hòa, tức thì bị Dân Quân Cách Mạng nhảy lên xe, xé cờ Quê Ly và bắt trọn xe đưa về Công an. Thế là rõ rệt : Khánh Hòa vừa bị cướp chánh quyền 6 giờ chiều hôm qua.

« Họ bắt Nguyễn Văn Sâm giam giữ một nơi. Tôi và Diệp Ba bị giam giữ một nơi khác.

(Một đoạn dài của ông Nam Đình không liên hệ đến ông Nguyễn Văn Sâm, xin lược bỏ).

« Một đêm sống trong kinh khủng...

« Nhưng sáng lại, lính gác rút dần dần, làm cho mình nhẹ lo phần nào. Vào độ 10 giờ, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân Cách mạng ôm cặp đến trại lính cho tôi hay :

- Anh cùng về với ông Khâm sai.

« Đang lúc còn ngỡ ngẩn, kể thấy xe hơi đưa Nguyễn văn Sâm tới. Chúng tôi cùng lên xe. Xe của ông chủ tịch Ủy ban Nhân dân Cách mạng – xe « trắc xông » có cờ đỏ sao vàng – mở đường đi trước và nói :

- Chúng tôi đưa các anh ra khỏi biên giới.

...« Đường về Nam bộ, xe Khâm sai vượt qua khỏi ranh Phan Thiết là gặp những khải hoàn môn dựng trước công sở, đón tiếp nồng hậu...²

« Ông Tỉnh trưởng Phan thiết đã đánh điện tín về các tỉnh, quận, mà Khâm sai sẽ đi qua, trên quốc lộ số 1, nên đâu đâu đều chuẩn bị cuộc tiếp rước...

« Xe chưa vào châu thành Biên Hòa, là gặp một chiếc xe hơi trắc xông có cắm cờ, đón giữa đường, ở một nơi vắng vẻ...

- À ! Anh Huỳnh Văn Phương... Diệp Ba la lên.

« Ông Huỳnh Văn Phương lãnh chức Tổng giám đốc Công an, lên đây trước, đón ông Nguyễn Văn Sâm đặt hỏi tin tức...

« Xe của Huỳnh Văn Phương mang cờ công an, chạy trước mở đường.

« Rồi Thủ Đức, Gia định, Saigon. Dân chúng đứng chật hai bên đường, từ Đất Hộ (Đakao) về tới đường Lagrandière (Gia Long) dinh thống đốc là nơi còn Minoda.³

« Xe Huỳnh Văn Phương ngừng ở Đất Hộ, để một mình xe ông Khâm sai vào Saigon, đặt cuộc tiếp rước không lầm lẫn... »

Khi không ngồi ghế Khâm sai nữa, ông Nguyễn Văn Sâm trở về với nghề làm báo. Ông cố gắng quy tụ các phần tử quốc gia chân chánh, tìm một giải pháp quốc gia cho cuộc chiến tranh Việt Pháp.

Tuy là một yếu nhân trên chánh trường, ông vẫn sống thanh bạch, bình thường. Đi đâu ông ít mượn xe hơi của anh em, mà lại hay đi xe buýt. Ông không có xe riêng.

Rồi một hôm trên chiếc xe buýt Saigon-Chợ lớn, chạy tới trạm đường Cây Mai, ngừng lại. Máy tiếng súng lục nổ chát chúa : bọn khủng bố đã hạ sát ông Nguyễn Văn Sâm trên xe.

Năm ấy là năm 1948.

Một ngày trời thắm, đất sâu.

Nghe tin này, ai cũng sững sốt, bồi hồi. Một chiến sĩ của báo giới, của chính trường, suốt đời trong trắng, chỉ biết tranh đấu cho lý tưởng, vừa ngã gục dưới những hòn đạn bạo tàn.

Về kẻ viết bài này lại nhớ đến mấy câu thơ cũ của Phan Bội Châu :

Hỡi người ái quốc !

Xin ái thực thà :

Quên mình quên nhà,

Chỉ biết có Nước.

Tôi bùi ngùi nhớ lại nhà ái quốc Nguyễn Văn Sâm.

14. THI SĨ VIỆT CHÂU « TẠM GÁC THI VĂN KHOÁC CHIẾN BÀO »

Trong giới Phật giáo Hòa Hảo ai là không biết thi sĩ Việt Châu, một nhà thơ trẻ tuổi mà danh tánh một thời đã vang dội ở miền Tây, với chức bí thư của Đức Huỳnh giáo chủ.

Người ta nhớ đến Việt Châu cũng như nhớ đến Đức « Thầy ». Một sự tình cờ của Định Mạng đã đưa Việt Châu tới gần vị Giáo chủ để mà thành bí thư tín cẩn của « Thầy » đi theo sát « Thầy » như bóng theo người, cùng chung là việc nước trong những giờ phút nghiêm trọng của miền Nam năm 1945.

Lúc sanh thời, Huỳnh giáo Chủ rất tâm đắc với Việt Châu. Những khi đi thăm tín đồ ở Cần Thơ, Long Xuyên. Người đều kêu viên bí thư đi theo và trên đường trường nắng gắt, thầy trò xướng họa với nhau, xuất khẩu thành thi, thật là tương đắc. Hai thầy trò xuất khẩu những vần thơ thanh tao, hùng tráng, mô tả cảnh đẹp của miền quê đất nước ; hai thầy trò cùng rung cảm trước cảnh gấm vóc của non sông.

Bây giờ thi sĩ Việt Châu không còn nữa.

Đời của nhà thơ trẻ tuổi ấy ra sao chúng ta cũng cần biết rõ.

Năm 1942, tuần báo « *Tiểu thuyết Thứ Bảy* » ở Hà Nội đăng một bài trường thi với nhan đề « *Lông Ngỗng Gieo Tình* » ký bút hiệu Việt Châu. Đây là một truyện lịch sử bằng thơ, nói lên mối tình đau thương của My Châu Trọng Thủy.

« *Lông Ngỗng Gieo Tình* » đã làm cho văn giới từ Bắc vào Nam hỏi nhau : « Việt Châu là ai ? » Bài thơ dài ấy thật là tiếng kêu bi đát, nói lên cái hại của ái tình mù quáng, nhấn nhủ thanh niên chớ có sa ngã vào cạm

bấy trên tình trường. Nhà bình phẩm văn học Vũ Ngọc Phan đã không tiếc lời ca tụng, khi bài trường thi ấy được xuất bản thành sách.

Đối với Trung, Bắc, nhiều người chưa biết Việt Châu, thì tác phẩm này đã giới thiệu một tài hoa trẻ tuổi với hai địa phương ấy.

Nhưng độc giả trong Nam đọc thơ Việt Châu thì tác phẩm này đã giới thiệu một tài hoa trẻ tuổi với hai địa phương ấy.

Nhưng độc giả trong Nam đọc thơ Việt Châu từ lâu rồi, từ khi còn tờ báo « Lục Tinh Tân Văn » của ông Nguyễn văn Cửa.

Sanh ngày 7 tháng 3 năm 1918, Việt Châu tên thật là Nguyễn Xuân Thiếp, con một gia đình nho phong làng Tân Thạnh, tỉnh Long Xuyên. Thân phụ là cụ Phương Sơn, một nhân vật của phong trào « Đông Kinh Nghĩa Thục ».

Nguyễn xuân Thiếp là con thứ ba của cụ.

Thông minh khác thường từ thuở nhỏ, 5 tuổi đã đọc rành quốc ngữ, 7 tuổi thuộc lòng nhiều thơ văn cổ điển. Nguyễn xuân Thiếp đi học trường làng, tánh tình rất dạn dĩ tự nhiên. Bởi vậy năm lên 9 tuổi, cậu học trò ấy đã đọc một bài chúc từ trước mặt đông đủ các nhân vật quyền chức sở tại nhân dịp lễ phát phần thưởng.

Theo nền nếp nho phong, cụ thân sinh bắt Thiếp học thêm chữ Hán ; do đó mà lớn lên Thiếp có dịp làm y sĩ, đem y đạo ra cứu thế độ nhân.

Mười tuổi đã làm thơ bát cú, tứ tuyệt, nhà thơ tí hon ấy lắm khi thi hứng dồi dào, xuất khẩu thành thi mà lại là thơ có niêm, luật đàng hoàng. Cái mới khó, mới lạ. Ai cũng khen là một thiên tài. Năm 1928-1929 đâu có các thi, văn đoàn, bút nhóm nhiều như ngày nay, có đâu những tài hoa bộc phát được đưa ra ánh sáng dư luận.

Nhưng không bao lâu, mới 16 tuổi, Nguyễn Xuân Thiếp đã có duyên văn trên báo chí, bước vào làng thơ với bút hiệu Việt Châu : Tờ « Lục Tinh

Tân Văn » dưới bút quyền của cụ Nguyễn chánh Sắt đã mở một « Phụ trương Văn Chương » giao cho Việt Châu phụ trách. (Hồi ấy chưa có danh từ Văn Nghệ).

Trên văn đàn của tờ báo, Việt Châu quy tụ một số bạn trẻ thành một nhóm lấy tên là « Văn Đàn Đốc Vang Thượng » theo địa danh của làng anh. Các bạn trẻ ngày nay đua nhau lập thi văn đoàn, bút nhóm này nọ, có ai nhớ đến thi sĩ Việt Châu hồi 16 tuổi, năm 1934 đã có sáng kiến đầu tiên lập một « văn đàn » cho tuổi trẻ trau dồi văn nghệ ?

Sau « Lục Tỉnh Tân Văn » Việt Châu viết bài cho mấy tờ báo khác ở Saigon như tuần báo « Mai » của Đào Trinh Nhất, trong đó Việt Châu giữ mục « Trường thơ ». Tuần báo « Văn Chương » có mục « Trường Văn Trại Bút » giao cho Việt Châu phụ trách.

Dưới thời Pháp thuộc, Việt Châu gom thơ thành mấy tập sau đây đem xuất bản

- Xuân Xanh (1933-1935)
- Tình Thơ (1938-1942)
- Lòng Ngổng Gieo Tình (1942)
- Hải Đường Hoa Rụng (1943) : một tập trường thi tả mối tình Đường Minh Hoàng với Dương quý Phi.
- Tráng sĩ ca (1944) gồm những thơ hùng tráng.

Sau tập này, độc giả đã ví Việt Châu trong Nam với các thi sĩ đang nổi danh ngoài Bắc. Trong báo « MAI » Đào trinh Nhất đã phê bình như sau :

« Người lục tỉnh đầu tiên có thể chiếm một địa vị ngang hàng với mấy thi sĩ tài danh bậc nhất của chúng ta hiện thời là Việt Châu ».

Muốn thấy rõ tài hoa của nhà thơ trẻ tuổi, chúng ta hãy đọc lại bài thơ tình cảm nhan đề « Bến Lãng Tô » của ông :

Nắng nhạt, sương về trên bến nước,
Những hồn du tử thả lên sương.
Những hồn du tử băng khuâng nhớ :
Tình ái vô duyên để đoạn trường.
Tôi biết khi cầu sương ngã bóng,
Bao lòng thơ mộng ngả trong mơ.
Nỗi niềm u ẩn lan sóng nước,
Tình ai trôi xuôi chẳng đợi chờ.
Viễn ảnh thuyền tình mơ ảo quá,
Mong gì nữa, hỡi khách sang sông
Chiều nay sông đẹp, sông tươi thế
Mà khách sang sông chạnh nào nùng
Thuyền tình hờ hững xa xôi lướt
In bóng lên sương, bóng hững hờ
Thuyền hời thấu chẳng nông nỗi khách ?
...Buồn nghe gió cuốn bến Lăng Tô

Thơ Việt Châu phảng phất cái buồn nhẹ nhẹ của Thế Lữ, và mối tình man mác của Huy Thông.

Nhưng Thế chiến thứ II bùng nổ, giang sơn đất nước Việt Nam cũng không tránh khỏi cảnh tang thương. Việt Châu tỏ niềm cảm khái trong bài thơ sau đây :

Long trời lở đất sủng thần công,
Lưng ngựa thanh gươm, chí vẫy vùng
Hơi độc mờ bay, thây chất núi,
Tiếng bom vang nổ, máu hòa sông
Dũng, Trung, hai tiếng như kêu gọi
Thê, Tử : thường tình hết nhớ nhung
Chiến sĩ khi nhìn gươm đẫm máu

Mim cười : song chữa nợ tang bồng ?

Biết qua cuộc đời của nhà thơ, bây giờ chúng ta tìm hiểu cuộc đời nhà cách mạng của Việt Châu.

Ngoài 20, tuổi Việt Châu lập gia đình với một thiếu nữ, con một hương chức làng Hòa An (Cao Lãnh).

Tuy đã có cái vốn nho học vững vàng, Việt Châu không bo bo trong những tư tưởng « Khổng Tử viết » mà còn muốn nhìn rộng thấy xa nên trau dồi Pháp văn và say mê thi văn Pháp. Ông cũng không chịu sống theo nếp sống ủy mị của đa số thi nhân thế hệ. Ông chủ trương rằng dầu có là một văn nghệ sĩ đi nữa, sức khỏe cũng rất cần thiết trong thời đại mạnh được yếu thua này. Việt Châu quyết tâm học võ, luyện tập môn quyền thuật.

Đến khi thế lực Pháp sắp suy tàn, năm 1944-1945, Việt Châu thành một thanh niên văn võ song toàn, chờ lúc phải đem bầu máu nóng của cái tuổi 27 xuân xanh ra phục vụ đồng bào, tổ quốc.

Việt Châu với thân hình vững chắc da trắng miêng rộng, giọng nói đồng dục phải « tạm gác thi văn khoác chiến bào » từ đây – (theo lời của thi sĩ.)

Ông đã gặp được Đức Huỳnh giáo chủ và coi như là một minh chủ. Ông cũng được Người tín nhiệm, nhận làm bí thư. Gần gũi với vị lãnh đạo tinh thần trên 1 triệu tín đồ miền Tây, ông đã có nhiều ý kiến sáng suốt khi tham gia các việc quyết định của Giáo chủ.

Tháng Ba năm 1945, Nhật đảo chánh Pháp. Tại vườn Ông Thượng Saigon (sân Tao Đàn bây giờ) có một cuộc biểu tình của các đoàn thể mừng nền « độc lập » đã thâm hồi. Các tổ chức lần lượt lên diễn đàn. Trong khi ấy Việt Châu lo cái nạn « dịch chủ tái nô » yêu cầu Đức Huỳnh Phú Sổ cho lĩnh tín đồ Phật Giáo Hòa Hòa hãy dè dặt, theo dõi thời cuộc, chớ vội a dua.

Quân đội Nhật bắt đầu nghi ngờ Phật Giáo Hòa Hảo song chưa dám động đến một khối người tín ngưỡng đông đến trên một triệu.

Tháng 8 năm 1945 Việt Châu được Đức Huỳnh Giáo chủ phái ra Hà Nội điều tra, xem xét tình hình.

Khi trở về Saigon, ông phúc trình tất cả thực trạng.

Ngày mùng 2 tháng 9 năm 1945, Việt Châu bị Việt Cộng đem xử tử tại sân vận động Cần thơ và vu cáo cho ông theo Pháp chỉ vì ông quyết không mù quáng và giữ vững lập trường quốc gia.

15. CẬU HỌC SINH « CHIÊU HỒN NƯỚC » TRƯỚC MẮT THỰC DÂN

Trường Bưởi năm ấy thật là nhiều chuyện. Hết để tang cụ Phan châu Trinh, lại đến đi đưa đám cụ Cử Can, cả hai việc đều được học sinh trường này hăng hái tham gia.

Tên Tổng giám thị mũi lõ, tên thực dân hạng nặng ở trường Bưởi, đã được lệnh của Hiệu trưởng, bảo coi chừng, theo dõi những học sinh, ngăn cản mọi cuộc lễ truy điệu nhà cách mạng họ Phan mới tạ thế ở Saigon. Vì đã có nhiều trường trung học từ Nam tới Trung, Bắc, kế tiếp nhau tổ chức những cuộc lễ để tưởng nhớ nhà ái quốc đáng kính, thần tượng của thanh thiếu niên còn giữ được truyền thống dân tộc.

Tổng giám thị trường Bưởi cảm tức lắm khi thấy các học sinh đến trường với cái băng đen đeo ở cánh tay : các anh em để tang cụ Phan Châu Trinh đấy, khác gì khiêu khích bọn thực dân trong trường, từ Hiệu trưởng đến phó Hiệu trưởng, Tổng giám thị. Vậy mà chúng khôn ngoan không dám làm gì học sinh vì không muốn gây ra lộn chuyện. Mặc dù thái độ ấy, chúng cũng phải khổ tâm mệt trí với một lễ truy điệu do học sinh tổ chức.

Năm ấy là 1926.

Qua năm sau lại có một cơ hội nữa cho thực dân nhận định bầu máu nóng của thanh thiếu niên Việt Nam : cụ Lương Văn Can tức cụ Cử Can, Hiệu trưởng cũ của Đông Kinh Nghĩa Thục, từ trần ở Hà nội ; sinh viên trường Cao Đẳng (hồi ấy chưa thành Đại học) và học sinh trường Bưởi nghỉ học, đi đưa đám rất đông.

Cái trường Bưởi dịu hiền mọi ngày đón ngọn gió mát mẻ của hồ Tây, hồ Trúc Bạch thối qua nay bước vào một giai đoạn sôi động, hòa nhịp tiếng

nói dân tộc vào bản nhạc ái quốc mà thanh thiếu niên toàn quốc bắt đầu cử lên vang động từ Nam ra Bắc.

Trường Bưởi mà thực dân Pháp đã đặt cho cái tên là Trường Trung học Bảo Hộ (Collège du Protectorat) để nhấn mạnh vào ý chí của chúng muốn « bảo hộ » muôn năm nhân dân đất Bắc, – trong hai năm 1926-1927 trường Bưởi không còn muốn bị « bảo hộ » nữa và đã manh nha một lý tưởng gỡ dây xiềng xích cho đồng bào.

Trong số thanh niên hăng hái mó tay gây lên phong trào ấy có Phạm Tất Đắc, một thư sinh chưa đủ 18 tuổi, học năm thứ tư ngang với lớp đệ tứ trung học ngày nay.

Truy điệu cụ Phan Châu Trinh

Đưa đám tang cụ Lương Ngọc Can.

Sau hai trái bom ấy, Phạm Tất Đắc lại tung ra một trái bom nổ chậm : trái bom « Chiêu Hồn Nước ».

Trong không khí đã hơi lắng dịu của Hà thành một buổi sáng ngày kia, thanh thiếu niên kháo nhau : « Anh đã đọc CHIÊU HỒN NƯỚC chưa » Rồi hết người nọ đến người kia kéo nhau đến nhà in Thanh Niên ở phố Hàng Bông để mua cuốn sách mới in ra, mua mau vì sợ hết mất. Họ đọc say sưa thích thú như học sinh đọc « chường » hay đọc những tiểu thuyết đời trụy của những cây bút bán dâm hôm nay.

Một cuốn thơ mỏng, vồn vẹn chưa đầy 50 trang, với tên tác giả : Phạm Tất Đắc.

Phạm Tất Đắc nào đây ? Anh em học sinh trường Bưởi nở một nụ cười hân hoan : « Còn thằng Đắc nào nữa ? Thằng Đắc học năm thứ tư trường chúng mình đó ! »

Thế là một đồn mười, mười đồn trăm, chỉ trong một buổi sáng mấy ngàn cuốn « Chiêu Hồn Nước » không cần đăng quảng cáo, xuất bản không

kèn không trống, mà đã bán hết sạch.

Sở Mật Thám của thực dân hay tin đi mua một cuốn. Vì là sách không kiểm duyệt, không nạp bản nên đã qua mặt được tất cả bọn « chó săn » của Pháp (danh từ thông dụng hồi bấy giờ).

Cậu học trò Phạm Tất Đắc âm thầm « làm văn nghệ » – nói theo danh từ văn nghệ hôm nay – và cậu đã thét lên những uất hận tự đáy tim của lớp thanh thiếu niên, những người « trai thế hệ » – tiếng nói chung của đồng bào đang oằn oại dưới bàn tay thực dân tàn ác.

*Cũng nhà cửa cũng giang san,
Thế mà nước mất nhà tan hồi Trời.
Nghĩ lắm lúc đang cười muốn khóc,
Muốn ra tay ngang dọc, dọc ngang
Vạch trời thét một tiếng vang,
Cho thân tan với giang san nước nhà.*
(CHIÊU HỒN NƯỚC)

Đã có một thanh niên « làm văn nghệ » mà dám sẵn sàng « cho thân tan với giang san nước nhà » thì cũng phải có một ông chủ nhà in « nâng đỡ văn nghệ » sẵn sàng nghe theo tiếng « chiêu hồn nước » : ông chủ nhà in Thanh niên đứng ra in cuốn thơ của Phạm Tất Đắc rồi thu xếp việc nhà, chờ mật thám đến còng hai tay, đưa lên « xe cây » cho đi nghỉ mát Hỏa Lò. Còn tác giả cuốn thơ ấy cũng biết số phận đang chờ mình.

Việc phải đến, đã đến.

Kẻ « làm văn nghệ » và kẻ « nâng đỡ văn nghệ » đều xộ khám.

Họ vào Hỏa Lò, nhưng tiếng vang của « Chiêu Hồn Nước » không vì thế mà phải im bật, trái lại còn lan truyền đi khắp nơi như một đám hỏa hoạn, bùng cháy tâm can đến cả hạng người cầu an nhất, muốn sống trong số lương tháng mà thực dân phát cho. Những câu thơ hùng tráng của « văn nghệ sĩ » họ Phạm đã gào thét lên tất cả một lòng quốc hận và đánh đổ

những áng văn ủy mị, bi quan của thời bấy giờ : « Tố Tâm »... « Tuyệt Hồng Lệ Sử ».

Sức mạnh của VĂN NGHỆ !

Nếu « văn nghệ hôm nay » đưa thế hệ « đang vươn lên » đi vào cuộc đời bê tha, đời trụy, thì văn nghệ trong « Chiêu Hồn Nước » đã một sớm một chiều đánh thức thanh thiếu niên, đẩy họ đến trước Nghĩa Vụ của họ.

Phải nhắc lại rằng hồi ấy cũng đã có những văn nghệ sĩ đầu độc tinh thần thanh thiếu niên bằng những bài thơ buồn chán « khóc gió than mây » và những tiểu thuyết diễm tình lãng mạn. Nhưng trái bom « Chiêu Hồn Nước » đã đốt cháy những tác phẩm văn nghệ ấy, đẩy chúng vào xô tủ bụi bám rồi chết trong sự lãng quên.

Trong các giới xã hội, người ta thì thầm nhắc đến văn chương « Chiêu Hồn Nước » cũng như ngày nay người ta « nói chương ». Giới « văn nghệ già » như Hoàng Tăng Bí, Nguyễn Văn Vĩnh, Phạm Quỳnh, tuy không nói ra, nhưng cũng phải ngấm ngầm thán phục cây bút văn nghệ trẻ đã có một sức mạnh « chiêu hồn » thật sự.

Các thanh thiếu niên học đường truyền tay nhau cuốn thơ của Phạm Tất Đắc và thuộc lòng những đoạn chánh :

*Đồng bào hỡi ! Con nhà Đại Việt
Có thân mà không biết liệu đời
Tháng ngày lẫn lữa đợi thời.
Ngẩn ngơ ý lại ở người ai thương !
Nay sóng gió bốn phương càng dội.
Có lẽ nào ngồi đợi mãi sao ?
Đồng bào chút giọt máu đào,
Thương ơi, tội nghiệp đời nào sót đây.
Nên mau mau, dậy ngay kéo muện,
Mà xót thương đến chốn Nhị Nùng*

Xưa kia cũng lắm anh hùng
Đọc ngang trời đất vẫy vùng bể khơi
Xưa cũng có lắm người hào kiệt.
Trong một tay xoay trở sơn hà
Nghìn thu gương cũ không nhòa
Mở mày mở mặt con nhà Lạc Long
Non sông vẫn non sông gấm vóc
Cỏ cây xưa vẫn mọc tốt tươi.
Người xem cũng đáng con người
Cũng tai cũng mắt ở đời khác chi
Cảnh như thế tình thì như thế
Sống làm chi sống để làm chi ?
Đời người đến thế còn gì !
Nước non đến thế còn gì nước non

Trong *Chiêu Hồn Nước*, Phạm Tất Đắc thét lên những tiếng ai oán, bi hùng, đọc lại thì cảm thấy bầu nhiệt huyết sôi sùng sục trong trái tim người học sinh đang tuổi hăng hái :

Nghĩ thân thế thêm mòn tấc dạ,
Trông non sông lã chã dòng châu
Một mình cảnh vắng đêm sâu,
Muốn đem máu đỏ nhuộm màu non sông
Hồn hỡi hồn ! Con Hồn cháu Lạc !
Bấy nhiêu lâu đói rách lắm than.
Bấy lâu thịt nát xương tan,
Bấy lâu tim ruột thâm gan vì hồn.
Trong bốn bể bôn chồn dạ ngọc,
Ngắm năm châu không khóc nên lời
Đêm khuya cảnh vắng trông trời
Hồn ơi, hồn hỡi ! Hồn ơi ! Hồn về.

Hồn hỡi hồn ! Giang san là thế !
Giống Lạc Hồng tôi kể hồn hay :
Kể từ hồn lạc đến nay,
Đêm đêm khóc khóc, ngày ngày than than...
Cũng có kẻ trên ngàn đổ máu,
Cũng có người nường nấu phương xa.
Cũng người bỏ cửa bỏ nhà.
Cũng người lo nghĩ tuyết pha mái đầu.
Cũng có kẻ làm trâu làm ngựa,
Cũng có người đầy tớ con đòi,
Có thằng buôn giống bán nòi,
Khôn thiêng chẳng hời ! Hồn coi cho tường.
Có mồm nói, không đường mà nói,
Có chân tay, người trói chân tay
Hồn trở về non sông đất cũ,
Mà mau mau giết lũ tham tàn.
Mau mau giết lũ hại đàn,
Túi tham dám chứa bạc vàng của dân.
Hồn trở về, cho dân tỉnh lại,
Không ngu ngu dại dại như xưa ;
Không còn vất vả sớm trưa
Không còn nắng nắng mưa mưa dãi dầu
Hồn trở về, mau mau hồn hỡi !
Hồn trở về, tôi đợi tôi mong !
Hồn về tô điểm non sông !
Hồn về đánh thức con Rồng cháu Tiên.

Trích ra vài đoạn thống thiết trong tập *Chiêu Hồn Nước*, bạn đọc cũng đủ xét đoán giá trị của nó trong tác dụng tuyên truyền, thức tỉnh đồng bào, cổ xúy lòng yêu nước, chống thực dân.

Cố nhiên Phạm Tất Đắc bị bắt và đưa ra xử trước toà Tiểu hình Hà nội, trong một phiên họp dành riêng xử các vị thành niên : bị can mới 18 tuổi. Trong phòng xử chật ních những sinh viên và học sinh tỏ lòng ngưỡng mộ một bạn đồng niên yêu nước. Cảnh sát phải chặn làn sóng người không cho tràn ngập vào tòa án.

Viên chánh án người Pháp, nghiêm nghị trong chiếc áo thụng đen, kêu Phạm Tất Đắc lên trước vành móng ngựa.

- Tại sao anh mỉm cười ! Viên chánh án hỏi.

- Đó là thói quen của tôi, Phạm Tất Đắc đáp.

Bị can luôn giữ nụ cười ngạo nghễ, khinh mạn làm cho cả chánh án, cả biện lý đều tức lăm. Biện lý tiếp lời Chánh án :

- Bị can hãy coi chừng ! Nếu còn vô lễ với tòa án, tòa sẽ đình xử, anh sẽ bị trả về khám đường.

Viên Biện lý Pháp không nói rõ, song ngụ ý của ông là khi trả về khám đường Đắc sẽ bị giam kín vào « xà lim », hai chân bị cùm và ăn cơm với muối. Hơn nữa có thể tòa sẽ cho lệnh điều tra bổ túc, bị can sẽ giao qua sở Mật thám tra tấn, như anh đã từng bị tra tấn tàn bạo từ ngày bị bắt.

Phạm Tất Đắc quay về phía tay trái, chỗ Biện lý ngồi, vẫn mỉm cười ngạo nghễ, đáp :

- Tôi đã nói với các ông rằng đó là cái tật của tôi.

Viên chánh án ngắt lời anh, bắt đầu xử vụ án, muốn cho mau kết liễu :

- Anh là Phạm Tất Đắc, sanh ngày 15 tháng 2 năm 1909 tại làng Dũng Kim, tổng Công Xá, phủ Lý Nhân, Hà Nam. Cha anh là Phạm Văn Hạnh, mẹ anh là Lê Thị Giáo. Anh đỗ bằng Sơ học Pháp Việt, vào học trường Bảo Hộ từ năm 1923...

Hỏi hết lý lịch của bị can, ông Chánh án nói đến tội trạng của anh, anh bị khép vào một khoản trong Hình luật canh cải nói về « những việc vận động có tánh chất làm rối sự an ninh công cộng và gây ra những sự rối loạn trầm trọng ».

Ông hất hàm hỏi câu chốt :

- Anh muốn nói gì để bình vực cho anh không ?

Phạm Tất Đắc đồng dục nói tiếng Việt :

- Xin tòa cho dịch ra tiếng Việt Nam vì tôi không nói tiếng Pháp.

Viên chánh án giận đỏ mặt :

- Anh vừa nói được tiếng Pháp. Bây giờ anh muốn nói tiếng « An Nam » để tuyên truyền phải không ?

Viên Biện lý xen vào :

- Xin tòa chú ý đến điều này : Bị can còn muốn dùng chốn tôn nghiêm mà cổ xúy nổi loạn trong đám thanh thiếu niên ngồi đầy nhóc trong phòng xử án.

Luật sư bào chữa cho bị can, một luật sư Pháp, đứng sát bên bị can khuyên nhỏ :

- Anh nên trả lời bằng tiếng Pháp, kéo làm cho tòa bất mãn, anh sẽ bị xử nặng.

Viên Chánh án quay về phía lục sự bảo ghi chép vào sổ :

- Bị can nhất định đòi nói tiếng An nam, không chịu nói tiếng Pháp, mặc dầu trong học bạ của y, kỳ thi lục cá nguyệt nào y cũng được từ 12 đến 14 điểm về Luận Pháp văn.

Dưới thời Pháp thuộc, học sinh năm thứ tư, sắp thi bằng Thành Chung, đều khá tiếng Pháp lắm, có người viết được bài đăng báo Pháp nữa, mà Đắc

lại là học sinh xuất sắc về Luận Pháp văn song cố ý đòi nói tiếng mẹ đẻ.
Viên chánh án bảo thông ngôn :

- Dịch ra tiếng An nam cho nó nghe.

Viên thông ngôn dịch xong rồi bị can đáp :

- Tôi xin tòa cho đọc tập sách mà tòa kết tội và vạch rõ ra những đoạn nào phạm luật.

Viên chánh án nghe dịch xong câu ấy, đáp : « Khởi cần ! » rồi nhắc lại điều khoản trong Hình luật mà ông đọc thuộc lòng không cần nhìn vào sách vì ông đã xử nhiều vụ như thế này rồi, ông kết thúc :

- Anh còn muốn nói gì nữa để bào chữa không ?

Phạm tất Đắc đồng dục nói :

- Khi Pháp thua Đức, phải nhường hai tỉnh Alsace Loraine cho Đức, thanh niên hai tỉnh này có bỏ tiếng Pháp mà nói tiếng Đức không ? Tôi nói tiếng Việt sao các ông lại bắt bẻ...

- Thôi thôi ! ngưng lại.

Ông Phán già thông ngôn của tòa án đã xua tay chặn bị can vì ông có kinh nghiệm không để cho bị can « chửi Pháp » giữa tòa án. Nhưng Đắc không ngưng, cướp lời nói tiếp trong khi ông Phán dịch những câu cho tòa nghe.

Bị can nói thao thao một lúc vì lo tòa cho còng tay giải về Hỏa Lò :

- Nếu một thanh niên ở Alsace Loraine viết ra cuốn *Chiêu Hồn Nước* như tôi, họ có tội không ? Chắc anh ta sẽ là một nhà ái quốc chứ ? Các ông binh vực cho nước Pháp đô hộ, sắp nhân danh ái quốc kết án một thanh niên Việt Nam phạm « tội ái quốc ». Quân Đức chắc cũng đã xử nhiều thanh niên Pháp phạm « tội ái quốc » như tôi.

Ông Biện lý đập bàn hăm dọa :

- Lần chót tôi cảnh cáo, nếu bị can còn ngoan cố y sẽ bị đưa về khám.

Ông Chánh án điềm đạm hơn, cho dịch những câu bị can vừa nói, rồi thêm :

- Một mình bị can làm sao làm nổi tập thơ này. Lời thơ già giặn lắm. Ba anh có giúp cho anh làm tập thơ này không ?

Viên Chánh án dụng ý dọa bị can rằng : « Coi chừng, tòa sẽ bắt cả cha anh như là tòng phạm ». Đắc không nao núng, không chờ viên thông ngôn dịch lời viên chánh án, anh trả lời liền bằng tiếng Việt :

- Ông muốn biết ai là tòng phạm ? Tòng phạm của tôi là hai chục triệu đồng bào tôi, là thanh niên toàn quốc.

Thấy bị can nói nhiều quá, ông chánh án không thèm nghe lời dịch nữa, bảo cảnh sát :

- Hãy lôi bị can về chỗ ngồi. Kêu cha của bị can lên.

Rồi ông nghiêm trách ông Phạm văn Hạnh :

- Ông có con không biết giáo dục. Ông đừng quên rằng con ông còn vị thành niên, ông có trách nhiệm về nó.

- Con tôi ở nhà thì tôi có trách nhiệm, còn nó đi học thì trách nhiệm về nhà trường, về chánh phủ.

Viên chánh án thấy người cha bình thản, không run sợ, nên lo ông sẽ tuyên truyền nữa bèn ngắt lời :

- Thôi đủ. Xin ông Biện lý lên tiếng.

Biện lý buộc tội gắt gao rồi Luật sư Pháp bình vức gượng gạo vì ông bị phải một « thân chủ cứng đầu » quá, bào chữa sao nổi.

Phạm tất Đắc bị kết án « gởi lên trại giáo hóa Trị Cự » ở thượng du, giam giữ đến tuổi trưởng thành : 21 tuổi. Trị Cự cũng như trại Ông Yêm trong Nam thời Pháp thuộc.

Được vài tháng, thấy Đắc tuyên truyền trong đám thiếu nhi phạm pháp, người Pháp không dám để anh ở Trại Cù nữa mà đưa về Hà Nội, giam ở « xà lim B » là chỗ dành riêng cho những phạm nhân « nguy hiểm » – không thể để chung với các tội nhân khác.

Ngày 16 tháng 5 năm 1930, Đắc được trả tự do vì đã đủ 21 tuổi.

Anh về nhà dạy học tư cho các thí sinh thi bằng Thành Chung. Vì bệnh hoạn liên miên do sự tra tấn hồi bị bắt, anh không đủ sức chống với con ma bệnh. Ngày 24 tháng 4 năm 1935 anh từ trần tại Hà Nội.

« *Muốn đem máu đỏ nhuộm màu non sông !* »

Trong *Chiêu Hồn Nước*, Phạm tất Đắc đã thốt ra câu ấy. Máu đỏ của anh không được nhuộm đất nước, nhưng trái tim nóng hồi yêu nước của cái tuổi 26 đã được chôn vùi trong lòng đất nước.



Notes

[← 1]

Sau này có kẻ bị bắt đã tố cáo sự thật về anh Tâm nên anh bị đưa ra tòa xử.

[← 2]

Phan thiết chưa có Cách mạng, còn yên ổn.

[← 3]

Thống đốc Nhựt hồi đó.